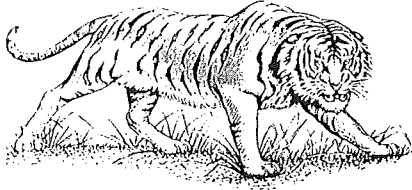


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hàn



Nhân dịp Tết Mậu Dần, ban biên tập Thông Luận kính chúc quý độc giả một năm mới an khang và thịnh vượng

Quan điểm

Lê Khả Phiêu sẽ làm gì?

Dư luận đã dành cho ông Lê Khả Phiêu một thái độ quan sát và chờ xem khá đặc biệt. Chế độ độc tài khắc nghiệt mà ông cầm đầu đang giam giữ nhiều tù nhân chính trị, kể cả những nhà lãnh đạo tôn giáo, và đang đẩy sâu đất nước vào bế tắc. Lê Khả Phiêu không phải là một nhân vật thực sự mới, ông đã cầm quyền một cách không chính thức từ gần hai năm qua, đã góp phần chủ động trong những chọn lựa đưa đến tình trạng hiện nay. Hơn nữa, những lời tuyên bố của ông Phiêu sau khi nhận chức Tổng Bí Thư cũng không khác những gì ông vẫn nói từ trước và tuyệt đối không mang một dấu hiệu đáng phấn khởi nào. Tuy vậy báo chí hải ngoại, cũng như dư luận trong và ngoài nước đã không đả kích ông, trái lại có khi còn nhận xét ông là một người không bị tai tiếng và tham nhũng, thông minh và mưu lược. Lê Khả Phiêu phải coi đây là một sự kiện phản ánh thái độ rất chùng mực của đối lập Việt Nam, nhất là đối lập hải ngoại.

Vị thế của ông Lê Khả Phiêu không vững mạnh.

Đối với dư luận quốc tế, các nhà đầu tư và các định chế tiền tệ quốc tế, ông là một nhân vật thủ cựu và cứng rắn, một mối đe dọa quân phiệt. Đối với các nước láng giềng, ông tiêu biểu cho cuộc xâm lăng Cam-bốt. Đối với đa số đảng viên, ông không có thành tích và uy tín. Trong dân chúng, nhận xét khách quan là tình hình kinh tế xã hội đã xấu đi kể từ khi ông trở thành nhân vật nhiều quyền lực.

Sau đó là bối cảnh trong nước và quốc tế. Từ nhiều năm qua, những trò chuyện giữa người Việt Nam với nhau đã chỉ xoay quanh việc làm ăn, nhưng nội dung các câu chuyện đã khác hẳn. Cách đây vài năm người ta bàn tán về những cơ hội làm giàu, bây giờ người ta trao đổi với nhau những lo âu về cuộc sống. Đúng như dự đoán của Thông Luận trong bài quan điểm số trước (TL01/98, số 111), chính quyền cộng sản đã đưa ra con số tăng trưởng 9% cho năm 1997, một con số ngụy tạo lộ bịch. Sự dối trá này, đã rõ rệt từ hai năm nay, sẽ không thể tiếp tục lâu hơn được nữa.

Kinh tế Việt Nam đã phần nào khởi sắc nhờ đầu tư nước ngoài. Nhưng hơn 2/3 số vốn đầu tư đến từ các nước Châu Á đang khủng hoảng nặng nề, họ sẽ không còn tiền đầu tư vào Việt Nam nữa trong khi các nguồn đầu tư từ các nước phương Tây ngày càng bị thu hút vào các nước Châu Mỹ la tinh đang vùng lên mạnh mẽ. Hoạt động xuất cảng vốn đã yếu kém của Việt

Nam lại bỗng nhiên gặp sự cạnh tranh gay gắt của các nước Châu Á mà các đồng tiền đã phá giá hơn 50%.

Việt Nam chưa phát triển được bao nhiêu nhưng đã chịu những bệnh rất nặng của một nền kinh tế tư bản xô bồ. Tham nhũng và tệ đoan xã hội leo thang, chênh lệch giàu nghèo lộ liễu và thách đố. Chính sách tập trung quyền lực cộng thêm với tệ quan liêu bần giấy đã đưa tới hiện tượng đổ xô về Hà Nội và Sài Gòn gây ra tình trạng ô nhiễm và ứ đọng đến độ người đi bộ cũng gặp khó khăn. Tình hình có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Các cuộc phản kháng và chống đối bắt đầu xảy dồn dập và đang tiến dần từ nông thôn về thành phố. Thái Bình, rồi Đồng Nai, rồi Long Bình và sắp tới ngay chính trung tâm Sài Gòn.

Trong một bối cảnh khó khăn như vậy, không bị tai tiếng về tham nhũng, ngay cả trong sạch thực sự, cũng không phải là một yếu tố đủ để lãnh đạo. Không có uy tín lịch sử, muốn củng cố được địa vị, ông Lê Khả Phiêu sẽ phải cần những thành quả ngoạn mục hoặc những sáng kiến thật độc đáo. Thành quả thì chắc chắn ông sẽ không có được vì bối cảnh quá bế tắc, và lại ông Phiêu cũng chỉ có những hiểu biết kinh tế xã hội rất giới hạn. Lối thoát duy nhất của ông Phiêu là những sáng kiến độc đáo.

Nhưng sáng kiến nào đây, ngoài chọn lựa dân chủ hóa dứt khoát và quả quyết? Dân chủ là điều duy nhất mà người Việt Nam chờ đợi và có thể tán thành. Và dân chủ rất có lợi. Dân chủ để trả lại phẩm giá và niềm tin cho người Việt Nam, và để hòa giải họ với một chính quyền mà họ đã chán ghét tới độ không muốn nói tới nữa. Dân chủ để động viên mọi sinh lực quốc gia và để hội nhập quần chúng vào cuộc chiến sống còn chống tham nhũng. Dân chủ để thế giới nhìn Việt Nam như một đối tác có thể tin tưởng được.

Nếu ông Phiêu thực sự nghi và làm những gì ông đã nói từ trước tới nay thì thất bại cho cả đảng của ông lẫn chính cá nhân ông là điều chắc chắn. Ngược lại nếu ông quả quyết đổi mới thực sự về dân chủ thì chính hoàn cảnh khó khăn hiện nay cũng có thể là một lý do và một hậu thuẫn cho chọn lựa của ông.

Đảng nào thì ông Phiêu cũng sẽ đi vào lịch sử, nhưng ông sẽ đi vào lịch sử với thế đứng nào và dáng đứng nào. Thế đứng của một người có công dân chủ hóa đất nước hay của kẻ có tội cản đà tiến về tương lai của dân tộc? Dáng đứng của một người Việt Nam yêu nước hay của một tín đồ cuối cùng của một chủ nghĩa lỗi thời đã bị loài người vứt bỏ?

Thông Luận

Cải tổ kinh tế và sôi nổi chánh trị ở Nam Dương

Vào lúc mà sự can thiệp của Huế Kỳ đã làm xuống được phần nào nhiệt độ, cơn sốt kinh tế Á Đông ngày càng mang nặng triệu chứng chánh trị. Sau sự thay đổi chánh phủ ở Thái Lan vào đầu tháng 11-97, tới phiên chế độ Nam Dương bị thực tại kinh tế lung lay trầm trọng. Ngày 15-1-98, để nhận được phần thứ hai số tiền mà Quỹ Tiền tệ Quốc tế (QTTQT) dự trừ hầu cứu vãn nền kinh tế Nam Dương, tổng thống Suharto đã phải ký một văn kiện cam kết ý định cải cách kinh tế. Tổ chức quốc tế đành phải dùng phương pháp trích thượng này, sau khi chánh quyền Jakarta đã tỏ vẻ không muốn thay đổi đường lối kinh tế. Ngân sách nhà nước mà ông Suharto đã trình bày trước quốc hội ngày 6-1-98, dựa vào tỷ số tăng trưởng 4%, một tỷ lệ lạm phát là 9% và một tỷ suất hối đoái là 4000 rúp - một Mỹ kim trong lúc ước liệu của những cơ quan quốc tế (vào lúc đó) là 0%, 20% và 8000 rúp - một Mỹ kim. Kèm theo những nhận định lạc quan vô cơ này, nhiều lời phê bình có chiều hướng phủ nhận trách nhiệm của chánh quyền Nam Dương trong vụ khủng hoảng kinh tế và đổ lỗi cho những nhà đầu cơ quốc tế. Hậu quả trực tiếp của bài thuyết trình vô trách nhiệm của tướng Suharto là sự sụt giá tức khắc của đồng rúp và một đợt rút vốn khác.

Nhưng bộ then chốt mà tổng thống Suharto đã phải chấp nhận là bài bỏ chánh sách gia đình trị chi phối nền kinh tế Nam Dương. Tướng Suharto hứa sẽ hủy bỏ độc quyền của công ty Bulog - một xí nghiệp do con trai út của ông kiểm soát - trên ngành buôn bán bột mì, đường và dinh dưỡng. Mục tiêu trung hạn là giải quy toàn bộ thị trường nông sản nội địa. Một số dự án kỹ nghệ tốn kém sẽ bị đình hoãn như chương trình chế tạo xe Timor do công ty liên doanh của con trai Tommie Suharto và xí nghiệp Đại Hàn Kia Motors thực hiện hay kế hoạch phi cơ giao dịch của bộ trưởng khoa học và kỹ thuật Habibie, một người thân cận của Suharto. QTTQT cho biết họ không muốn đề cập đến số nợ tư nhon của Nam Dương ngày nào mà hệ thống ngân hàng chưa được minh bạch. Áp lực kỳ này của QTTQT mạnh hơn nhiều và ông Suharto sẽ đích thân điều khiển chương trình cải cách. Ngọn cò của cuộc cải tổ hệ thống ngân hàng là việc biến đổi Ngân hàng Trung ương thành một định chế tự trị. Dù rằng đó là xu hướng chung của các nước Tây phương từ vài năm nay, đây là một điều hoàn toàn mới lạ

ở Á châu, kể cả đối với một quốc gia tân tiến như Nhật Bản.

Đời sống chánh trị Nam Dương sôi nổi từ một tháng nay. Sau vài thập niên chung sống hòa bình giữa các chủng tộc, Nam Dương lại rơi vào những cuộc tấn công người Hoa. Một lãnh tụ nghiệp đoàn tuyên bố rằng tổ chức của ông đang cố gắng "ngăn cản những vụ tàn sát sắc tộc". Đối lập Nam Dương từ bỏ cách phát biểu kèm hàm mà họ buộc phải có từ trước đến nay. Bà Sukarnoputri, con gái cựu tổng thống Nam Dương, liên kết với ông Wahid, lãnh tụ của tổ chức tương trợ lớn nhất với 30 triệu hội viên, để vận động chống sự tái ứng cử của ông Suharto. Nhưng những lời kêu gọi sự rút lui của tướng Suharto không chỉ đến từ đối lập. Một cựu cố vấn của Suharto cho rằng "gần như toàn thể chánh giới đều bình hoạn". Theo ông Sadli, người đã tạo nên sự phát triển của Nam Dương trong các thập niên 70-80, "ông Suharto phải rút lui". Tuy nhiên, ngoài thiện ý của tổng thống đương nhiệm, không ai thấy được một giải pháp hợp hiến nào khác vì toàn bộ chánh thể Nam Dương chịu sự kiểm soát của tướng Suharto. Tổ chức chánh trị duy nhất được phép hoạt động thường xuyên là Nhóm Chức năng (Golkar) thuộc phe chánh phủ. Hai chánh đảng hợp pháp còn lại, Đảng Dân chủ Nam Dương và Đảng Đoàn kết và Phát triển chỉ được hoạt động trong thời kỳ bầu cử. Tất cả ứng cử viên phải được quân đội và phủ tổng thống chấp thuận. Đại hội Quốc dân Tư vấn chỉ được triệu tập năm năm một lần để bầu vị tổng thống và thông qua sách lược nhà nước. Trong số 1000 "đân biểu", 500 do chính ông Suharto bổ nhiệm, 75 thuộc quân đội và 70% số ghế còn lại đã lọt vào tay đảng Golkar qua cuộc tuyển cử năm ngoái. Ông Wahid tiên đoán: "*Suharto sẽ tái đắc cử. [...] Tôi đã hỏi các tướng lĩnh họ có sẵn sàng bỏ rơi vị tổng thống hay không. Câu trả lời là không*".

Cuộc động đất kinh tế chứng minh rằng "ổn định chánh trị" mà các chế độ chuyên chánh Á châu hô hào để tước đoạt dân chủ đã không là một ưu thế cho phép họ phản ứng một cách nhanh chóng và đúng đắn trước tình thế khó khăn. Trái lại, những cấu kết "loạn luân" giữa giới kinh doanh và giới chánh trị đã là trở ngại chủ yếu trong việc cải thiện kinh tế. Trong lúc đó, những nước dân chủ như Thái Lan và Đại Hàn tỏ ra có nhiều cơ may thành công

hơn chỉ vì khả năng thay đổi chánh quyền đã cho phép họ đưa lên những lãnh tụ có hậu thuẫn quần chúng và không dính líu với giới kinh doanh như thành phần trước. Thay vì chửi bới các nhà đầu cơ quốc tế một cách ngông cuồng như tổng thống Nam Dương hay thủ tướng Mã Lai Á, tổng thống Đại Hàn mới đắc cử Kim Đại Trung và tân thủ tướng Thái Lan Chuan Leekpai đã quyết định đem một số chuyên gia tài chánh vào đội ngũ lãnh đạo và lựa chọn này đã tỏ ra phù hợp với nguyện vọng của thị trường cũng như dân chúng. Theo bước của nhà tư bản George Soros, các "vốn rui ro" (*hedge funds*) bắt đầu trở lại Đại Hàn và Thái Lan. Thay vì những cuộc nổi loạn bộc phát đầy đó trên quần đảo Nam Dương, ở Đại Hàn và Thái Lan, người ta nhận thấy những chiến dịch tiết kiệm, thu góp vàng bạc và tiêu dùng đồ nội hóa do chính xã hội dân sự khởi xướng và tổ chức, một bằng chứng rõ ràng là dân chủ luôn luôn là phương pháp tốt nhất để đoàn kết dân tộc.

Từ khi dân chủ và tư bản xuất hiện ở Tây phương vào thế kỷ XVIII, lịch sử thế giới chứng kiến nhiều mưu toan xây dựng một trong hai chế độ mà từ chối cái kia. Lý do vì mối liên hệ sâu kín giữa hai phương thức tổ chức là điều không dễ nhận ra. Chủ nghĩa cộng sản có thể xem như một tham vọng thiết lập nền dân chủ loại trừ tư bản. Giờ đây, ai nấy đều thấy rõ sự thất bại trên bình diện con người cũng như kinh tế của không tưởng này, tuy rằng kích thước thực sự của thảm kịch cộng sản chỉ mới được các sử gia nghiên cứu. Vào những thập niên 60-70, lại xuất hiện một ảo tưởng ngược lại, tức việc xây dựng chế độ tư bản phi dân chủ, thể hiện bởi những thể chế chuyên chánh Nam Mỹ và Á Đông. Khác biệt duy nhất giữa hai nhóm quốc gia là các chế độ Nam Mỹ đã không đưa ra được một yếu tố văn hóa nào để biện minh cho những vi phạm nhân quyền trong lúc các chế độ chuyên chánh Á châu lại có thể viện dẫn những đặc thù văn minh để lý thuyết hóa độc tài. Điều đáng tiếc là lập luận này đã lường gạt được không những người Tây phương nhẹ dạ mà cả những người Á châu có niềm tự hào chủng tộc đặt không đúng chỗ. Tám năm sau sự suy sụp của chủ nghĩa cộng sản, người ta chỉ có thể hy vọng rằng trận bão kinh tế Á châu sẽ có ít nhất tác dụng bề cổ dứt khoát các luận điệu "Á châu chủ nghĩa" phủ nhận tánh phổ cập của nhân quyền và dân chủ.

Diệp Tường Bào

Cương lĩnh chính trị của đổi lập dân chủ Trung Quốc

Nguyễn Phi Phụng

Lời giới thiệu:

Đầu tháng giêng 1998, một nhóm canh tân trong đảng và chính phủ Trung Quốc đưa ra ngoài nước một cương lĩnh chính trị đòi chế độ cải tổ chính trị theo chiều hướng tự do dân chủ. Cương lĩnh này được chuyển tay trong nước từ giữa tháng 11-1997. Điều mà người ta để ý là những người chủ trương cải tổ chính trị này rất thực tế và ôn hòa. Họ đã phân tích nghiêm túc tình hình chính trị trong và ngoài nước và đề nghị chế độ phải duyệt lại toàn diện chính sách. Về nội bộ, họ đòi chế độ phải thực hiện sự phân quyền giữa đảng và nhà nước, từ bỏ độc quyền, tổ chức tổng tuyển cử tự do để bầu một quốc hội mới, tôn trọng tự do rộng rãi về kinh tế. Về đối ngoại, họ đề xướng tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ, khảo sát lại quan hệ với các nước lân bang đặc biệt là giải quyết vấn đề hai đảo Trường Sa và Hoàng Sa, cũng như với các lãnh thổ có quan hệ mật thiết với Trung Quốc như Hương Cảng, Tây Tạng và Đài Loan. Cuối cùng, những người chủ trương cương lĩnh cũng đề xướng ngưng chỉ cuộc chạy đua về vũ khí và tăng cường tiêu chuẩn về nhân quyền. Người ký tên cương lĩnh này là ông Phương Giác (Fang Jue). Ngay sau đó, tờ báo Washington Post ở Mỹ cho biết ông Phương Giác năm nay 44 tuổi, đã giữ chức phó giám đốc ban kế hoạch thành phố Phúc Châu (Fu Zhou) cho đến năm 1995. Hiện nay ông là giám đốc một xí nghiệp tư chuyên bán các đồ dùng văn phòng. Ông Phương Giác được cho là người "cầm bút" của một nhóm cán bộ trung và cao cấp ở vào tuổi ngũ tuần trong đảng và nhà nước, có quyền lực trên phương diện chính trị. Phong trào đòi tự do dân chủ do người tù nổi tiếng Ngụy Kinh Sinh (Wei Jing Sheng) đề xướng từ năm 1979. Ông ta bị 18 năm tù vì "tội" nói trên và bị chính quyền Bắc Kinh trục xuất sang Mỹ vào đầu tháng 11 vừa qua. Mười năm sau đó, sinh viên và học sinh Trung Quốc đã xuống đường ở quảng trường Thiên An Môn và chính quyền Đặng Tiểu Bình lúc đó đã cho đàn áp trong máu lửa. Nhưng lần này, phong trào đòi tự do dân chủ xuất phát từ trong đảng. Đó là một hiện tượng mới. Ông Lý Nhuệ (Li Rui), một trong năm cựu bí thư riêng của Mao Trạch Đông cùng với cho đảng ở Bắc Kinh một văn kiện mới với đề tựa *Tan băng (dégel)* trong đó ông đã lên án tính

chất phong kiến của Bắc Kinh và phát biểu ý kiến tán thành thế quân bình về quyền lực. Trước đó, vào dịp đại hội đảng lần thứ 15, ông Thượng Đức Văn (Shang De Wen), một giáo sư kinh tế học cũng đã đòi chế độ phải thực hiện dân chủ đa nguyên nếu chế độ không muốn đi tới phá sản. Bản cương lĩnh chính trị của ông Phương Giác cũng được hai nhân vật lưu vong nổi tiếng ở Mỹ, Ngụy Kinh Sinh và Lưu Thanh (Liu Qing) tán thành qua bài tham luận của hai người vừa được nhật báo *Le Monde* đăng ngày 24-1 vừa qua. Hai ông này cho rằng đây là một văn kiện chủ yếu cho tương lai của Trung Quốc. Những lời đề nghị trong cương lĩnh chính trị là kết quả những bàn cãi phong phú của những người đề xướng và đã được suy nghĩ chín chắn. Hai vị này kết luận rằng : "Sau khi hai chính khách Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình từ trần với quyền lực cá nhân tuyệt đối, chính quyền hiện nay ở Trung Quốc là con mồi của sự tranh chấp gay gắt trong nội bộ. Tình hình chính trị và kinh tế của Trung Quốc đòi hỏi một sự thay đổi. Nếu những thay đổi này không được thực hiện, tình hình sẽ đưa đến hỗn loạn trầm trọng do các vấn đề hiện nay mà Trung Quốc phải đối phó như : sự phá sản, nạn thất nghiệp, nạn hối lộ, nhu cầu cải tổ kinh tế. Giải quyết các vấn đề này chính là ý nguyện của thế hệ mới của cán bộ và chính họ là những người đề xướng văn kiện nói trên". Vì là một văn kiện có giá trị cho nên chúng tôi xin lược dịch để cống hiến độc giả. Chúng tôi thiết nghĩ nếu chính quyền mới của Bắc Kinh cho áp dụng cương lĩnh chính trị này thì hòa bình trong vùng Đông Nam Á được duy trì lâu dài, tránh được sự chạy đua về vũ khí của các nước lân bang.

Cương lĩnh chính trị

Trung quốc cần chuyển biến mới

Bước vào thế kỷ thứ 21, Trung Quốc phải xúc tiến tiến trình hiện đại hóa. Nếu không Trung Quốc sẽ không bao giờ được cộng đồng thế giới chấp nhận.

I. Khởi động tiến trình dân chủ

Trong viễn tượng đó, Trung Quốc phải làm những bước đầu về dân chủ :

a) Tổng tuyển cử tự do để bầu quốc hội mới. Hội nghị lần thứ 9 của quốc hội sẽ họp vào mùa xuân 1998 để thông qua

một đạo luật về tổng tuyển cử phù hợp với tiêu chuẩn của thế giới văn minh hầu đáp lại nguyện vọng của nhân dân Trung Quốc. Bằng một phổ thông đầu phiếu trực tiếp và tự do, đạo luật này có mục tiêu biến đổi quốc hội nhân dân hiện tại thành một nghị viện dân chủ thực sự.

b) Tự do thành lập báo chí và hiệp hội. Để công việc xuất bản báo chí được nghiêm túc và vô tư, phải cho phép cá nhân có quyền tự do làm báo, tạp chí, nhà xuất bản, các hãng thông tin, các đài phát thanh và truyền hình cũng như phải cho phép tự do lưu hành sách vở, tạp chí, và ngay cả chương trình của các đài ngoại quốc. Quyền sử dụng mạng lưới thông tin Internet cũng phải được bảo đảm.

Phải cho phép quần chúng có tự do tổ chức các hiệp hội chính trị và không chính trị. Các nghiệp đoàn, các phòng thương mại, các hiệp hội nông dân và sinh viên, các đoàn thể tôn giáo phải là tác nhân chính của Trung Quốc hiện đại.

c) Phân quyền giữa đảng và chính quyền. Sự phân quyền này phải thực hiện ở hạ tầng cơ sở như xã và huyện. Những người trách nhiệm địa phương về hành pháp và lập pháp phải trở thành trung tâm chính trị và hành chính của vùng họ quản trị. Thủ tục phân quyền này sẽ dần dần được áp dụng vào các cấp của chính quyền. Trong những cơ cấu mới này, phải nói rộng nền tự trị của chính phủ địa phương. Sự quan hệ giữa chính quyền trung ương và các tỉnh phải có công bằng, đặc biệt là sự phân phối về lợi ích kinh tế.

II. Mở rộng tự do về kinh tế

Muốn cho sự phát triển kinh tế có tính cách lợi ích chung, cần phải thiết lập một hệ thống phối hợp ngang nhau ba thành phần kinh tế : nhà nước, tư nhân và đầu tư ngoại quốc. Tiêu chuẩn duy nhất là kinh tế thị trường.

a) Thiết lập một sự cạnh tranh thực sự. Quốc gia là một cộng đồng thuộc về nhân dân, cần phải thiết lập một cách bằng nhau giữa tất cả các xí nghiệp và chế độ tư hữu. Phải hủy bỏ ngay mọi hình thức phụ cấp và hỗ trợ cho kinh tế và ngoại thương nhà nước. Nó là hậu quả của đặc quyền được phô trương hay che giấu. Phải lấy các biện pháp điều chỉnh lại các xí nghiệp. Cần phải chấp nhận sự cấm cản sinh hoạt và sự phá sản như dụng cụ để loại trừ những khu vực đã mất sức sống trong kinh

tế nhà nước.

Những xí nghiệp quốc gia phải được đối đãi ngang hàng với các xí nghiệp do ngoại quốc đầu tư. Thị trường quốc gia phải được tự do mở rộng cạnh tranh. Phải giảm hạ thuế hải quan và phải tiếp tục loại trừ những hàng rào phi quan thuế theo quy luật quốc tế.

b) Thay đổi kinh tế nhà nước thành kinh tế công cộng. Kinh tế nhà nước thoát khỏi sự kiểm soát của quần chúng. Tình trạng này đưa đến sự vi phạm lợi ích chung và khuyến khích nạn tham nhũng vô hạn. Những cơ quan luật pháp trung ương và vùng cần phải thiết lập các cơ cấu kiểm soát xí nghiệp nhà nước trong đó có đại diện quần chúng. Các cơ cấu này có nhiệm vụ giám sát những quyết định đầu tư, phân phối lợi nhuận và bổ nhiệm những người có trách nhiệm trong các khu vực kinh tế nhà nước. Song song đó, phải hủy bỏ hệ thống kiểm duyệt trước đây. Hành chính không còn có gánh nặng kiểm soát xí nghiệp nhà nước.

c) Luật thị trường phải là quy tắc. Để tránh sự va chạm giữa kinh tế thị trường còn yếu kém và kinh tế nhà nước còn quá mạnh, phải triệt để giảm mạnh mọi can thiệp và khống chế của chính phủ trong lãnh vực kinh tế. Phải dứt khoát từ bỏ tật xấu là dùng động cơ chính trị để phát triển kinh tế. Sự vay mượn ngân hàng chỉ phục tùng theo nguyên tắc thương mại. Hiện nay các ngân hàng bắt buộc phải phục tùng nhiều lý do khác nhau, trước hết là cứu vãn các xí nghiệp bị thua lỗ nhưng được cán bộ cao cấp che chở. Phải giảm thuế trị giá gia tăng (TVA) và thuế thu nhập xí nghiệp để tạo điều kiện dễ dàng cho tích lũy vốn của xí nghiệp. Mục đích là qui định một ngân quỹ nhà nước công bằng.

III. Thừa nhận một văn hóa đa nguyên

a) Văn hóa đa nguyên sẽ trang bị cho Trung Quốc tinh thần cần thiết để đi vào thế giới hiện đại. Phải tạo điều kiện dễ dàng cho sự truyền bá tư tưởng và nói rộng tranh luận cho giới trí thức. Họ không thể bị bịt miệng mãi.

Chấp nhận những tư tưởng mới, những lý luận khác nhau, mở rộng nhiều hướng cho sự phát biểu ý kiến của xã hội, đó là một quyền chính đáng. Đó là sinh hoạt của một công dân có trách nhiệm, không nên trấn áp.

b) Tiêu trừ những tác dụng tiêu cực độc quyền của nhà nước. Để cổ động quần chúng, đảng và nhà nước đã huy động nhiều tài chánh cho sinh hoạt văn hóa.

Cần phải hạn chế các loại sinh hoạt này thường có tác dụng bóp nghẹt tự do và hạn chế đời sống văn hóa của nhân dân.

IV. Điều chỉnh chính sách đối ngoại

Chính sách đối ngoại cần phải thích ứng với sự hiện đại hóa Trung Quốc. Từ nay tùy thuộc xã hội quốc tế, Trung Quốc phải chú ý tới sự đòi hỏi của hoàn cảnh mới này.

a) Xúc tiến đóng góp vào sự ổn định trong vùng. Nhiệm vụ đầu tiên của Trung Quốc với chính mình và đối với các xứ lân bang là tham gia duy trì ổn định và phồn thịnh của Đông Nam Á. Trong chiều hướng đó, Trung Quốc phải tỏ thái độ bình tĩnh và khoan dung.

- Giải quyết xung đột lãnh thổ đặc biệt là Trường Sa và Hoàng Sa. Bắc Kinh phải khước từ áp dụng phương tiện áp lực quân sự. Động cơ chính là phải tránh những cuộc xung đột tiềm tàng và tranh chấp gay gắt giữa Trung Quốc và các xứ Đông Nam Á. Để tiêu trừ những nguyên nhân căng thẳng ở bán đảo Triều Tiên, Trung Quốc phải lấy những biện pháp cụ thể để ngăn chặn Bắc Triều Tiên phát triển công nghiệp chiến tranh và kết thúc với đồ án của Bình Nhưỡng muốn trang bị vũ khí hạt nhân.

- Nhật Bản từ lâu đã trở thành một quốc gia yêu chuộng hòa bình, dân chủ, có nhà nước pháp trị. Mục tiêu của Trung Quốc ở Á Châu là tìm một quan hệ Trung-Nhật lành mạnh và ổn định trên bình diện kinh tế và chính trị.

b) Ngăn ngừa lạm phát trang bị vũ khí. Khước từ sử dụng vũ khí tinh vi và phát triển công nghiệp quân sự như một phương tiện để giành thắng lợi trên phương diện chính trị và địa lý sẽ cải thiện hình ảnh quốc tế của Trung Quốc và cho phép ngoại giao Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng trên chính trường thế giới. Phải kiểm soát nghiêm túc xuất cảng nguyên liệu và kỹ thuật có chức năng sử dụng vừa quân sự vừa dân sự.

c) Tăng gia tiêu chuẩn nhân quyền. Trong nhân quyền có tự do dân sự và tự do chính trị. Trung Quốc vừa gia nhập Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Trung Quốc phải làm cố gắng để ký công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị càng sớm càng tốt. Vì lẽ đó, Trung Quốc phải hoàn tất nhiệm vụ do văn kiện đề ra và phải chấp nhận sự giám sát quốc tế theo như luật định.

Nhân quyền biểu hiện giá trị phổ thông về nhân cách sơ bản của nhân loại. Không một nhà lãnh đạo của bất cứ xứ nào

trên thế giới có quyền sử dụng một chính sách tàn nhẫn để áp chế dân tộc hay các dân tộc thiểu số của mình, càng không thể dùng quyền lực để lấn chiếm xứ khác. Trung Quốc phải chấp nhận nguyên tắc mới về xã hội quốc tế tân tiến này.

d) Tăng cường kiểm soát vũ khí. Trung Quốc không bị một quốc gia lân bang hay một xứ nào trên thế giới hăm dọa. Trung Quốc không phải lo sợ về nền an ninh của mình.

Ngoài ra, sự duy trì một chính sách hòa bình là mấu chốt cho quá trình hiện đại hóa của Trung Quốc và sự ổn định cho tình hình quốc tế. Phải giới hạn hiện đại hóa quân lực của Trung Quốc vào khả năng tối thiểu để tự vệ. Trong thế giới hiện đại, chiến lược phòng ngừa chiến tranh hạt nhân (*dissuasion nucléaire*) đã mất phần lớn hữu hiệu và giá trị luân lý. Trung Quốc phải tích cực tham gia vào nỗ lực quốc tế nhằm giảm bớt vũ khí hạt nhân.

e) Phát triển hợp tác Trung Mỹ. Phải tăng cường hợp tác với Hoa Kỳ để giải quyết những tranh chấp hiện nay. Trong phạm vi đối ngoại, đó là điều kiện quan trọng nhất để giúp Trung Quốc thực sự đi vào cộng đồng quốc tế. Lại nữa, một thái độ như vậy sẽ đóng góp vào sự hòa hợp cho quan hệ thế giới. Chú trọng cương vị đặc biệt quan trọng của Hoa Kỳ là điều ưu tiên. Trong vùng Á Châu, cách tiếp cận của quan điểm đó cũng được giải thích bởi những lý do lịch sử và bối cảnh hiện nay.

V. Xét lại phương kế thống nhất

Chính sách đối với Hương Cảng, Tây Tạng, Đài Loan phải phù hợp với ba mục tiêu căn bản sau : tạo điều kiện dễ dàng cho hạnh phúc và hòa bình của nhân dân đang cư trú tại đó, ưu đãi sự phát triển lành mạnh ở Trung Quốc và xúc tiến quan hệ bình thường giữa Trung Quốc và nước ngoài.

a) Về Hương Cảng. Muốn duy trì lâu dài ổn định và phồn thịnh của Hương Cảng, phải nhanh chóng thiết lập một chế độ dân chủ cao độ phù hợp với trình độ công dân đã phát triển và nền kinh tế hiện đại của người Hương Cảng. Phải bảo đảm cho các đảng phái và các tổ chức chính trị Hương Cảng có tự do sinh hoạt và cho phép họ được có trao đổi với quốc tế về phương diện chính trị theo nguyên tắc chính trị của một xã hội văn minh. Việc bầu cử một hội đồng lập pháp đầu tiên vào tháng 5-1998 phải theo nguyên tắc chính trị tự do, cạnh tranh công khai, đứng đắn và công bình. (Xem tiếp theo trang 30)

Hãy phát mạnh cò theo gió thời đại

LTS: Ngày đầu năm Mậu Dần (28-1-1998), phóng viên Thông Luận tình cờ gặp nhà báo Bùi Tín dạo bước thường xuyên bên bờ sông Seine, giữa trung tâm Paris. Thời tiết là không độ (0°C). Cuộc nói chuyện sau đây được diễn ra trong một quán nhỏ trong quận 13, bên hương vị bình trà ướp sen từ Việt Nam gửi sang, trong tiếng pháo và cảnh mưa lán của người Châu Á.

- Chào anh Bùi Tín. Có gì vui mà gương mặt tươi tắn vậy?

- Vui chứ. Sáng nay xem tivi, nhìn lại cảnh Fidel Castro mặc thường phục cúi chào Giáo hoàng, hòa giải chế độ cộng sản với tòa thánh, hòa giải chính quyền vô sản với công giáo mà vui. Có những bước lùi ít ai dự đoán nổi, cũng không ai cưỡng lại nổi. Gió thời đại quả là mạnh. Quét băng mọi sức ỳ.

- Tình hình đất nước gần đây có gì vui không?

- Trước hết là nhiều mối lo. Những cú điện thoại từ Hà Nội, Sài Gòn gọi sang đều nói lên nhiều mối lo. Tết này, ở nhà làm ăn khó khăn hơn. Đầu tư giảm. Phát triển chững lại. Nông thôn bất ổn. Hậu quả cơn bão Linda chưa kịp khắc phục thì cơn bão tiền tệ Châu Á lại ập đến. Có một mối lo chung: đất nước sẽ đi đến đâu? đời mới sẽ ra sao? thật lùi? đậm chân tại chỗ? hay đi tới? với đường đi nước bước nào?

Nhưng vẫn vui. Thuận buồm xuôi gió chưa chắc đã hay. Dễ sinh ra chủ quan, thỏa mãn, kiêu ngạo, rồi coi trời bằng vung, làm lẫn. Tình hình khó, gay, kích thích tìm tòi, bắt buộc động não, có khi bật ra sáng kiến, tài năng. Tư duy của Nguyễn Trãi, của La Sơn Phu Tử bật sáng trong hiểm nghèo, nghìn cân treo sợi tóc.

- Năm Dần thường có những biến động dữ dội, anh dự đoán ra sao về năm Mậu Dần này?

- Xin hỏi các nhà chiêm tinh, tử vi về năm Mậu Dần. Theo tôi, năm nay có vị trí hệ trọng đặc biệt với vận mệnh đất nước. Chỉ có hai khả năng.

Một là mạnh dạn, quả đoán bước vào thời kỳ thứ hai của đổi mới (từ 1986, nhất là từ 1991 đến nay có thể coi là thời kỳ 1), đổi mới thêm nữa về kinh tế, tài chính, cải cách sâu sắc hệ thống ngân hàng, tín dụng; công nhận rõ hơn quyền tư hữu tư nhân, giải quyết gọn các cơ sở quốc doanh yếu kém; khuyến khích mạnh tư nhân kinh doanh; thực hiện những bước đầu về tự do báo chí, tự do ngôn luận; đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tôn trọng quyền

công dân, xây dựng xã hội dân sự.

Hai là chần chừ, do dự; đổi mới theo kiểu lơ lửng con cá vàng; vừa đậm ga vừa gài số lùi; run chân mà bước tới, dò dẫm, sợ bóng sợ gió đủ thứ; vừa xây vừa phá; nơi này, ngành này, người này ăn nên làm ra thì bị nơi khác, ngành khác, người khác tước đoạt, phá phách, triệt tiêu. Cứ thế xã hội tiêu điều, rã rời, chán chường và đi đến hỗn loạn. Một số tham quan ô lại phất lớn trên lưng còng của dân đen. Sẽ đi đến tức nước vỡ bờ, như Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Thanh Hóa, Đồng Nai... năm qua.

Khả năng 1 và khả năng 2 đều hiện thực và có những thế lực của mình. Mong muốn khả năng 1 là giới trí thức, các văn nghệ sĩ mong mọi tự do, dân chủ, một phần giới kinh doanh trẻ, một số trong ngành ngoại giao am hiểu thế giới, đông đảo nhân dân muốn hội nhập với cuộc sống bình thường của thế giới, đông đảo đảng viên thường gần gũi nhân dân và lác đác một vài ủy viên trung ương đảng cùng một số đảng viên nghỉ hưu có tấm lòng với đất nước. Buông thả cho đất nước trôi nổi theo khả năng 2 (tuy không dám nói ra) là cơ quan lãnh đạo của đảng (ban chấp hành trung ương, bộ chính trị, thường vụ bộ chính trị cùng phần lớn các ủy viên ban chấp hành tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy...), nghĩa là các vị chức sắc lớn nhỏ, gần mình với chế độ bồi đặc quyền, đặc lợi. Họ là thiểu số trong đảng, càng thiểu số trong xã hội, nhưng nắm quyền lực lớn nhất. Chính họ mang sức ỳ tệ hại nhất, sức ỳ tội lỗi, có thể nói sức ỳ tội ác, làm phung phí tiềm năng, thời gian, tài sản của dân tộc, cản trở sự nghiệp đổi mới toàn diện, hủy hoại tốc độ phát triển.

Theo tôi, khả năng 2 đang là thực tế nổi trội. Thật là nguy hiểm. Một hiểm họa tiềm cờ quốc gia, dân tộc.

- Cuộc họp của Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản tháng 12 vừa qua đã thay đổi nhân sự, anh đánh giá ra sao về những thay đổi ấy?

- Nét tích cực là ngài tổng bí thư đã bị đẩy về vườn, tuy ông ta còn vẫn muốn ở lại

đến đại hội giữa nhiệm kỳ vào cuối 1998 hoặc đầu 1999, hoặc phục vụ đến hơi thở cuối cùng. Ông không thể ỳ mãi được. Ông cũng bị gió thời đại "quét".

Nét tiêu cực là việc cử một viên tướng, ít am hiểu kinh tế, ngoại giao, văn hóa... làm tổng bí thư là không phù hợp với yêu cầu của tình thế, trái với xu thế khu vực và thế giới (các chế độ quân phiệt đều chấm dứt ở Đài Loan, Đại Hàn, Thái Lan, đang hết hơi ở Nam Dương). Việc bổ xung bốn vị vào bộ chính trị có vẻ như chỉ tăng thêm chất bảo thủ, giáo điều, trong khi cần tăng chất đổi mới. Việc cử ban thường vụ bộ chính trị mới gồm năm người (ba vị lên chức cố vấn, một vị ra, bốn vị mới cùng với một vị cũ là tướng Phiêu) cần đánh giá tiếp, nhất là ông Phạm Thế Duyệt, trưởng ban dân vận trung ương thay ông Nguyễn Tấn Dũng, không mang ý nghĩa gì tích cực. Việc tướng Đoàn Khuê ở lý trong bộ chính trị trong khi không còn chức vụ gì trong quân đội cũng là dấu hiệu của sức ỳ.

- Riêng về người hùng mới trên sân khấu chính trị, thượng tướng Lê Khả Phiêu, anh có nhận định gì?

- Tôi biết ông ta từ rất lâu, và có quen nửa. Đạo 30-4-1975, tôi gặp ông ta trong Dinh Độc Lập Sài Gòn. Lúc ấy ông Phiêu là chủ nhiệm chính trị của quân đoàn II. Năm 1979, tôi lại gặp ông Phiêu ở Nam Vang, lúc ấy ông là chủ nhiệm chính trị quân tình nguyện. Trước đó, hồi 1952-1953, ông Phiêu và tôi cùng ở một đơn vị, sư đoàn 304 do ông Hoàng Minh Thảo chỉ huy; ông Phiêu ở trung đoàn 9, tôi ở trưởng quân chính của sư đoàn.

Ông Phiêu và tôi cùng một lứa lên thượng tá, rồi cùng một lứa lên đại tá. Năm 1982, tôi chuyển ra báo Nhân Dân, ông Phiêu lên thiếu tướng. Năm 1989, ông Phiêu lên trung tướng, làm phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị; năm 1992 ông lên thượng tướng.

Qua một số cuộc gặp gỡ, tôi thấy ông Phiêu khá hoạt bát, ham tìm hiểu, biết lắng nghe. Ở Quân đoàn II, một số cán bộ làm cộng tác viên cho báo quân đội cho rằng "ông Phiêu có phong cách của một

anh nông dân phố huyện", có vẻ như là vừa khen, vừa chê.

- *Du luận phương Tây và hải ngoại cho rằng tướng Phiêu rất bảo thủ, "siêu bảo thủ"?*

- Họ có lý. Nếu suy tầm và đọc các bài ông Phiêu nói ở các cuộc hội nghị, viết trên báo Quân Đội Nhân Dân và tạp chí Quốc Phòng Toàn Dân thì quả là thế. Đặc luôi gỗ, khô khan, công thức, nói lấy được, lên gân hết cỡ. Mục tiêu xã hội chủ vị lãnh đạo số 1, số 2 và số 3 (khi ông ta là số 4) chứ đâu phải cho các vị thánh giả hay độc giả tiếp nhận. Krustchev, Gorbachev ở Nga, Đặng Tiểu Bình ở Tàu đều thế cả. Trước khi là lãnh tụ số 1, họ đều nói và viết cho Stalin, cho Mao nghe và đọc, họ đâu được là mình. Khi là lãnh tụ số 1 rồi, cờ đến tay họ đã phát mạnh và xoay chuyển được tình hình.

Cần thấu hiểu cho ông Phiêu điều ấy.

- *Nếu có dịp liên lạc, gặp gỡ ông Phiêu, anh sẽ nhắn ông ta điều gì?*

- Chúng tôi là đồng đội lâu năm. Từng là đồng chí mấy chục năm. Từng là đồng cấp. Nay thì xa nhau về mọi mặt. Tôi không còn là đảng viên cộng sản; tôi yên lòng, thích thú về điều này.

Từ xa, là bạn cũ, tôi gửi lời chúc mừng ông Phiêu. Quả thật phải có một số ưu điểm, mặt mạnh, bản lãnh chính trị khá thì một thiếu niên thời Cách mạng tháng tám, không trải qua nhà tù thực dân, mới leo lên được đỉnh cao nhất của một đảng độc quyền trong thời "đổi mới", với tỷ lệ 97% phiếu bầu.

Chức vụ tổng bí thư đưa ông Phiêu lên là người lãnh đạo số 1 của chế độ, của đất nước, có trách nhiệm và quyền lực hơn hẳn mọi người lãnh đạo khác. Cờ đã tới tay ông. Ở cương vị của ông, gần như muốn là được, tất nhiên là những mong muốn hợp lý, ở trong tầm tay, hợp lòng dân đang thức tỉnh.

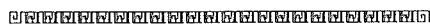
Tôi cầu mong ông hãy muốn làm những điều tốt đẹp nhất cho nhân dân, cho đất nước. Mong ông lòng dạ sáng trong như khi cầm súng ra trận chống thực dân Pháp những năm 1952-1954. Cũng mong ông tâm niệm: nhất tướng công thành vạn cốt khô. Chúng ta mang nợ rất nặng với biết bao đồng đội đã nằm xuống.

Hãy tự tin, quả đoán, chọn một số nhân tài xuất sắc làm "mưu sĩ", đưa sự nghiệp đổi mới tiến mạnh vào thời kỳ 2. Hãy từ bỏ con đường mòn cũ kỹ; chớ phạm những thành tích của mười năm qua do công sức phấn đấu của toàn dân; hãy có tinh thần khai phá, sáng tạo, hòa nhập dứt

khoát với thế giới hiện đại, mà dân chủ là một giá trị căn bản. Mọi tiềm năng của dân tộc, của nhân dân sẽ bật dậy, với khí thế còn cao hơn Cách mạng tháng tám. Tôi tin ở điều này. Và tiềm năng hùng hậu của cộng đồng người Việt ở hải ngoại sẽ tiếp sức lập tức cho sự nghiệp đổi mới thật sự.

Lời tâm huyết của tôi gửi ông Phiêu là đòi người chỉ có một. Rồi tất cả đều thành tro bụi. Hãy để lại cho đời một tiếng thơm bền lâu trong lòng dân. Hơn tất cả bia meo, lăng tẩm nào. Nhà cửa, tiền tài, danh vọng rồi sẽ qua đi cả, hóa thành ảo ảnh tất. Chỉ có lòng yêu nước, thương dân, trí tuệ dựng nước, giữ nước, phát triển hài hòa đất nước có hiệu quả... là tồn tại bền lâu. Chẳng lẽ cờ đến tay mà người cầm cờ run tay không dám phát mạnh cho đất nước lợi tăn, đổi mới tiêu tan. Để bản thân rồi cũng chỉ là trong phường giá áo, túi cơm vô tích sự!

Hãy lắng nghe, cảm nhận lời khẩn cầu từ đáy lòng của biển cả nhân dân cuộn cuộn lên những làn sóng mãnh liệt vang vọng không ngừng: Hãy phát mạnh cờ theo gió thời đại.



Giới thiệu báo mới

Nguyệt san Thông Luận mới có một bạn đồng hành bằng Pháp ngữ với tên **Infos-Débats** - gọi tắt là **ID**.

ID sẽ được xuất bản hai tháng một lần. Số đầu tiên vào tháng 10-1997.

ID nhằm các độc giả Pháp thoại người Việt Nam và ngoại quốc.

ID có tham vọng là một phát ngôn viên cho những tiếng nói bị đàn áp ở Việt Nam.

ID muốn góp phần vào công cuộc vận động cho tự do, dân chủ ở Việt Nam

ID muốn trở thành một diễn đàn thật sự đa dạng về mọi vấn đề liên quan đến con người, xã hội, đất nước.

ID có một ban biên tập gồm nhiều khuynh hướng và tuổi tác khác nhau, đặc biệt nhiều người trẻ thạo tiếng Pháp hơn tiếng Việt.

ID có hình thức tổ chức nhẹ nhàng và mở rộng để mong có được sự tham gia của các bạn bè Pháp thoại người ngoại quốc cũng như người Việt.

Giá báo một năm (6 số): 60 FF hoặc tương đương. Ngân phiếu hay chi phiếu xin đề "Vietnam Fraternité" và gửi về:

c/o M. Diep Tuong Bao
124 bis rue de Flandre
75019 Paris - France

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
124 bis, rue de Flandre
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Ông Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.

(Tel: 069-4940048 □ Fax: 069-443913)
và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Bắc Mỹ có thể liên lạc qua địa chỉ:

Thong Luan
P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592

Ngân hay chi phiếu xin đề tên
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**:
Stichting Mensenrechten voor Vietnam

Giá báo một năm: 55 gulden,
xin chuyển vào trương mục của hội:

giro nr 6234112. Postbus 40083

**Thông Luận hoan nghênh
mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động
để phổ biến nó**

Một điều ông Hoàng Minh Chính lưu ý ông Lê Khả Phiêu:

Nếu duy trì chuyên chế giai cấp thì không thể đàm thoại về đoàn kết dân tộc được

Tôn Thất Thiện

Ông Chính, ông Phiêu và chúng ta đàm thoại?

Báo Ngày Nay (Houston, Texas), trong số Tết (15-1-1998) có đăng một cuộc nói chuyện qua điện thoại vào ngày 1-1-1998 giữa nhà báo quen thuộc với chúng ta, là anh Như Phong Lê Văn Tiến, và một nạn nhân cộng sản cũng rất quen thuộc với chúng ta, là ông Hoàng Minh Chính.

Trong cuộc trao đổi này, ông Hoàng Minh Chính cho biết là ông đã được tướng Lê Khả Phiêu mời đàm thoại hai lần trong năm qua (lúc đó ông Phiêu chưa được bầu làm tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam). Và ông Phiêu hứa sẽ tiếp ông Chính để đàm thoại nữa. Ông Chính tin rằng ông Lê Khả Phiêu (nay đã được bầu làm tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam) sẽ giữ lời hẹn, và sẽ tiếp ông ta trong thời gian tới đây.

Ông Hoàng Minh Chính tuyên bố rằng sau hai lần tiếp xúc với ông Lê Khả Phiêu, ông "có cảm tình cao" đối với ông này. Ông Chính "đánh giá trước dư luận" rằng ông Lê Khả Phiêu có bốn đức tính lớn: 1/"biết lắng nghe", 2/"khiêm tốn khi nghe", 3/"trọng thị đối với đối tượng", 4/"quan trọng vào hàng nhất, một con người liêm khiết, cả gia đình liêm khiết, từ phu nhân cho đến tất cả các con".

Ông Hoàng Minh Chính công nhận rằng "dư luận chung không có thiện cảm với tướng Lê Khả Phiêu". Điều này làm cho ông "suy nghĩ". Nhưng ông Chính thấy rằng "một phần nào" ông có thể "đóng góp được với tướng Lê Khả Phiêu", cho nên ông "phải hết sức thận trọng" để giữ được mối liên hệ tốt, có lợi cho tổ quốc và nhân dân".

Về phía tướng Lê Khả Phiêu, có một lời tuyên bố trong một phỏng vấn với báo Nhân Dân ngày 5-1-1998 đáng làm cho ta để ý: "*all my contributions will be only a small part of the general force of the Political Bureau and the Party Central Committee...*", đăng trong FBIS ngày 13-1-1998. Tuy chúng ta chưa được thấy bản nguyên văn tiếng Việt nhưng ý nghĩa của tuyên bố trên rất rõ: ông muốn trấn an Ban chấp hành Trung ương và Trung ương đảng rằng ông sẽ tôn trọng nguyên

tắc "tập thể quyết định, cá nhân phụ trách". Điều này có nghĩa là ông chỉ là một người phụ trách và thi hành, quyền quyết định là nơi Ban chấp hành Trung ương và Trung ương đảng.

Ban chấp hành Trung ương và Trung ương đảng đã quyết định gì? Ai có nghiên cứu kỹ đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam được ghi trong các nghị quyết của Đảng tại các Đại hội VII, VII 1/2 và VIII, và các giải thích về đường lối đó trong các tài liệu của Đảng, đặc biệt là trong Tập Chí Cộng Sản và văn kiện học tập nội bộ, tất thấy rằng Đảng đã đặc biệt nhấn mạnh quyết tâm kiên trì chủ nghĩa Mác Lênin.

Cụ thể, kiên trì chủ nghĩa Mác Lênin là kiên trì gì? Đây là một điều mà chúng ta luôn luôn cần nhớ khi phân xét về chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam và tuyên bố của các nhà lãnh đạo Đảng đó. Kiên trì chủ nghĩa Mác Lênin, căn bản, là kiên trì "chuyên chế giai cấp".

Không dùng từ "chuyên chính vô sản" nhưng...

Trong suốt mấy thập niên qua "chuyên chế giai cấp" là một chủ trương cốt lõi của Đảng cộng sản Việt Nam. Nhưng trong những năm gần đây, những biến chuyển trong nước và nhất là trên thế giới đã tạo ra một tình hình trong đó nói đến "chuyên chế vô sản" là một điều bất lợi. Bất lợi vì khắp nơi trên địa cầu, "giai cấp" đã trở thành một danh từ mất ý nghĩa - như Hà Sĩ Phu đã chứng minh với những luận chứng khoa học vững chắc và chính xác không thể phản bác được - và "chuyên chế" là một thể chế rõ ràng lỗi thời trong thời đại mới, nhứt là sau khi Liên Xô, quốc gia tượng trưng cho chuyên chế bị giải thể và nhân dân Nga đã cương quyết và dứt khoát liệng nó vào sọt rác lịch sử.

Hai sự kiện trên đây, nhứt là sự giải thể của Liên Xô, đã gây dao động lớn. Trong các văn kiện chính thức và các bài diễn văn của các lãnh tụ Đảng, đặc biệt là các báo cáo chính trị ở các đại hội Đảng, sự dao động này đã được xác nhận. Trong hàng ngũ Đảng cộng sản Việt Nam, nhiều người bị "cú sốc kinh hoàng ghê gớm" đó (Nguyễn Đức Bình, 1994), nhưng nhóm

cầm thực quyền trong Đảng vẫn không chịu thay đổi. Tự nhận là đồ đệ trung kiên của Lênin, họ đã cố sức tìm những hình thức khác, với danh xưng khác, để tiếp tục áp dụng những quan niệm, chủ trương, chính sách cũ. Đây là tình trạng liên quan đến "chuyên chế giai cấp".

Hình thức và danh xưng mới và khác đó là "đổi mới". Một lý thuyết gia cao cấp của Đảng đã giải thích Cương lĩnh mà Đảng đang áp dụng như sau: Cương lĩnh không dùng từ "chuyên chính vô sản", nhưng không phải là Đảng cộng sản Việt Nam phủ nhận nguyên tắc chuyên chính vô sản, từ bỏ "hòn đá thử vàng" ấy. Dù rằng không mang tên nhà nước chuyên chính vô sản nhưng nhà nước xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng thực chất vẫn mang bản chất của chuyên chính vô sản" (Đào Duy Tùng, giảng thuyết tại Đại Học Nguyễn Ái Quốc, tháng 8-1981).

Từ Đại hội VII, mục đích thực sự đã được công khai hóa trong Báo cáo chính trị là "thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản", và xây dựng chủ nghĩa xã hội là "nội dung của đổi mới hệ thống chính trị". Đồng thời các báo cáo chính trị cũng nhắc đi nhắc lại bao nhiêu lần "bản chất giai cấp của Đảng" và nhu cầu "giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng", "tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước", phải thể chế hóa đường lối của Đảng "trên tất cả các lĩnh vực" đời sống xã hội.

Nhưng những văn kiện, diễn văn, tuyên bố của Đảng và các lãnh tụ Đảng đã tránh sử dụng danh từ "chuyên chính vô sản" và dùng các danh từ mơ hồ hơn đối với người thường dân, như kiên định và phát triển sáng tạo "quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Người dân thường chẳng biết gì về "hai ông Tây râu xồm xoàm" (Marx và Lenin) đó, lại càng không biết gì về "quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin". Mà ngay cả trong những giới có ít nhiều học thức, cũng có người không hiểu rõ rằng "quan điểm cơ bản của Mác Lênin" là đấu tranh giai cấp là thiết lập chuyên chế giai cấp, áp dụng nguyên tắc "ai không

theo ta là chống ta" và gia tăng tối đa sự trù ập đối với những kẻ không chấp nhận chế độ cộng sản trong giai đoạn sau khi Đảng vừa cướp được chính quyền.

Chuyên chính vô sản được Lenin giải thích là "bạo lực tối đa và triệt để không chấp nhận một giới hạn nào hết". Gần đây, trong một tập nghiên cứu về tội ác của cộng sản, một số chuyên gia về chủ nghĩa cộng sản đã vạch rõ tính chất tàn bạo kinh khủng của quan niệm và thực hành của chủ trương "bạo lực tối đa và triệt để" này của Lenin (Stéphane Courtois, Livre noir du communisme, Robert Lafont, Paris, 1997).

Riêng về tinh thần quốc gia dân tộc thì Lenin hết sức gắt gao, ông ta đòi hỏi người cộng sản phải từ bỏ mọi tư tưởng quốc gia dân tộc, tuyệt đối tôn trọng "tinh thần vô sản quốc tế" và chỉ phục vụ cách mạng quốc tế. Cuối cùng, về hòa giải hòa hợp với các thành phần xã hội và tổ chức khác, Lenin dạy các học trò chỉ hòa giải với mục đích chiến thuật, chỉ hòa hợp với ý đồ "chui vào" các đoàn thể khác để phá cho nó tan rã và luôn luôn nắm lấy bá quyền. Nguyên tắc này đã được Stalin áp dụng triệt để với chủ trương "mặt trận thống nhất" mà ông Hồ và đàn em ông đã áp dụng với những hiệu quả rất lớn - cho riêng đảng cộng sản - ở Việt Nam.

Trên đây là thực chất của "kiên trì chủ nghĩa Mác Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Về điểm này cũng nên nói thêm rằng chính ông Hồ đã nói với đàn em là "tư tưởng Hồ Chí Minh" và chủ thuyết Mác Lenin chỉ là một.

"Đại đoàn kết dân tộc" nhưng...

Qua những lời lẽ gây cảm tưởng là Đảng cộng sản Việt Nam đã thực sự "đổi mới", nhóm lãnh tụ Đảng nhắm mục đích giảm bớt nghi ngờ và chống đối Đảng. Họ còn đi xa hơn nữa, họ lớn tiếng tuyên bố Đảng chủ trương "đại đoàn kết dân tộc".

Từ Đại hội giữa nhiệm kỳ VII (tháng 1-1994), các lãnh tụ đảng cộng sản nói nhiều về "đoàn kết dân tộc". Báo cáo chính trị của đại hội tuyên bố Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở "mở rộng khối đoàn kết toàn dân", thực hiện "đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam". Báo cáo chính trị Đại hội VIII (tháng 6-1996) tuyên bố sự nghiệp xây dựng đất nước đòi hỏi "mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam".

Điều cần nhấn mạnh ở đây là khi nói đến quyền lực, nghĩa là nắm quyền quyết định về những vấn đề lớn nhỏ của đất nước, các nhà lãnh tụ Đảng cộng sản Việt

Nam chỉ nói đến Đảng với tư cách là đại diện của một giai cấp và tuyên bố nắm độc quyền lãnh đạo cho đảng đó, nhưng khi nói đến vấn đề xây dựng đất nước thì họ lại nhắc đi nhắc lại danh từ dân tộc và kêu gọi sự đóng góp của toàn dân.

Điều không ổn trong sự kêu gọi đoàn kết dân tộc của Đảng cộng sản Việt Nam là ở điểm này. Đoàn kết đòi hỏi phải có một sự bình đẳng giữa tất cả mọi công dân về phương diện quyền lợi và nghĩa vụ, nhưng lập trường của đảng cộng sản là về quyền hành và quyền lợi thì chỉ nói đến giai cấp, và chỉ khi đề cập đến đóng góp và nghĩa vụ thì họ mới nói đến dân tộc. Trên căn bản này không thể có đoàn kết dân tộc được. Trái lại, tình trạng phân chia dân tộc thành nhiều thành phần, trong đó chỉ một thành phần có đặc quyền và độc quyền, còn các thành phần khác bị coi là hạ cấp, sẽ tạo ra trong quốc gia và xã hội một tình trạng phân ly, dẫn đến xung khắc, tranh chấp và xung đột, ngăn cản sự thăng tiến của đất nước.

Một điều cần lưu ý ở đây là tuy hô hào "đại đoàn kết quốc gia" nhưng nhóm lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam cũng còn sợ mất kiểm soát và đã rào trước đón sau rất kỹ khái niệm "đoàn kết" đó. Họ tuyên bố "xóa bỏ định kiến", "chấp nhận những luận điểm khác nhau" nhưng lại thêm câu thông "không trái với lợi ích chung của dân tộc" mà họ nắm lấy quyền định nghĩa. Phần khác, họ dành cho họ quyền "chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Ở đây họ cũng tự dành cho họ quyền quyết định thế nào là "hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc" và "Tổ quốc" là gì.

Điều kiện tiên quyết của đoàn kết dân tộc

Trong những điều kiện nêu trên đây, chấp nhận "đoàn kết dân tộc" là tự nguyện làm nạn nhân của chuyên chính giai cấp. Không ai điên rồ gì mà chấp nhận một sự "đoàn kết" như vậy. Ngay trong hàng ngũ Đảng cộng sản Việt Nam cũng có người ý thức điểm này.

Cùng như mọi người Việt Nam khác ưu tư về tương lai của xứ sở, chúng ta muốn gạt quá khứ sang một bên, quên hận thù, để đi đến một sự hòa giải và đoàn kết dân tộc, một điều kiện căn bản trong công cuộc xây dựng lại đất nước. Nhưng chúng ta cũng đòi hỏi người cộng sản muốn hòa giải đoàn kết dân tộc tiên quyết phải vận động tích cực để loại bỏ chủ nghĩa Mác Lenin, vì danh xưng này chỉ là miếng vải mỏng che đậy "chuyên chế giai cấp". Nếu chủ trương chuyên chế giai cấp thì không

thể nào thực hiện đoàn kết dân tộc được. Vì vậy, điều kiện tiên quyết để thực hiện đoàn kết dân tộc là thành thực và dứt khoát từ bỏ chủ thuyết Mác Lê vì chuyên chính vô sản là cốt lõi của chủ nghĩa này. Trên lý thuyết, cũng như trong thực tế, "chuyên chế giai cấp" và "đoàn kết dân tộc" là hai khái niệm, hai đường lối trái ngược nhau, không thể nào dung hòa được.

Ông Hoàng Minh Chính có thể thuyết phục được ông Lê Khả Phiêu chấp nhận nguyên tắc trên đây không? Hay cũng như ông Phan Đình Diệu cách đây gần 10 năm được ông tổng bí thư Đỗ Mười tiếp đãi tương tự - cũng "biết lắng nghe" và "trọng thị đối với đối tượng", rồi đâu vẫn nằm đó? Hay như trường hợp ông Nguyễn Hộ trước Đại hội VIII, tưởng rằng ông Võ Văn Kiệt đáng được ủng hộ vì ông ấy muốn cải tổ, nhưng sau khi được bầu làm thủ tướng trở lại và được vô Ban thường vụ Bộ Chính trị của Ban chấp hành Trung ương, ông Kiệt ra ngay nghị định 31/CP cho phép chính quyền địa phương tung hoành quản thúc, trừng trị, uy hiếp dân lành? Và ông Lê Khả Phiêu có thuyết phục Ban chấp hành Trung ương và Trung ương đảng chấp nhận nguyên tắc trên đây được không?

Thái độ của chúng ta trong giai đoạn tới đối với chính quyền Việt Nam hiện tại, và đặc biệt là đối với ông Lê Khả Phiêu, tùy thuộc vào giải đáp cho câu hỏi trên. Trước khi đi đến những "đàm thoại" về tổ chức một hội nghị ba thành phần tiêu biểu ý chí "đoàn kết dân tộc" thì tiên quyết phải dứt khoát thanh toán chuyên chính vô sản.

Chúng ta hiện chưa biết sự kiện tướng Lê Khả Phiêu được bầu làm tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam sẽ mang lại kết quả gì cho đất nước. Qua những nhận định của một số nhân vật được báo Ngày Nay phỏng vấn trong cùng số Tết nói trên, ta thấy quan điểm về sự kiện này không đồng nhất. Nói chung thì các quan sát viên không tin rằng tướng Lê Khả Phiêu sẽ lật ngược tình hình, nhưng vì thiện chí và "fair play", và cũng có lẽ vì hy vọng phần nào rằng với ông Lê Khả Phiêu sẽ có vài biến chuyển tích cực, nên họ không muốn "nhào vô" đánh đấm ông ta ngay và chấp nhận một thái độ "wait and see".

Thế thì... chúng ta hãy chờ xem. Và chúng ta rất mong rằng ông Hoàng Minh Chính "đóng góp được với tướng Lê Khả Phiêu" được rất nhiều để cho đất nước nhờ, để giải tỏa bế tắc của tình hình, để chúng ta có lý do chính đáng xét lại lập trường và có thái độ thích hợp.

Tôn Thất Thiện

Ottawa, tháng 2-1998

Nhân dịp Tết, bàn về chữ "lễ"

Trần Thanh Hiệp

Những người thuộc thế hệ nhiều tuổi, ra đời vào những năm 20, 30 trong ký ức của mình chắc vẫn còn giữ được hình ảnh ngày Tết thời xưa. Cuộc sống vào dịp này chỉ tập trung vào việc thể hiện chữ "lễ". Cái giá phải trả để đón xuân, thường xuân - nhưng cũng để mở đường tốt cho đời sống trong suốt năm mới đang tới - là cả một loạt nghĩa vụ phải làm cho trọn. Nghĩa vụ với trời đất, quỷ thần, với tổ tiên ông bà cha mẹ, với họ hàng, bè bạn, làng xóm, v.v. Tất cả đều xoay quanh chữ "lễ".

Phan Huy Chú, một trong những học giả bách khoa hiếm có của Việt Nam, đầu thế kỷ thứ XIX, trong công trình biên khảo đầy công phu *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của ông, đã viết (trong quyển XX nói về *Lễ Nghi Chi*) rằng: "*Trong đạo trị nước, lễ là cần hơn cả [...] Lễ nghi 300 điều, uy nghi 3000 điều, chỗ nào cũng ngụ tinh thần của cổ nhân ở đó [...] Nước Việt ta dựng nước văn minh, thấm nhuần văn hóa Trung Hoa, mỗi đời nổi lên, đều có lễ nghi [...] Các lễ đều là có quan hệ với đạo trời lễ vật, với điển nước, phép triều, các đời diên cách [giữ và đổi], kỷ, đối khác nhau, cần phải chia ra từng mối, từng ngành mà không thể thiếu sót được*".

Tuy chữ "lễ" này đã bị bài bác từ thế kỷ trước, khi văn hóa phương Tây chiếm được thế thượng phong, trên đất Việt Nam, đối với văn hóa phương Đông, nhưng phải đợi tới nửa phần sau của thế kỷ này, sự tiêu trầm của lễ mới trở thành vấn đề trên qui mô toàn xã hội.

Sự áp đặt chủ nghĩa Mác-Lênin bằng bạo lực là một động cơ lịch sử trực tiếp xóa bỏ lễ mà chủ nghĩa này coi như một thành tố của "phong kiến" nó tự cho có sứ mạng phải lật đổ. Lên tới cực điểm, sự áp đặt này còn là động cơ gián tiếp đẩy đi tới tiến trình tiêu diệt lễ trong đó hàng triệu người Việt phải lìa bỏ cái nôi văn hóa dân tộc chạy ra ngoài nước tị thân và lập nghiệp trong một sinh môi nếu không thù nghịch thì cũng không hẳn là đất sống của lễ.

Trước bối cảnh xã hội đó, bàn về chữ lễ sẽ là công việc lý giải một điều nghịch lý.

Một mặt, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, vì những lý do khác nhau, xã hội không bảo vệ lễ như trước, và bỏ lễ có ý nghĩa một đòi hỏi của tiến bộ.

Nhưng mặt khác, vẫn còn thấy nói tới

ý nguyện chung bảo tồn truyền thống bốn ngàn năm văn hiến mà lễ là một thành tố hàng đầu, như Phan Huy Chú đã nói, của truyền thống này.

Vậy lễ là gì, nên trọng hay nên bỏ? Nếu trọng thì phải trọng đến mức nào? Nếu bỏ thì cần bỏ hết hay chỉ tới một mức nào đó?

Nguồn gốc, nội dung và tác dụng của lễ

Lễ là một đặc sản của phương Đông, đúng hơn, của Trung Hoa. Phương Tây tuy cũng có chữ "rite" (lễ) nhưng ngược lại với chữ "lễ", chữ "rite" mang nặng ý nghĩa tôn giáo và khi được dùng để chỉ những hình thái sinh hoạt trong đời sống thể tục thì khả năng biểu đạt của nó đã trở thành gượng gạo, có khi vô nghĩa. Đời sống hàng ngày trong xã hội phương Tây không cần có "rite" như xã hội phương Đông cần có lễ.

Do đó, muốn biết thế nào là lễ, cần phải sử dụng nội quan của tư tưởng phương đông để tìm hiểu khái niệm lễ.

Nguồn gốc của lễ

Lễ ra đời từ xã hội Trung Hoa thời cổ đại xa xưa hàng mấy nghìn năm trước Công nguyên. Khởi đầu lễ là những cử chỉ có tác dụng tôn giáo. Thiên Lễ Vận trong sách *Lễ Ký* nói rằng "*Buổi đầu của lễ khởi thủy từ ăn uống như đồ xôi mỡ heo, rót rượu vào chén mà bung lên, dùi bọc rom với trống đất, dường có thể tỏ bày niềm tôn kính với quỷ thần*". Theo sách *Thuyết văn giải tự*, lễ gồm bộ "kỳ" và chữ "lễ" (hài thanh, do chữ "đậu", tượng hình) là khí cụ để thờ thần minh, cầu phúc (*sở dĩ sự thần trí phúc*). Nhà Ân (tức nhà Thương, cuối đệ nhị thiên niên kỷ trước CN) khi hành lễ vẫn còn quan tâm đến quỷ thần thật sự hơn là đến lễ. Nhưng từ nhà Chu (thay nhà Ân) trở đi, lễ lại được chú trọng hơn quỷ thần. Chính vì vậy mà Khổng Tử, người cổ xúy theo lễ nhà Chu, đã nói "*quỷ thần phải kính trọng nhưng nên ở xa*" (*kính nhi viễn chi*).

Cũng nên nhấn mạnh rằng không phải trong xã hội Trung Hoa cổ đại chỉ có tư tưởng trọng lễ. Có nhiều người chủ trương bỏ lễ, khinh lễ như Dương Chu, Lão Tử, Trang Tử, Bành Mông, Thận Đáo, Điền Biền v.v. Dương Chu thì không muốn bất

cứ điều gì làm lụy đến thân của mình. Lão tử thì muốn vô vi, tự nhiên như nhiên, "*dứt thánh bỏ trí [...] dứt bỏ nhân nghĩa [...] dứt bỏ xảo lợi*". Theo vị thánh tổ của Lão giáo, "*mất đạo rồi mới có đức, mất đức rồi mới có nhân, mất nhân rồi mới có nghĩa, mất nghĩa rồi mới có lễ. Lễ chỉ là cái vỏ mỏng của lòng trung tín, mà cũng là mối đầu của hôn loạn*" (*phù lễ giả trung tín nhi bạc nhi loạn chi thủ*). Đến Trang Tử thì "vô vi, vô kỷ", "*lấy cái khí của mình mà ứng với cái khí của vạn vật*", con người đồng nhất với vũ trụ, "*vạn vật chỉ là một, chính cái vũ trụ mới là ta còn cái ta nhỏ bé này không phải là ta*", "*Một khi ta với vạn vật đã là một thì mọi vật đều ngang nhau, không có quý tiện, tốt xấu, phải trái, (phải là cái lễ vô cùng, trái cũng là cái lễ vô cùng)*" bởi thế đời sống không cần gì phải có lễ nữa.

Hiển nhiên là chủ trương vô vi này trái ngược với chủ trương hữu vi của Khổng giáo. Khổng Tử không đặt con người ra ngoài xã hội như Lão Tử, Trang Tử chủ trương để nó hòa nhập được với vũ trụ. Ông dung hòa người với trời, muốn thuận theo đạo trời mà cải hóa con người. *Luận ngữ*, thiên Thái Bá nhắc lời ông nói "*Lớn thay cái đức làm vua của vua Nghiêu! Vội vội thay! Chỉ có trời là lớn mà chỉ có vua Nghiêu theo được trời. Lồng lộng thay, dân không thể khen sao cho hết cái đức của ông! Vội vội thay, sự thành công của ông! Văn hóa của ông rực rỡ thay!*". Nói theo phép của trời là theo chuẩn tắc cao nhất khả dĩ làm cho con người, xã hội loài người sống yên vui, như "*bốn mùa qua lại, trăm vật sinh sản*". Theo phép trời nghĩa là phải có nhân, có lễ. Ông trọng nhân, trọng lễ đến mức đồng hóa lòng nhân với con người ("*nhân giả nhân dã*"), cho rằng "*Người bất nhân theo sao được lễ*" rồi hợp nhất lễ với nhân "*Sửa mình khôi phục điều lễ là nhân*" (*Khắc kỷ phục lễ vi nhân, Luận ngữ, thiên Nhan Uyên*) và đề ra kỷ luật "*Chớ xem điều trái lễ, chớ nghe điều trái lễ, chớ nói điều trái lễ, chớ làm điều trái lễ*" (Nhan Uyên). Vậy theo Khổng giáo nhân là nội dung của lễ, lễ là hình thức của nhân.

Hai nhà Nho hậu sinh, gần và hơn hai trăm năm sau Khổng Tử, có những đóng góp đặc biệt vào việc trọng lễ là Mạnh Tử và Tuân Tử. Mạnh Tử hợp nhất lễ với nghĩa và nói nhiều về nghĩa hơn lễ. Tuân

Tử, trái lại, đưa lễ lên hàng đầu.

Người Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của Khổng giáo nên cũng là điều tự nhiên nếu họ tôn sùng chữ lễ (theo nghĩa của Khổng giáo).

Nội dung của lễ

Trần Trọng Kim, người đã viết quyển Nho giáo, giải thích chữ lễ qua bốn nghĩa, đại yếu như sau:

- nghĩa tôn giáo, cách thờ thần cho được phúc.

- nghĩa xã hội, qui củ, phong tục, tập quán xã hội đã thừa nhận và chia làm năm loại (ngũ lễ): cát lễ (điển lễ tế tự), hung lễ (việc hiếu, ma chay chôn cất), quân lễ (binh bị, chiến tranh), tân lễ (vua ban mệnh lệnh, chư hầu triều kiến vua, hội thề, hội họp, gặp gỡ nhau), gia lễ (hôn lễ, quán lễ - đội mũ cho người con trai trưởng thành, tiệc khao v.v.).

- nghĩa chính trị quốc gia: quyền bính của nhà vua và cách tiết chế dân chúng.

- nghĩa pháp lý, bao quát cả những việc thích hợp với thiên lý lưu hành trong vạn vật cơ hồ lẫn lộn với luật pháp.

Ngũ lễ là cách xếp đặt của nhà Chu. Các đời sau còn xếp đặt thành Cửu lễ: quan, hôn, triều, sinh, tang, tế, tân chủ, hướng ẩm tửu, quán lễ.

Ta có thể lấy đoạn sau đây của thiên Lễ Vận trong sách Lễ Ký để tóm tắt nội dung đã mở rộng của chữ lễ từ đời nhà Chu: "Lễ là cái quyền bính lớn của nhà vua, để phân biệt hiềm nghi, làm sáng rõ cái vi diệu, đài ngộ quỷ thần, khảo sát chế độ, phân biệt nhân nghĩa. Có thể để trị việc nước, yên ổn cho nhà vua vậy".

Phan Huy Chú trong *Lễ Nghi Chí* cho biết về lễ chế của Việt Nam thời xưa: "Lễ để nhận rõ việc hiềm nghi, soi sáng chỗ vi ẩn, chia ra người trên kẻ dưới" và ông chỉ biên chép những điều lớn như: quy chế mũ áo, nghi vệ xe kiệu là để phân biệt người trên kẻ dưới; lễ tế trời ở đàn Nam Giao, tế tổ ở nhà Tồn Miếu là để kính quỷ thần; việc vui mừng thì có lễ khánh hạ của triều đình; việc đau thương thì có lễ tuất tang của Nhà nước. Lễ Nghi Chí của ông không bàn tới lễ thi hành trong dân chúng. Nhưng các vua, chúa Việt Nam qua những bản văn có hiệu lực pháp lý đã chính thức đem chữ lễ giảng dạy dân chúng và buộc dân chúng phải tuân theo như dưới thời vua Lê Thánh Tông (thế kỷ XV) có "24 huấn điều", thời vua Lê Huyền Tông, chúa Trịnh Tạc (thế kỷ XVII) có "47 điều giáo hóa", thời vua Minh Mạng (thế kỷ XIX) có "mười điều Thánh huấn". Người dân, muốn hay không, phải theo những khuôn phép rõ ràng để xử sự trong gia đình, ngoài xóm

làng, nơi miền quê, kẻ chợ, khắp cả nước. Lễ đã chi phối toàn bộ đời sống người Việt Nam. Dù rằng không phải ai cũng tuân thủ được tới mức vi diệu của lễ nhưng nói chung, lễ đã giúp cho người Việt thời xưa sống trong một xã hội tương đối có trật tự kỷ cương mà không cần đến một bộ máy kim kẹp khổng lồ. Chính vì vậy mà người Việt ngày nay được tiếng là những người thuần hậu.

Tác dụng của lễ

"Phú quý sinh lễ nghĩa" là một trong những thành kiến cho rằng lễ là xa xỉ phẩm dành cho người giàu. Thành kiến khác là "Lễ không xuống tới thứ nhân...". Sự thực lễ có những tác dụng giúp ích cho con người, bất kể giàu nghèo.

Tại sao phải có lễ?

Thiên *Phường Ký* của *Lễ Ký* nói rằng "Lễ là nhân cái tình con người mà tạo ra tiết độ vẫn về để phòng giữ cho dân vậy" (*Lễ giả nhân nhân chi tình nhi vi chi tiết vẫn, dĩ vi dân phường giả dã*).

Phòng giữ như thế nào? Những lời giải thích của Tuân Tử dễ hiểu hơn ý kiến của Khổng Tử: "Người ta sinh ra có lòng ham muốn, ham muốn mà không được thì không thể không tìm tòi, đòi hỏi, tìm tòi đòi hỏi mà không có chừng mực, giới hạn thì không thể không tranh, tranh thì loạn, loạn thì khốn cùng. Tiên vương ghét loạn nên chế định lễ nghĩa để phân ra trật tự, để nuôi cái muốn của con người, cấp cho con người cái mà lòng nó muốn" (*Lễ Luận*).

Vậy tác dụng của lễ là đặt ra phép tắc để tổ chức gia đình, xã hội, quốc gia làm cho "quý tiện có đẳng trật, y phục có phân biệt, triều đình có vị thứ, ắt dân có đức nhượng vậy" (*Phường Ký*). Lễ giúp cho "biết cái tình người, hiểu tình tường cái nghĩa, biết rõ cái lợi, đạt được mọi lo tính nhờ đó sau mới hành động được. Sao gọi là tình người? Vui, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, muốn, bày việc đó không học mà biết. Sao gọi là nhân nghĩa? Cha từ, con hiếu, anh hiền, em để, chồng nghĩa, vợ nghe, lớn thông, nhỏ thuận, vua nhân, tôi trung, mười việc đó gọi là nhân nghĩa vậy. Giảng về điều tin, tu sửa niềm hòa mục gọi là nhân lợi. Tranh đấu, giết nhau gọi là nhân hoạn. Cho nên thánh nhân trị bày tình, tu sửa mười nghĩa, giảng về tin, sửa niềm hòa mục, trọng tự nhượng, bỏ đấu tranh. Nếu bỏ lễ đi thì lấy gì mà trị?" (*Lễ Vận*).

Xem thế thì thấy rằng lễ phải dựa trên luân lý và luân lý là nội dung của lễ. Mà luân lý đặt nền tảng trên nhân luân (tam cương, ngũ thường) con người phải có đạo đức nghĩa là biết tôn trọng nhân luân để khác với cầm thú. Lễ được đặt ra còn để

hàm dưỡng tính tình, nuôi dưỡng cho thành thói quen đạo đức bằng cách tạo nên một bầu không khí lễ nghĩa, hàng ngày diệt được lòng ác lúc mới manh nha, hưng khởi lòng kính khi còn tiềm ẩn, ngày càng theo về đường thiện mà xa đường tội ("*tùng thiện viễn tội*") mà không biết.

Một hôm Ai Công nước Lỗ hỏi Khổng Tử: "Giải mũ và áo chương phủ có ích gì cho ngài không?" Khổng Tử nghiêm sắc mặt đáp: "Sao vua lại nghi thế! Người mặc áo sơ gai chống gậy, chí không nghĩ đến nhạc không phải là tai không nghe thấy, vì y phục khiến như thế; người mặc cái phủ, cái phát (lễ phục bằng gấm thêu đời xưa), mang mũ lễ nhà vua, giáng điệu không kiêu, không phải nguyên tính vốn trang nghiêm, vì y phục khiến như thế; người đội mũ trụ, mặc áo giáp, cầm giáo, không có cái thế nhút nhát, bỏ chạy, không phải là thân thể vốn dũng mãnh, vì y phục khiến như thế".

Lời nhận xét sau đây rất xác đáng: "Trong khoảng gò mộ, chưa bày với dân mà dân bi ai. Trong những nơi tông miếu xã tắc chưa bày với dân mà dân cung kính". Đó chẳng qua là có "không khí bi ai, cung kính" mà thôi.

Tóm lại lễ là kỹ thuật để con người tự nguyện nhập nội (*interioriser*) một cách tự nhiên, không bị ép buộc, những hành vi kiêu mầu có khả năng kềm chế con người để tạo nên trạng thái sống chung trật tự, hòa bình trong xã hội.

Bởi thế người ta coi lễ là một định chế xã hội có những tác dụng quan trọng đối với xã hội.

Chữ lễ vào thời đại dân chủ

Khi thấy nói "*tiên học lễ, hậu học văn*" người ta có thể nghĩ rằng lễ và văn biệt lập với nhau. Theo mạch suy nghĩ này, phải hiểu lễ là lễ phép và văn là văn chương, văn học. Trong trật tự xã hội Khổng giáo quả thật lễ phép đứng trước văn chương. Nhưng thí sinh ngày xưa đi thi mà ngông nghênh đều bị đánh hỏng, dù có văn tài. Nhưng nếu hiểu văn là văn hóa thì lễ là phó sản của văn hóa; học lễ chính là trước hết phải học văn hóa vì văn hóa Khổng giáo để ra lễ. Dưới cái nhìn nội quan của tư tưởng Khổng giáo thì lễ là thủ đoạn (hiểu theo nghĩa phương tiện) để thực hiện luân lý, chính trị Khổng giáo.

Lễ và văn hóa

Khi dùng ánh sáng của khái niệm văn hóa để kiến giải chữ lễ là muốn chiếu vào danh từ này cái nhìn ngoại quan, tức là cái nhìn từ phương Tây.

Người Trung Hoa thời cổ hay dùng

chữ "văn" thay vì văn hóa. Nghĩa của chữ "văn hóa" - cho thành đẹp - hẹp hơn nghĩa chữ "culture" của phương Tây (ta dịch là "văn hóa"). Sự thực từ giữa thế kỷ thứ XVI đến nay, nội dung chữ "culture" đã trải qua nhiều thêm bớt và bây giờ cũng chỉ mới tạm ổn định. Ba mạch tư tưởng đã góp phần vào việc sung thực nội dung ấy. Mạch thứ nhất là tư tưởng của một nhóm nhà nghiên cứu sử học người Đức. Cuối thế kỷ XVIII, họ chủ trương soạn một bộ lịch sử nhân loại nhưng không chú trọng về mặt chính trị, quân sự, chỉ để tâm nghiên cứu định chế xã hội, nghệ thuật, tư tưởng, khoa học v.v. của nhiều nước và thuộc nhiều thời đại. Trên bước đường nghiên cứu, họ có dịp so sánh các xã hội, các thời đại, kiểm điểm các giai đoạn tiến hóa của nhân loại và từ đó xác định nội dung cho ý niệm "tiến bộ" trong đời sống nhân loại. Để làm công việc này họ mượn chữ "culture" của Pháp, một chữ tuy có mang nghĩa tiến bộ nhưng chỉ nói riêng về từng cá nhân, không có qui mô nhân loại. Mạch thứ hai: cuối thế kỷ XVIII và sang thế kỷ XIX các nhà nhân loại học, dân tộc học, xã hội học Anh, Mỹ và Pháp đã thay đổi nội dung khởi đầu của chữ "culture", nói chung, đồng hóa nó với chữ "civilisation" (văn minh) và dùng cả chữ này để chỉ toàn bộ khá phức tạp những sự kiện bao gồm kiến thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, pháp luật, tục lệ v.v. mà con người có thể sở đắc trong một xã hội với tư cách một thành viên. Những sự kiện này đã trở thành đối tượng nghiên cứu của một khoa học chuyên môn, trong một không gian và ở vào một thời điểm nhất định. Đó là văn hóa theo nghĩa tinh của danh từ. Cũng đừng quên rằng văn hóa gồm hai mặt sinh hoạt: vật thể và tinh thần. Cho nên có hai xu hướng. Xu hướng thứ nhất muốn dành chữ văn hóa để chỉ tất cả những thủ đoạn (hiểu theo nghĩa rộng) tập thể nhưng vật chất giúp cho con người hay xã hội có khả năng làm chủ được sinh môi, thiên nhiên, những thủ đoạn do kiến thức chuyên môn, khoa học, kỹ thuật đã mang lại. Còn chữ văn minh bao hàm những thủ đoạn tập thể nhưng thiên về tinh thần, bất vụ lợi, nhờ đó con người làm chủ được mình và tăng trưởng về các mặt trí thức, đạo đức, tâm linh. Xu hướng thứ hai lại đảo ngược nội dung cho chữ "civilisation" có nghĩa của chữ culture và chữ "culture" có nghĩa của chữ "civilisation". Hiện nay, nói chung, các nhà khoa học xã hội không thấy sự phân biệt này là cần thiết, tuy thường hay dùng chữ culture nhưng với sự hiểu ngầm rằng nó cũng có nghĩa như chữ "civilisation", nếu được sử dụng để nói về các xã hội đã đạt tới một mức phát triển khá cao.

Mạch thứ ba là những phát kiến về tiến hóa luận của sinh vật học theo đó văn hóa là một môi trường kết cấu bằng tất cả những kiến thức, truyền thống, huyền thoại, qui phạm, chi phối cách ứng xử của con người và giúp cho nó tồn tại trước sự dai lọc của thủ địch hay của thiên nhiên và nhất là làm cho con người biệt biệt được với cầm thú.

Ở Việt Nam cho đến thế kỷ XIX, chữ "văn" vẫn được dùng như văn hóa. Ngoài ra còn thấy có chữ văn hiến mà người Trung Hoa ít dùng. Chữ văn minh thì đến đầu thế kỷ XX mới dùng, nhờ nơi người Nhật mượn hai chữ này trong *Kinh dịch* để chuyển nghĩa chữ "civilisation". Còn văn hiến là văn hóa và hiền tài, nghĩa rộng hơn văn hóa. Vậy chữ "văn" trong câu "tiên học lễ hậu học văn", nếu hiểu là văn hóa, thì cũng một nội dung với chữ "culture" (văn hóa).

Muốn rõ trong chừng mực nào lễ là một vấn đề văn hóa, thiết tưởng nên mượn khán pháp của xã hội học. Theo quan điểm xã hội học phương Tây, bất luận xã hội nào - kể cả các xã hội dân chủ tự do tiên tiến - cũng có những qui phạm, qui tắc, mẫu thức chi phối cung cách cảm nhận, tư duy, hành động của con người. Tất cả những qui phạm, qui tắc, mẫu thức này đã bị ràng buộc với nhau, đã có những tác động qua lại với con người, tạo thành một cơ cấu qui chuẩn có tên gọi là văn hóa. Cơ cấu này không phải là "thiên mệnh", cũng không phải do một cá nhân nào, giai cấp nào đặt ra mà do cuộc sống chung tạo nên cho mỗi xã hội, là hợp lực (*résultante*) của các tác động trong xã hội này. Nó biểu hiện một trật tự tự phát trong lòng xã hội bởi vì, nếu không, chả lẽ xã hội là cuộc sống hỗn loạn, kém cả cuộc sống của nhiều loại cầm thú hay sao? Xã hội học hiện nay chưa xác định được một cách tuyệt đối - chỉ mới tiếp cận - do lai của cơ cấu ấy và, trong khi chờ đợi, đã chấp nhận một định đề cho rằng cuộc sống của xã hội loài người chịu sự chi phối của những định luật heo lô gích tuần nguyên (*déterministe*). Phương trình dưới đây của nhà tâm lý - xã hội học Kurt Lewin cho chúng ta một ý niệm về cuộc sống ấy " $B = f(PE)$ "; B là cách ứng xử (*behavior*), f là hàm số (*function*), P là nhân cách (*personality*) và E là sinh môi (*environment*). Cách ứng xử của con người biến thiên theo ảnh hưởng của đồng loại trong quan hệ với sinh môi và ngược lại cũng chịu ảnh hưởng của sinh môi.

Dưới ánh sáng của xã hội học, lễ là một bộ phận quan trọng của cơ cấu qui chuẩn. Lễ là những mẫu thức văn hóa (*cultural patterns*) để con người noi theo

trong mọi cung cách cảm nhận, tư duy, hành động của mình. Có điều thay vì để cho con người ứng xử một cách tự phát, như ở phương Tây, Khổng giáo đã tiên chế ra những ứng xử ấy theo điển mẫu (*paradigm*) Nhân Nghĩa. Nếu lễ có tác dụng giúp cho xã hội đạt được hòa bình bằng đường lối tự nguyện nhân nghĩa thì đồng thời nó cũng duy trì xã hội trong tình trạng bảo thủ. Chính vì vậy mà giữ hay bỏ lễ đã thành vấn đề.

Lễ và tiến bộ

Nếu tạm lấy sự ra đời cả nhà Tây Chu (giữa thế kỷ XI trước CN) làm cái mốc minh sử về lễ chế thì cho đến nay chữ lễ đã có tuổi thọ trên ba ngàn năm. Trong khoảng thời gian hơn ba mươi thế kỷ này nó vẫn còn tồn tại mặc dù từ trước Công Nguyên nhiều đợt tấn công ác liệt - của Lão Tử, Mặc Tử, Trang Tử, Hàn Phi Tử v.v. - đã đe dọa sự hiện hữu của nó. Nhưng đến thế kỷ XX này dường như nó đang lâm vào thế bị tràn ngập. Những cuộc cách mạng dân quyền ở Trung Hoa (Tân Hợi, 1911), ở Việt Nam (1945, 1955) đã lật đổ chế độ quân chủ, chỗ dựa lâu đời của lễ.

Khi nhân loại sắp bước sang đệ tam thiên niên kỷ, quả thật thời thế đã thay đổi, sinh môi đã thay đổi, văn minh đã thay đổi. Chẳng những so với thời nhà Chu bên Tàu mà cả với thời nhà Nguyễn bên ta.

Nói riêng về trường hợp Việt Nam, nhà vua cuối cùng đã từ trần, trong xã hội lại không có một lực lượng quý tộc tôn quân hay bất cứ một "véc tơ" quân chủ nào. Trong khi đó, tư tưởng dân chủ càng ngày càng triển khai mạnh mẽ. Ngoài ra một biến chuyển lớn, chưa từng thấy trong quốc sử, đã xảy ra: dân Việt đã mở rộng không gian Việt tới biên giới toàn cầu. Ngoài nước, một thể hệ mới những người Việt, chưa từng sống trong sinh môi cổ lễ, đã xuất hiện để thay thế dần dần những hệ hệ ông cha, thấm nhuần đến tận xương tủy cổ lễ ấy, đang qua đi. Lại nữa các nước tiếp cư, cũng là định cư, là những sinh môi tự bản chất không dung dưỡng, bảo vệ cổ lễ. Trong nước, thể hệ ngày nay, đang là thể hệ chủ lực của đất nước, đã ra đời trong sinh môi đấu tố, đào tận gốc tróc tận rễ chữ lễ và đã trưởng thành trong cái nôi văn hóa mác-xít, lễ nin nít bài lễ từ trong bản thân.

Trong những điều kiện lịch như vậy, đặt lại vấn đề lễ là điều đương nhiên phải có. Thực ra, từ đầu thế kỷ này nhiều người đã làm, trong đó có vua Bảo Đại, khi lên ngôi năm 1932, đã quyết định miễn cho các quan lễ quý lạy khi lâm triều và cuối những năm 40, khi trở lại cầm quyền lại đưa ra khẩu hiệu "dân vi quý". Đó chưa

phải là những cải cách lớn thay đổi sâu rộng lễ chế cổ truyền, mà chỉ là những thêm bớt về điều mục của lễ. Khách quan mà nói, dù giữ hay bỏ lễ, chưa có một công trình nghiên cứu nào đặt lại được tận gốc và toàn bộ vấn đề lễ. Chỉ có một số sáng kiến, phản ứng riêng lẻ, sai có, đúng có nhưng sai nhiều hơn đúng.

Đúng, bởi vì đã đem lễ mong thích ứng với sinh môi dân chủ.

Sai, bởi vì đã giữ hay bỏ một cách tùy tiện, một mặt thiếu sự hiểu biết đến nơi đến chốn về cổ lễ mặt khác lại không sáng tạo ra được tân lễ hầu thay thế tốt cho cổ lễ. Nói một cách phù phàng việc biến cải lễ chế đã được thực hiện một cách gấp gáp chằng hay chớ.

Để đặt đúng vấn đề lễ:

- không tách rời lễ khỏi toàn bộ cơ cấu qui chuẩn của xã hội cổ truyền với năm thành tố: luân lý, lễ, nhạc, hình, chính.

- ý thức được cho thật đúng các vai trò của lễ trong xã hội thời xưa, vai trò phòng ngừa, vai trò thay luật, vai trò chế tài mà không dùng đến hình, tóm lại vai trò điều tiết xã hội.

- sửa lễ không phải ch thêm bớt điều mục mà sửa tận gốc, không phải cái gốc quân chủ với nền luân lý cổ truyền mà là cái gốc mới, một chế độ dân chủ với nền luân lý chưa xác định nhưng sẽ phải xác định.

Nói đến dân chủ cũng lại phải can đảm tiếp thu bài học lịch sử hơn năm mươi năm vừa qua, với những hiện tượng dân chủ đầu Ngô mình Sở. Những người cộng sản đã nêu khẩu hiệu dân chủ để làm bình phong thiết lập chuyên chế toàn trị. Những người quốc gia, chống cộng sản, đã kéo dài tình trạng dân chủ hạn chế cho đến khi bào thai dân chủ này bị chuyên chế toàn trị cộng sản bóp chết từ trong trứng nước và lại tiếp tục trò dân chủ giả dưới dạng thức gọi là "đổi mới".

Nếu còn tính chuyện dân chủ hóa nước Việt Nam như là một bước tiến đi lên văn minh mới thì việc ưu tiên phải làm là dứt khoát từ bỏ những mẫu dân chủ vay mượn của bên ngoài, nhất là chủ nghĩa Mác-Lênin phi dân chủ. Dân chủ Việt Nam phải bắt nguồn từ tư tưởng dân chủ của người Việt, cá nhân cũng như cả dân tộc, đúc kết qua kinh nghiệm lịch sử, và phải được xây dựng trên nền tảng nhân xã Việt Nam hiện thời mà thành phần nông dân chiếm tới 80%. Nhân xã này suốt mấy ngàn năm lịch sử đã kết hợp xung quanh một phương thức phân công xã hội: nông dân sản xuất, vua quan độc quyền lãnh đạo và quản trị. Dân chủ hóa không phải như đang được chủ trương là

lấy các đảng viên cộng sản thay thế vua quan nắm giữ độc quyền chính trị. Mà là thay đổi phương thức phân công xã hội cũ, chuyển hóa nhân xã nông sĩ (*communaute agro-lettrée*) trở thành nhân xã dân chủ bình đẳng và tự do. Tự do sẽ phát xuất một nền luân lý mới và luân lý này sẽ đẻ ra một lễ chế có vai trò xã hội thích hợp. Trước khi nền dân chủ này thành hình trong thực tế, nó đã phải được phác thảo ở trong tư tưởng nghĩa là bởi văn hóa dân chủ. Bằng không, lại là những bước phiêu lưu hao người tốn của, như đã diễn ra trên đất nước từ sau đệ nhị thế chiến đến nay.

Lễ và truyền thống

Văn minh mới là văn minh của tương đối. Thời đại làm bá chủ của tuyệt đối - kể cả khoa học - đã chấm hết. Dân chủ từ thời Nhã Diễm qua các cuộc cách mạng Anh, Mỹ, Pháp đã ngày càng tăng độ đa nguyên. Một cách nó tự tương đối hóa.

Giữ hay bỏ lễ tới mức nào điều này tùy thuộc việc giữ hay bỏ truyền thống dân tộc. Nhưng trước hết, truyền thống là gì và chúng ta có toàn quyền tự do giữ hay bỏ truyền thống hay không? Cả Đông lẫn Tây đều có cái nhìn giống nhau về truyền thống. Gốc rễ La Tinh *tradere* của chữ "tradition" không nói điều gì khác hơn chữ Hán Việt "truyền" là chuyển và giao. Thêm vào đó nghĩa của chữ "thống" là hợp cả lại một mối thì có thể hiểu truyền thống là đem những đặc điểm của quá khứ trao lại cho hiện tại và tương lai.

Vấn đề thường được đặt ra là ai trao, ai giữ và phải giữ nguyên vẹn hay có thể thay đổi? Các khoa học xã hội đã có những khám phá theo đó truyền thống không phải chỉ là kỷ ức hay kỷ niệm hay kinh nghiệm hay tục lệ hay huyền thoại hay di sản. Truyền thống là hợp lực của tất cả những thứ này và được kết tinh lại trong những nhóm sinh động có thể gọi tên là những "khung xã hội của kỷ ức" (*cadres sociaux de la mémoire*). Không có những khung này thì không thể có chuyển và giao tức là truyền thống. Mặt khác, vẫn theo các nhà khoa học xã hội, việc chuyển giao này không thể diễn ra theo lối nhảy cừu (*saute-mouton*) qua các thế hệ. Phải có những người trao và những người nhận rõ rệt thuộc hai thế hệ kế tiếp nhau.

Người Việt Nam là một tập thể đã biết sống thành dân tộc rất sớm. Cũng như các dân tộc khác, các thế hệ Việt Nam có hai ngã để chuyển giao truyền thống là di tử (*gène*) và giáo dục. Di tử lưu truyền bản năng, giáo dục lưu truyền văn hóa. Bản năng giúp cho con người (cũng như cho cầm thú) những khả năng bẩm sinh, biết

và làm được không cần kinh nghiệm, học tập. Giáo dục - không nằm trong di tử, chỉ loài người mới có giáo dục, cầm thú không có - giúp cho con người tăng trưởng và hoàn mỹ không ngừng bản năng. Sự nghiệp tăng trưởng này có tên gọi là văn hóa.

Lễ là hình thức giáo dục thường trực, vừa dạy - bắt con người học - vừa thi hành khuôn mẫu - bắt con người làm theo. Điều quan trọng nơi lễ không phải là những điều mục của lễ mà là nền luân lý làm cơ sở cho lễ. Luân lý không có lễ là luân lý không được thực hành trong xã hội. Lễ không có luân lý là những tác động trống rỗng vô nghĩa.

Cổ lễ Việt Nam là một trong những truyền thống tổ tiên di lưu cho con cháu. Truyền thống này có được hội nhập vào vốn di truyền (*génome*) hay không, đó là điều mà sinh học hiện đại chưa khẳng định hẳn cũng không phủ định hẳn. Nhưng chắc chắn là đã được bảo tồn trong văn hóa, qua những thông điệp đến nay vẫn được lưu truyền. Lý Thường Kiệt đã loan truyền bài thơ xác quyết "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", Trần Bình Trọng đã lựa chọn "thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc", Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn tuyên xưng Việt Nam là "văn hiến chi bang", Phan Bội Châu căn dặn đời sau "cứu quốc tồn chủng". Những thông điệp này không phải là những sự miêu tả một thực trạng Việt Nam vĩnh cửu mà chỉ là những biểu tượng (*symbole*), một thứ ngôn ngữ mã hóa (*langage codé*) tóm tắt một cách cô đọng đại chỉ của văn hóa cổ truyền để làm nền tảng đồng thuận cho tập thể. Để thúc đẩy tập thể sống theo điển mẫu "Nhân Nghĩa". Và như lịch sử đã chứng tỏ, tập thể đã giám trả một giá đắt để đi theo đường nhân nghĩa. Người Việt Nam ngày nay, trong xu thế chung dân chủ, có lý do để xét lại chữ lễ. Và, tại sao không, cả điển mẫu "Nhân Nghĩa" nữa? Thông điệp "Nước Nam Vua nước Nam ở" có thể trở thành "Nước Nam người Nam ở và tùy người Nam định đoạt". Và thay vào điển mẫu "Nhân Nghĩa" có thể sẽ là điển mẫu "Tự do". Tuy nhiên những việc xét lại này liên quan đến cuộc sống của cả một dân tộc nên cần thực hiện bằng con đường văn hóa là con đường tập thể vì văn hóa là một công trình tập thể.

Trước viễn vọng ấy, có nhiều ẩn số trong đó có nghi vấn "điển mẫu Nhân Nghĩa có thể sống chung với điển mẫu Tự Do hay không?". Chìa khóa của việc giữ hay bỏ cổ lễ nằm trong lời giải đáp nghi vấn này.

Trần Thanh Hiệp

Gây lại niềm tin

Nguyễn Hữu Thống

LTS: Luật sư Nguyễn Hữu Thống là chủ tịch Hội Luật Gia Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Lịch sử không viết bởi những người hoà nghi, những người tiêu cực, những người phủ nhận lý tưởng, từ bỏ hoài bão và mơ ước. Lịch sử viết bởi những người có Niềm Tin. Trên bình diện dân tộc, Niềm Tin là vũ khí mạnh nhất. Nó đem lại những hy vọng mới, những chân trời mới hướng dẫn con người đi đến tự do.

Lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam đã nói lên điều đó.

Từ 100 sắc dân Bách Việt, ngày nay chỉ còn lại một Việt Nam. Đây không phải là một ngẫu nhiên lịch sử, cũng không phải chỉ vì chúng ta có núi sông hiểm trở, có phong thổ khắc nghiệt, hay binh hùng tướng mạnh hơn người, mà chính vì cha ông chúng ta đã biết keo sơn gắn bó trong những mối liên hệ tinh thần. Ngày nay, muốn gây lại Niềm Tin và Tương Lai đất nước, chúng ta cần phát huy những lý tưởng truyền thống của dân tộc.

Năm 1905, sau khi Nhật thắng Nga tại Lữ Thuận, cụ Sào Nam Phan Bội Châu phát động phong trào Đông Du để cầu ngoại viện và học hỏi tại chỗ sự phú cường của Nhật Bản, một quốc gia đồng văn với Việt Nam. Lấy "tri hành hợp nhất" của nho gia Vương Dương Minh làm chủ thuyết từ thế kỷ trước, Minh Trị Thiên Hoàng đã canh tân Nhật Bản theo biểu hiệu "nhật nhật tân, hựu nhật tân" (ngày ngày đổi mới, ngày càng thêm mới) của Khổng Tử.

Trong 20 năm hoạt động tại hải ngoại, cụ Phan đã kết giao với một số nhân sĩ Nhật Bản và hai nho sĩ Trung Hoa như Lương Khải Siêu và Tôn Trung Sơn. Năm 1925, cụ bị Pháp bắt tại Thượng Hải, rồi an trí hành chánh tại Huế. Trong thời gian bị quản thúc, cụ biên soạn cuốn Không Học Đăng (Đền Không Học) kêu gọi quốc dân noi gương người Nhật đổi mới xứ sở bằng tân học (khoa học, kỹ thuật) đồng thời bảo tồn các giá trị tinh thần trong đạo học cổ truyền. Theo Phan Sào Nam, cựu học không phải là hủ lậu mà tân học cũng không phải là phù hoa. Xây dựng một quốc gia cũng giống như cất một căn nhà, phải lấy đạo học làm nền móng và khoa học làm kiến trúc. Không

có nền móng không dựng được nhà, không có kiến trúc không xây được nhà. Đạo học và khoa học chẳng những không tương phản mà còn tương thành.

Phan tiên sinh nhắn nhủ đám sinh viên hậu bối: *"Học cũ là nền tảng mà học mới là tài liệu, hai bên vẫn có thể giúp nhau làm nên một tòa nhà hoa mỹ. Tác giả viết sách này là muốn điều hòa học cũ với học mới. Những ai chưa đọc sách này mà đã có thành kiến, hoặc bài bác học cũ, hoặc công kích học mới thì xin chớ đọc. Ai đọc sách này phải lập chí và tự nhủ rằng thánh hiền là ta, ta là thánh hiền, ta chỉ là hậu tiến của cổ nhân mà thôi"*.

Mới đây cựu thủ tướng Lý Quang Diệu cũng chủ trương phục hồi nho giáo. Trước khi là chủ tịch Hội Khổng Học Thế Giới, ông đã từng hành nghề luật sư tại Luân Đôn, gia nhập Đảng Lao Động Anh từ hồi còn đi học, tổ chức Đảng Nhân Dân Hành Động Tân Gia ba để giành độc lập cho đất nước và lãnh đạo quốc gia trong hơn ba thập niên. Về mặt chính trị, ông theo chủ nghĩa dân chủ xã hội, tôn trọng tự do, công bằng, bác ái. Về mặt tinh thần, ông hành xử như một nho gia, giữ lễ nghĩa trí tín trong đời sống cá nhân, gia đình và xã hội. Tân Gia Ba ngày nay là một con rồng kinh tế tại Đông Nam Á. Lợi tức đầu người cao thứ nhì sau Nhật Bản (ba con rồng khác tại Thái Bình Dương: Đài Loan, Đại Hàn và Hồng Kông đều theo tinh thần nho giáo).

Từ một hòn đảo nhỏ bé với trên 2 triệu dân, Tân Gia Ba đã trở thành một quốc gia tiên tiến với dân giàu nước thịnh và xã hội văn minh. Văn hóa giáo dục phát triển, kỷ cương luật pháp nghiêm minh. Với giới lãnh đạo liêm khiết, nạn tham nhũng không thể lộ hành. Tầng trù ma túy có thể bị tử hình. Thiếu niên du đảng bị phạt giam và bị đánh bằng roi. Khi từ nhiệm, Lý Quang Diệu nhường quyền lãnh đạo cho một người hiền năng mà không trao cho con trai quyền thừa kế chính trị. Ông đã áp dụng quan niệm Thiên Hạ Vi Công.

Việt Nam ngày nay đang lên cơn sốt phát triển. Với sự thao túng của kinh tế thị trường, mặt trái của nó đã phát hiện những tệ đoan trầm trọng như tham lam, ích kỷ, xa hoa, phóng đảng. Muốn đem lại quân

bình cho xã hội và hạnh phúc cho con người, hơn bao giờ hết Việt Nam phải biết phục hồi những giá trị tinh thần truyền thống của nho giáo, như tinh thần đại đồng, tinh thần nhân bản, tinh thần dân chủ, tinh thần hiếu hòa và tinh thần bao dung. Đó là những nền móng tinh thần để dựng nước.

1. Tinh thần đại đồng (công bằng bác ái)

"Muốn thi hành Đại Đạo phải coi thiên hạ là của chung. Tuyển chọn người hiền năng, giảng điều tín nghĩa, dạy điều hòa thuận. Cho nên người dân không chỉ thân riêng cha mẹ mình, không chỉ thương riêng con mình. Cho người già có chỗ nương thân trọn đời, người trai tráng có việc làm và trẻ thơ có được đường dục đến trưởng thành. Chăm sóc người góa phụ, trẻ mồ côi, kẻ tàn phế. Thanh niên có chức phận, phụ nữ có gia đình. Tài sản không hoang phí ngoài ruộng đất mà hà tất phải tàng trữ làm của riêng tư? Tài lực do thân mình làm ra mà hà tất chỉ để phục vụ quyền lợi riêng mình? Vì vậy mưu mô quỷ quyết không thi thố được, trộm cướp phi pháp không lộ hành được. Từ đó cửa ngõ không cần đóng kín. Đó là đời Đại Đồng" (Kinh Lễ).

Các quốc gia dân chủ Tây phương đã thiết lập chế độ an sinh xã hội để nuôi dưỡng người già, trẻ thơ, người tàn phế, người thất nghiệp. Tại Hoa Kỳ ngày nay, người già có chỗ nương thân trọn đời, trẻ thơ được đường dục đến trưởng thành, kẻ tàn phế, người thất nghiệp được hưởng trợ cấp. Vậy mà trộm cướp, bạo hành, sát nhân, ma túy, du đảng vẫn lộ hành. Con người có cơm ăn áo mặc, nhưng vẫn thiếu an vui hạnh phúc. Lý do là vì nhà nước quá chú trọng về Kinh Tế mà sao lãng Đạo Đức, đặt Quyền Lợi trước Lễ Nghĩa.

Các nhà thức giả kỳ vọng rằng qua thế kỷ 21 nhân loại sẽ bước vào kỷ nguyên Đại Đồng khi Khoa Học Tây phương phối hợp với Đạo Đức Đông phương. Khu vực Á Châu Thái Bình Dương sẽ là nơi thực thi nền tổng hợp Đông Tây, đem lại Thái Hòa cho nhân loại.

2. Tinh thần nhân bản (giá trị con người trong vũ trụ)

"Lửa và nước có khí mà không có sinh. Cây cỏ sinh mà không có biết. Muông chim có biết mà không có nghĩa. Con người có khí, có sinh, có biết lại có nghĩa nên được coi là quý nhất trong thiên hạ"

(Tuân Tử). "Người là cái đức của trời đất. Sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của thần linh là cái khí tinh túy của ngũ hành (kim mộc thủy hỏa thổ)" (Lê Ký).

Nhờ có tinh thần linh diệu và khí chất tinh túy, con người có giá trị tôn quý trong vũ trụ, được sánh ngang với trời đất trong ba ngôi Thiên Địa Nhân (Tam Tài). Trời sinh ra người, phú cho con người cái tính sáng suốt thì đạo làm người phải cố gắng theo đạo trời mà tiến đến chỗ chí thiện, chí mỹ. Cái tính sáng suốt ấy được gọi là minh đức hay lương tri, tức là khiếu tri giác mẫn tiệp giúp con người hiểu được tinh thần và chân lý của vạn vật. Trong hàng ngàn năm chung sống trong xã hội, con người đã ý thức sự cần thiết của đạo hợp quần.

"Người ta sức không bằng con trâu, chạy không bằng con ngựa, thế mà con trâu con ngựa phải phục vụ con người, là vì sao? - Là vì con người biết hợp quần.

Lấy gì mà hợp quần? - Lấy định phận.

Định phận thì làm thế nào mà có nhân? - Lấy nghĩa để giữ nhân.

Lấy nghĩa mà định trên dưới thì hòa, hòa thì hợp, hợp thì tăng sức mạnh, tăng sức mạnh thì tăng muôn vật" (Tuân Tử).

Nhờ có hợp quần và lương tri con người làm chủ được thiên nhiên.

3. Tinh thần dân chủ (dân vi quý, quân vi khinh)

"Người ta sinh hoạt ở đời không thể không quần tụ. Quần tụ mà không định phận trên dưới thì tranh đoạt nhau. Tranh đoạt nhau thì loạn, loạn thì khốn cùng. Cho nên định phận là cái lợi lớn của thiên hạ, mà đấng nhân quân (chính quyền) là cái then chốt để cai quản phận trên dưới. Đã có nhân quần phải có nhân quân để giữ trật tự xã hội. Quân gia là cái nguồn của dân, nguồn trong thì nước trong, nguồn đục thì nước đục. Thi nhân với thiên hạ thì ai cùng yêu, thi nghĩa với thiên hạ thì ai cùng quý. Thiên hạ trọng bậc nhân quân thì bậc nhân quân cũng phải coi thiên hạ là của chung. Nếu họ chỉ biết thủ lợi riêng và làm điều bạo ngược thì trái với thiên đạo. Trời sinh ra dân, không phải vì vua. Trời lập ra vua là bởi vì dân. Khi vua tàn bạo, người dân có quyền phế bỏ. Giết vua tàn bạo cũng như giết đứa độc phu ("tru bạo quốc chi quân, nhược tru độc phu"). Lấy nhân nghĩa mà trị thiên hạ thì yên, lấy tàn bạo mà trị thiên hạ thì nguy. Quân là thuyền, dân là nước. Nước chở thuyền, nhưng nước lại đánh đắm thuyền..." (Tuân Tử).

"Vua coi dân như tay chân thì dân coi vua như lòng dạ. Vua coi dân như chó ngựa thì dân coi vua như người dưng. Vua coi dân như cỏ đất thì dân coi vua như giặc thù. Người làm hại nhân là tặc, người làm hại nghĩa là tàn. Tàn tặc là kẻ không ra gì. Ta chỉ nghe nói giết tên Trụ chứ không nghe nói giết vua vậy..." (Mạnh Tử).

Một số tôn giáo chủ trương vua là con trời (thiên tử) thay trời trị dân, vua muốn điều gì là trời muốn điều ấy. Nho giáo trái lại quan niệm trời với người đồng một thể, hễ dân muốn điều gì là trời muốn điều đó. Muốn biết Thiên ý cứ xem ở Dân tâm.

"Trời bao giờ cũng thương dân, dân muốn điều gì Trời cũng chiều theo" ("Thiên cang vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi"). "Trời nghe thấy cũng vì dân nghe thấy, Trời sáng suốt là vì dân sáng suốt, Trời minh định thiện ác là vì dân minh định thiện ác. Trên Trời dưới Dân thông đạt với nhau". "Trời không thân riêng với ai, chỉ giúp người có đức. Mệnh Trời không trao mãi cho ai, thiện thì được, bất thiện thì mất..." (Kinh Thu).

"Thuận đạo Trời thì còn, trái đạo Trời thì mất" ("Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong" (Mạnh Tử).

Làm trái lòng Dân là trái mệnh Trời. Vua Thang đánh vua Kiệt, vua Vũ diệt vua Trụ là để cứu dân phạt kẻ có tội ("điều dân phạt tội").

Dân với Trời tương quan mật thiết với nhau, do đó trong thiên hạ dân đáng quý hơn cả. Vì có dân mới có nước, có nước mới có vua. Dân là gốc nên phải lấy dân làm quý, vua làm khinh.

"Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (Mạnh Tử). Lấy dân làm trọng, nhà nước là thứ yếu và coi nhẹ chính quyền, đó là quan niệm dân chủ truyền thống của nho giáo.

"Dân vi quý" đưa ra những chủ trương đường lối thực tiễn để mưu cầu hạnh phúc cho dân, tạo bình đẳng cơ hội cho dân trau dồi giáo dục kỹ thuật để tự mưu sinh, phát huy văn hóa đạo đức để nâng cao nhân phẩm, gây cho dân ý thức về nghĩa vụ và quyền lợi để tự làm chủ lấy mình (tự do) và làm chủ xã hội (dân chủ).

Theo quan niệm "xã tắc thứ chi", nhà nước là một công cụ để điều hòa quyền lợi và nghĩa vụ của các tầng lớp dân chúng. Do đó không thiết lập tư bản nhà nước hay đế quốc nhà nước để tước đoạt tự do và tài sản của dân. Không tổ chức công an mật vụ để trấn áp dân, không xây dựng quân đội hùng mạnh để thực thi nghĩa vụ quốc tế, đi gây hấn và xâm lấn các quốc gia hiếu

hòa lân bang.

Do quan niệm "quân vi khinh", nhân dân có quyền truất phế các chính quyền chuyên chế, bất lực hay tham nhũng. Nếu gặp phải hôn quân bạo chúa, nhân dân có quyền dùng vũ trang tiêu diệt tham quyền cố vị. Trong chế độ dân chủ pháp trị, nhân dân có thể thay đổi chính phủ trong vòng ôn hòa và hợp pháp bằng cách sử dụng lá phiếu trong các cuộc tổng tuyển cử tự do và công bằng.

Nhắc lại chủ trương "dân vi quý" của nho giáo, chúng ta mới ý thức câu "đạo ở gần, sao tìm nơi xa? Việc giản dị sao tìm chỗ khó? ("đạo tại nhi, nhi cầu chư viễn. Sự tại dị, nhi cầu chư nan"). Chỉ những kẻ hoạn nạn, đau khổ, những cô thân, nghiệt tử lúc nào cũng lao tâm, khổ trí mới đạt được sự lý ("độc cô thân nghiệt tử cố đạt" - Mạnh Tử).

4. Tinh thần hiếu hòa (thiện chiến giả phục thượng hình)

Thời Chiến Quốc, các nước chỉ chú trọng vào việc kinh doanh thủ lợi, bắt dân đi lao công khổ sai để khai phá rừng hoang làm giàu cho vua chúa. Có phương tiện trong tay, vua chúa tuyển mộ quân lính, mua sắm vũ khí để tranh quyền cướp nước, gây nên cảnh chinh chiến tàn sát dân lành.

"Đời nay thờ vua nói rằng: ta vì vua mà khai phá ruộng đất, làm đầy kho tàng. Họ tự nhận là lương thần, đời xưa coi họ là dân tặc. Vua không theo đạo nhân mà giúp cho giàu có, tức là giúp cho tên Kiệt vậy. Đời xưa làm của ải để chống tàn bạo (ngoại xâm), đời nay làm của ải làm điều tàn bạo (đàn áp dân). Có người nói: ta giỏi bày trận, ta giỏi chinh chiến như thế là đại tội. Đi giúp ông vua không làm điều nhân chính mà làm điều cường chiến. Chiến tranh giành đất, xác người đầy đồng, tấn công vây thành xác người đầy thành, thế là đem đất ăn thịt người, tội ấy đem xử tử còn chưa hết tội. Kẻ thiện chiến phải tội đại hình ("thiện chiến giả phục thượng hình"). Kẻ bắt dân đi lao động khai phá rừng hoang làm giàu cho vua phải chịu tội thứ" (Mạnh Tử).

Ngày nay những kẻ cầm quân, coi binh sĩ như cỏ rác, đẩy một lúc hàng vạn người vào chỗ chết trong chiến thuật biển người ("thảo thảo chi binh"), không biết phải phạt về tội gì? ("Giải thủy trăm họ làm công một người" - Nguyễn Du).

5. Tinh thần bao dung (thiên hạ đồng qui nhi thù đồ)

Ngậm ngùi với ngành giáo dục Việt Nam

Trần Ngọc Sơn

Khác với miền Tây Bá Lợi Á nơi những những cuộc chiến tranh tôn giáo vẫn diễn ra từ ngàn năm nay, tại miền Đông Á với truyền thống bao dung về tín ngưỡng ba đạo Phật-Khổng-Lão đã đồng thời phát triển trong hàng chục thế kỷ. Đó là tinh thần "tam giáo đồng nguyên", "tam giáo đồng tôn".

Theo Khổng Tử, thiên lý tuy biến hóa theo trăm đường ngàn lối nhưng rút cuộc chỉ thuộc về một mối mà thôi. Thiên hạ lo gì, nghĩ gì? ("thiên hạ đồng qui nhi thù đồ"). Vì trăm lo chẳng qua chỉ hướng về một mục đích: đem lại tự do, thanh bình, an vui và hạnh phúc cho toàn thể loài người ("*nhất trí nhi bách lự*" - *Kinh Dịch*).

Đạo, theo Khổng Tử, rộng như trời đất, che chở muôn loài, chuyển vận bốn mùa, sáng rõ như mặt trời mặt trăng. Vạn vật cùng hóa dục mà không tương khắc, các tôn giáo cùng hành đạo mà không tương phản ("*đạo tịnh hành nhi bất tương bội*" - *Trung Dung*).

Không chủ trương độc tôn, Khổng Tử cũng không bài bác các tín ngưỡng khác. Vì "*công kích các tôn giáo khác chỉ có hại cho đạo mà thôi*" (*công hồ dị đoan, tư hại giả dĩ* - *Luận Ngữ*).

Tín nghĩa và quyền mưu

Trong việc lập quốc, nho gia dựa vào trào lưu đương thời mà chia làm ba lối: lấy nghĩa mà lập là theo vương đạo; lấy tin mà lập là theo bá đạo; lấy mưu mô quý quyết mà lập là vong quốc ("*nghĩa lập nhi vương, tín lập nhi bá, quyền mưu lập nhi vong*").

"Hô hào cả nước làm giàu mà không vụ nghĩa, thủ tín, chỉ cốt vụ lợi. Trong thì gạt dân để cầu lợi nhỏ, ngoài thì đối các nước bạn để tìm lợi lớn. Trong thì không lo phẩm chất tài hóa của mình mà chỉ muốn tài hóa của người. Như thế thì ai cũng lấy giá đối mà đối đãi với nhau. Người trên gạt người dưới, người dưới đối người trên, gây nên chia rẽ. Các địch quốc sẽ khinh thường mình và các nước bạn sẽ nghi ngờ mình. Dùng mãi mưu mô quý quyết sẽ đưa đất nước tới nguy biến. Đó là con đường vong quốc. Lý do là vì không dùng tín nghĩa mà chỉ dùng quyền mưu vậy" (Tuân Tử).

Dùng quyền mưu có thể cướp được chính quyền nhưng không thể xây dựng một quốc gia tiên tiến với dân giàu, nước mạnh và một xã hội văn minh.

Nhưê Hồng Nguyễn Hữu Thống

Tuổi trẻ thời chiến

Tôi gặp lại H. ở Paris sau hơn 30 năm biệt tăm biệt tích. Anh H. với tôi trước kia là bạn nối khố, cùng học với nhau từ một trường tiểu học ở Đa Kao thuộc quận 3 Sài Gòn, sau đó cùng thi vào trường trung học Võ Trường Toản nằm kẹp giữa bên trái là sở Thú có nhiều khỉ mà chúng tôi gọi đùa là "người tiền sử" và bên phải là trường nữ trung học Trưng Vương.

Chúng tôi có chung nhau biết bao kỷ niệm thời thơ ấu. Sau Tú tài tôi vào đại học khoa học Sài Gòn, học xong chứng chỉ dự bị thì đi Pháp, còn H. thi vào trường sĩ quan không quân, làm phi công rồi đi Mỹ tu nghiệp. Bằng tin từ đó đến nay mới lại gặp nhau ở cái đất Paris phồn hoa tấp nập này.

H. sinh ở Sài Gòn, sau đó theo mẹ về quê sống ở miền Trung lúc nào anh cũng không biết. Chỉ nhớ lại lúc sáu bảy tuổi anh là một cậu bé sáng sáng ra đồng tìm mấy củ khoai còn sót lại của mùa trước đang lên mầm, lau đất sơ qua rồi ăn sống một cách ngon lành, và đến mùa lúa thì mang một cái giỏ nhỏ đi mò những cọng lúa rơi trên những cánh đồng đang qua mùa gặt, hoặc ra sông mà tiếng quê anh gọi là "rào" bắt cua, cá.

Thời chiến tranh ở nhà quê miền Trung anh không nghe nhắc chuyện đi học. Cho đến năm 1953 bố anh gọi cả gia đình vào sum họp ở Sài Gòn thì anh đã được 10 tuổi. Với cái tuổi ấy, anh bắt đầu học tiểu học và lớn hơn anh em cùng lớp ở Đa Kao cả một cái đầu.

Nhà nghèo nhưng anh rất chăm học. Tôi hay đến anh chơi mỗi chiều tan lớp. Bữa ăn tối, cả nhà quây quanh một nồi cơm, một đĩa nước tương, một đĩa rau luộc, khi thì củ cải, khi thì rau lang, và một nồi canh mà thật ra chỉ là nước luộc rau. Năm khi mười họa mới có ít thịt cá. Nhà anh là một cái chái trong một ngõ hẻm quận ba. Mẹ anh đi gánh nước muốn cho hàng xóm khá giả hơn, còn bố anh làm nghề gì lúc ấy tôi không biết rõ, nhưng kiếm sống nuôi mấy miệng con tuổi đang độ lớn rất kham khổ.

Thời chúng tôi, ở khoảng năm 62-63, nếu sau tú tài mà thấy không có khả năng đậu khi học Đại học thì chỉ còn cách đi học các khóa sĩ quan. Những người có điều

kiện xuất ngoại không nhiều lắm. Trường hợp của H. thì đi sĩ quan cũng là một lối đi tốt, vì cho dù xoay sở rất khéo để học đến tú tài, gia đình anh cũng không có khả năng nuôi anh tiếp tục. Cả một thời học sinh chúng tôi may mắn học trường công miễn phí cho đến đại học mà cũng chẳng cần phải là "con ông cháu cha", cũng chẳng cần "on Bác, on Đảng" gì cả. Cùng nhờ thế mà những người nghèo như anh bạn nối khố của tôi đã thành công trong đường đời và lên đến cấp cao trong quân đội. Cuộc chiến đã góp phần đưa đẩy anh vào quân đội thì sự bại trận lại đưa đẩy anh ra sống ở nước ngoài. Thôi thì cùng là vận người, vận nước.

Sau khi đã là phi công trong quân đội, H. có điều kiện nuôi người em gái tên Loan học đến hết cử nhân khoa học trở thành giáo sư trung học ở Biên Hòa. Chính Loan đã cho tôi tin tức để gặp lại H. trong một chuyến về thăm nhà cách đây hơn 9 năm.

Tháng tư năm 1975, Loan đang dạy học ở Biên Hòa. Giáo viên từ Bắc vào Nam tiếp quản các trường trung học với tư cách là người chiến thắng và Loan mặc nhiên là kẻ chiến bại. Khác với anh mình, Loan chấp nhận một cách bình thản. Chiến tranh nào rồi cũng phải chấm dứt, không bằng cách này thì bằng cách khác. Đất nước nào rồi cũng phải xây dựng, không bằng cách này thì bằng cách khác. Giáo sư dạy học như Loan chế độ nào mà chẳng cần.

Nói là nói thế vì lẽ phải là như thế, nhưng cái xã hội chủ nghĩa nó không làm thế, nếu quá trớn hơn nữa thì Việt Nam sẽ làm như Pol Pot của xứ lán giềng. Đầu óc những người mê tín chủ nghĩa Cộng sản không còn gì là thiên nhiên, là tự nhiên. Chỉ còn những suy nghĩ giáo điều được gọi là khoa học, là biện chứng và cho đến ngày nay, dù ai cũng đã thấy hậu quả tai ác của thời kỳ quá khoa học, quá biện chứng tục gọi là bao cấp, phải chăng những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam đang tính toán tìm cách ngược thời gian về nguồn theo con đường cũ sau một thời gian gọi là đổi mới.

Nó giải thích vì sao từ đó giáo dục miền Nam xuống cấp ngang hàng với miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Rồi cả Bắc lẫn Nam

cùng nhau tụt hậu cho đến ngày nay. "Họ phá tan hoang nền giáo dục" như Loan đã từng nói với tôi.

Là học sinh nghèo thời chiến ở miền Nam trước kia không đơn giản. Tuy vậy, sự đào tạo đã mang lại cho chúng tôi một kiến thức tổng quát, bằng cấp có trình độ tương đương với các nước tiên tiến phương Tây.

Hai mươi hai năm sau ngày hòa bình, Loan ngậm ngùi nói với tôi rằng không biết bao giờ tuổi trẻ Việt Nam mới đạt lại được trình độ giáo dục ở miền Nam năm 1975. Nghĩa là 22 năm trước kia.

Thời bình, họ phá tan hoang nền giáo dục

Những điều tôi ghi lại đây chẳng qua chỉ là những gì Loan kể qua bức thư gửi cho tôi cách đây ba tuần. Loan là nhân chứng của sự tan hoang, tụt hậu trong ngành giáo dục do sự đam mê chủ nghĩa đến độ quá khích của một số người lãnh đạo đất nước.

Nói về những người lãnh đạo đất nước, một người bạn của tôi hay dùng một số tính từ như "không có trình độ", "mờ nhạt". Cũng có thể là như thế. Nhưng tôi nghi tính chất quá khích trong niềm tin mới nguy hiểm gấp bội phần.

Có hai người quen biết ở Paris mà tôi rất mến phục vì họ rất có trình độ nhưng đã làm tôi té ngã. Một người chuyên về kinh tế, một người chuyên về khoa học. Một hôm, anh chuyên về kinh tế tuyên bố trong một buổi thảo luận về kinh tế Việt Nam: "Tham nhũng buôn lậu có tác dụng tốt cho kinh tế Việt Nam" thì tôi té ngã. Còn người quen thứ hai cũng làm tôi té ngã sau khi tôi xem bài viết của anh ta về việc một tù nhân đấu tranh cho dân chủ, ông Đoàn Viết Hoạt, được đài truyền hình Pháp và ký giả Patrick Poivre d'Arvor (PPDA) giới thiệu với dư luận quốc tế. Với trình độ lém hơn anh bạn trước của tôi, anh ta đã đưa những bẽ bối đời tư của ký giả PPDA áp lên việc ông này tìm cách cứu một nhân vật ôn hòa, đang đối đầu với Đảng Cộng sản trong tù ngục. Phải có một tính toán riêng tư, lắt léo mà chỉ anh bạn tôi mới hiểu được cộng với sự có trình độ mới làm cho anh bạn tôi tinh ranh đến thế trong việc làm giảm những gì là tốt đẹp mà ông Đoàn Viết Hoạt vẫn chờ đợi trong trại tù Thanh Cẩm.

Cái quá khích trong niềm tin, theo tôi nghĩ, đã biến con người thành những người tai ác trong ước mơ chân thành chủ nghĩa xã hội của họ. Càng có trình độ càng khó nhận ra là mình quá khích trong niềm

tin và càng hiểm hóc trong sự quá khích. Khoảng năm 1986, mở đầu chính sách đổi mới ở Việt Nam là chính sách kinh tế "ba khoán" được xem là một phát minh của Đảng Cộng sản đổi mới. Chính sách này tạm quên cái ước mơ nhân đạo của những người cộng sản là "làm theo khả năng hưởng theo nhu cầu" để tạm khoán cho người ta "làm theo khả năng hưởng theo ... khả năng". Cái chuyện cũ rích ngày thường của chủ nghĩa tư bản, ấy vậy mà vẫn có trí thức có trình độ ở Paris xem đó là sự khám phá quan trọng. Sự quá khích trong niềm tin có khả năng biến trí thức phương Tây có trình độ thành trí thức "ba khoán" như thế, hưởng hồ gì là những trí thức được đào tạo ở các nước phương Đông trước kia.

Loan viết cho tôi: "*ngành giáo dục đào tạo vẫn như thường lệ là làm ít nói nhiều. Một tài liệu của ngành giáo dục đào tạo sau khi đánh giá sáu tháng qua do được nghị quyết trung ương 2 soi sáng, cái gì cũng có ... biến chuyển, nhưng vẫn lớn tiếng ra lệnh hoặc kêu ca :*

- *Lập lại trật tự kỷ cương trong giáo dục. Tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ các kỳ thi. Tiêu cực trong tuyển sinh. Không bảo đảm chất lượng đào tạo. Các trường thu quá nhiều khoản tiền không đúng qui định.*

- *Dạy thêm và học thêm lan tràn mặc dù đã có quyết định 242/TT ngày 24 tháng 5 năm... 1993 của thủ tướng chính phủ và có văn bản hướng dẫn của bộ giáo dục và bộ tài chính nhưng không hiệu quả.*

- *Chất lượng giáo dục còn thấp, học sinh bỏ học lên đến gần 10 phần trăm.*

- *Giáo viên bỏ nghề. Một thí dụ: từ năm 91 đến 96 tỉnh Kiên Giang đào tạo 5247 giáo viên thì bỏ việc, nghỉ việc hết 2047 giáo viên. Các trường sư phạm miền Nam từ nhiều năm nay không thu học phí, cấp học bổng 100 phần trăm mà vẫn gặp khó khăn trong tuyển sinh sư phạm".*

Và Loan kết luận: "*anh muốn biết tuổi trẻ học trò thời bình ở đây thì cách hay nhất là Loan trích tiếp tài liệu đã dẫn mà Loan đang đọc : "thì gì học nấy, kiến thức mất cân đối, thiếu toàn diện. Ý thức, thói quen, năng lực tự học, tự hành yếu. Quay cốp, gian lận trong kiểm tra, thi cử, chạy điểm còn nặng nề. Ý thức bảo vệ của công, giữ gìn vệ sinh, môi trường còn yếu".*

Như vậy Loan không còn gì phải nói thêm vì thời bình họ phá tan hoang ngành giáo dục như Loan đã nói với anh.

Giáo dục chưa thực sự là quốc sách hàng đầu

Chỉ còn chờ thêm không quá hai mùa

hoa đào, hoa mai thì chúng ta sẽ vào năm hai ngàn. Hơn hai mươi mùa hoa nở đã qua, những người lưu luyến với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ đã bỏ tìm bó tay nhìn những cái hay, cái đẹp trong việc giáo dục đào tạo con người tiếp tục rơi dần như lá mùa thu, mùa xuân có đến cùng không làm cho thay da đổi lá. Cùng với đất nước, ngành giáo dục như một cây bị bạo bệnh yếu dần với thời gian vì những con vi khuẩn tiếp tục sói mòn.

Ở Việt Nam, khi đảng cộng sản độc quyền thống trị đất nước từ hơn hai chục năm nay, dẫn đến sự xuống cấp toàn diện của đất nước nói chung và đặc biệt là của ngành giáo dục, y tế mà nạn nhân là cả dân tộc Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ, thì thủ phạm là ai cũng chẳng cần phải nêu tên.

Ngân sách chính phủ bị giới hạn vì không thu thuế đủ khi chợ đen và móc ngoặc chiếm khoảng 40 phần trăm. Ngân sách này chi phần lớn vào quân đội, công an, lại cộng thêm bộ máy của Đảng Cộng sản có mặt trong hầu hết các cấp hành chính, công đoàn quốc doanh, giáo hội quốc doanh, Mặt trận Tổ quốc quốc doanh, Hội Phụ nữ quốc doanh..., rồi lại phải đắp vào sự lỗ lã của phần lớn các xí nghiệp quốc doanh, cộng thêm sự tiêu xài hoang phí ở các cấp các ngành tranh nhau đục khoét ngân quỹ.

Một thí dụ trong ngành giáo dục quốc phòng được nêu lên trong một tài liệu của ngành giáo dục mà Loan có ghi cho tôi thật đáng chú ý để hiểu phần nào việc mạnh ai nấy đục khoét : Đại học Sư phạm Sài Gòn đào tạo 20 giáo viên ngành giáo dục quốc phòng tiêu tốn luôn 18,31 triệu đồng trên 28 triệu dự trù cho 50 người. Đại học Sư Phạm Hà Nội cũng chơi ngon không kém: dự trù đào tạo 100 người với kinh phí 56 triệu đồng thì thực tế chỉ đào tạo có 19 giáo viên và tiêu 50 phần trăm kinh phí.

Mọi người đều thấy cái bịnh trầm kha của ngành giáo dục. Mỗi đại hội của Đảng Cộng sản đều có nghị quyết đầu mỗi chót lười về ngành giáo dục. Riêng nghị quyết trung ương 2 của đại hội VIII có chuẩn bị hoặc dàn cảnh lớp lang chu đáo hơn, một số trí thức yêu đảng ở nước ngoài cũng được tham khảo ý kiến, đặc biệt là ở Paris. Và nhà nước đã đưa ra Luật Giáo dục để thông qua ở quốc hội.

Cái khác với những nghị quyết đầu mỗi chót lười không áp dụng được vì không có ngân khoản trước kia với "Luật Giáo dục", cũng không có ngân khoản như nhau, nằm vồn vện ở chỗ nếu các nghị quyết của Đảng Cộng sản vẫn tiếp tục ca

"Giáo dục đào tạo là sự nghiệp của toàn đảng, của nhà nước và của nhân dân" thì Luật Giáo dục chỉ nói "Giáo dục là sự nghiệp của nhà nước và của toàn dân". Đảng rút lui rồi chăng? Xin đừng vội nhảm.

Trong Luật Giáo dục với 18 chương gồm 145 điều này, phần lớn là những điều lật vật nói về bàn ghế, trường lớp, định nghĩa cái này, định nghĩa cái kia thí dụ trường dân lập là do các tổ chức chính trị xã hội như Mặt trận Tổ quốc, các lực lượng vũ trang, khác với tư thục là do tư nhân sáng lập, phần còn lại nhằm nhấn mạnh vị trí độc tôn, độc quyền của Đảng Cộng sản trong giáo dục.

Tham vọng về giáo dục của cái luật lăm điều này có thể trích vồn vện: "Để tăng cường quản lý nhà nước, phát triển sự nghiệp giáo dục nhằm đào tạo con người xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước" (điều 2). "Nhà nước xây dựng nền giáo dục quốc dân theo định hướng XHCN, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM làm nền tảng, bảo đảm tính nhân dân, dân tộc, khoa học và hiện đại" (điều 19) "Cấm lợi dụng hoạt động giáo dục để chống lại Nhà nước XHCNVN" (điều 39 khoản 2) "Không cho phép mở trường tư thục ở tiểu học và trung học cơ sở" (điều 44) "Người chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động của nhà trường là hiệu trưởng" (điều 45). "Tổ chức Đảng Cộng sản VN trong nhà trường hoạt động và lãnh đạo nhà trường theo điều lệ của Đảng và pháp luật" (điều 54) "Trường tôn giáo: chính phủ có qui định riêng về trường tôn giáo" (điều 104) "bộ trưởng, giám đốc sở giáo dục, hiệu trưởng các cơ quan chủ quản có thẩm quyền thu hồi văn bằng".

Có hai biện pháp quyết định có thể góp phần đẩy mạnh giáo dục : hoặc tăng thật xứng đáng ngân sách giáo dục, hoặc huy động toàn dân đầu tư vào ngành giáo dục, mà cũng có thể làm cả hai. Tăng ngân sách xứng đáng cho ngành giáo dục thì Đảng Cộng sản không thể làm được do thiếu hụt ngân quỹ. Huy động toàn dân đầu tư vào ngành giáo dục thì Đảng Cộng sản cũng không làm được vì thứ nhất là dân không tin vào Đảng Cộng sản, thứ nhì là Đảng Cộng sản không tin vào dân. Làm cả hai thì Đảng Cộng sản cũng không làm được do ... "không có trình độ" như anh bạn tôi hay nói.

Khi điều 15 của Luật Giáo Dục ghi "Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích

các nguồn đầu tư khác cho giáo dục". Thì điều 39 khoản 2 phản pháo: "Không cho phép mở trường tư thục ở tiểu học và trung học cơ sở". Thế có nghĩa là trẻ em từ 6 đến 15 tuổi cấm không cho học trường tư nhân vì Đảng Cộng sản muốn giành độc quyền "đào tạo con người xã hội chủ nghĩa". Trẻ em ở lứa tuổi này chỉ có quyền chọn: làm "con người xã hội chủ nghĩa" hoặc đứng đường. Tư nhân đừng xó rớ đụng vào.

Tôi có điện thoại về Sài Gòn hỏi một thầy kiện của Đảng Cộng sản về điều 39 khoản 2 thì thầy giầy nẩy lên: "áy áy ... tư nhân mở tiểu học và trung học được chứ. Chỉ cần chạy cái mũ Dân lập đầu có khó khăn chi". Thầy nói đúng, chỉ cần "chạy" và muốn chạy nhanh thì phải tốn nhiều "xăng" hơn gọi là chút đỉnh "xóa đói giảm nghèo" cho cán bộ có quyền, hoặc nói như chuyện Kiều của cụ Nguyễn Du: "Thì đây chút đỉnh gọi là làm duyên".

Góm, cái đám đảng biểu ở quốc hội và cái đám trí thức "ba khoán" ở hải ngoại được Đảng Cộng sản hỏi ý kiến về giáo dục sao mà tinh nhỉ. Họ quả "có trình độ" vì khi soạn thảo luật, họ đã hé cánh cửa "xóa đói giảm nghèo" cho đồng bọn.

Phải tội cho một giám đốc nào đó đã lấy hết gân cổ lợi ngược giọng ở hội nghị các giám đốc ngành giáo dục để gào lên: "Tuy Nghị quyết Trung ương 2 đã ghi "Giáo dục đào tạo là sự nghiệp của toàn đảng, của nhà nước và của nhân dân" song chưa có những cơ chế chính sách để bảo đảm trách nhiệm của các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội đóng góp cho giáo dục, chưa có một hệ thống tổ chức quản lý thống nhất từ trung ương đến cơ sở nên còn phân tán. Giáo dục chưa thực sự là quốc sách hàng đầu".

Đất nước ngược ngạo

Khi những người lãnh đạo đất nước còn xem thường, nghi ngại trí thức thì đất nước này không thể nào vượt lên được. Trước kia trong ngành giáo dục, chúng ta có giáo viên, hiệu trưởng tiểu học, giáo sư trung học, hiệu trưởng trung học, giảng viên đại học, giáo sư đại học rồi khoa trưởng đại học. Sở dĩ có nhiều tên gọi khác nhau là vì chúng ta khuyến khích và quý trọng sự thăng tiến trong xã hội cũng như trong ngành giáo dục. Bây giờ trong Luật giáo dục họ gọi đại trà tất cả là giáo viên, hoặc là hiệu trưởng. Một giáo sư trung học như Loan họ chỉ gọi là giáo viên, một khoa trưởng đại học chỉ được gọi là hiệu trưởng. Nó thể hiện rõ ràng đầu óc xem thường và đề đầu trí thức của một số người

lãnh đạo đất nước hiện nay.

Đất nước này việc gì cũng ngược ngạo đâu phải chỉ riêng ngành giáo dục. Một dân biểu tuyên bố "Năm nay nông dân được mùa lúa mà mất mùa thu nhập". Một dân biểu khác cũng tuyên bố "Hiện nay, một xã được xem là anh hùng ở tỉnh Minh Hải mà có đến 80 phần trăm số hộ đói". Thật quả là ngược ngạo.

Đất nước ngược ngạo bởi lẽ có những lãnh đạo ngược ngạo, và ngành giáo dục hiện nay rồi cũng chỉ đào tạo ra phần lớn những con người ngược ngạo, để rồi lại lãnh đạo ngược ngạo đất nước như thế. Đó là cái vòng lẩn quẩn. Trong cái vòng lẩn quẩn đó, Loan đã làm hết sức mình để khai phá một lối ra nhưng đành bất lực. Không thiếu gì người cũng đành bất lực như Loan.

Nói chuyện thiệt hơn với độc tài là nói chuyện với nhà tù, với công an, với tham nhũng, với Mafia. Nói chuyện với nó cũng chẳng khác gì mình độc thoại và lại còn nguy hiểm hơn độc thoại khi nhà tù lúc nào cũng rộng mở. Chỉ có áp lực quần chúng mới làm chùn bước họ như những gì vừa xảy ra ở Thái Bình, Hồ Nai. Và cũng chính những gì xảy ra ở Thái Bình, Hồ Nai vừa qua lại nói với chúng ta đừng vội nản lòng. Đảng Cộng sản đang chùn tay, nòng súng bắt đầu run rẩy vì dân hết sợ họ rồi. Cái gì rồi cũng có thể xảy ra và Loan ơi, Loan đừng nản lòng.

Trần Ngọc Sơn

Thông báo

Trong năm 1998, Câu lạc bộ Thân hữu Thông Luận sẽ tổ chức 3 buổi họp mặt vào

- hai chiều Chủ nhật 22-3-98 và 20-9-98 từ 15g đến 18g tại hội trường Auberge de jeunesse d'Artagnan, 80 rue Vitruve 75020 Paris

- ngày Chủ nhật 7-6-98, ngày thể thao và gặp gỡ đặc biệt, tại một địa điểm sẽ được thông báo sau.

Đề tài các buổi họp mặt sẽ được thông báo đến quý vị hai tháng trước. Chúng tôi rất mong nhận được đề nghị của quý vị về những đề tài hữu ích cho tất cả mọi người trên tinh thần "không có gì cấm nêu ra, không có gì cấm bàn đến".

Liên lạc với Câu lạc bộ Thân hữu Thông Luận qua địa chỉ tòa soạn báo.

Những nguyên tắc nền tảng của giáo dục

Tôn Thất Long

* Tương quan giữa giáo dục và bản chất của thể chế xã hội * Hai quan điểm về giáo dục *
* Hai lãnh vực trong các sinh hoạt xã hội * Hai sứ mạng của giáo dục * Giáo dục trong các thể chế độc quyền *

Trong khung khổ của Ban nghiên cứu giáo dục Thông Luận, một số đề tài để thảo luận về giáo dục sẽ lần lượt được trình bày cùng độc giả. Bài viết này được soạn thảo sau khi chúng tôi đã nhận được ý kiến của một số các thân hữu, đáp ứng lời kêu gọi góp ý trên vấn đề giáo dục trong Thông Luận số 105 tháng 6-97. Các ý kiến đã nhận được đều nhấn mạnh đến các liên hệ căn bản giữa giáo dục và bản chất của thể chế chính trị hiện hành. Bài viết này được soạn thảo trong cùng một chiều hướng. Tuy chưa đề cập đến nội dung của giáo dục nhưng bài viết cũng có một tầm quan trọng, cho phép ta xác định lại vai trò và nhiệm vụ đặc thù của giáo dục trong tổng thể các sinh hoạt chung trong xã hội. Sau một phân tích và phân loại đơn giản các sinh hoạt căn bản trong xã hội, mục tiêu của bài viết là tìm cách phân loại các nhiệm vụ chính của giáo dục.

1. Tương quan giữa giáo dục và bản chất của thể chế xã hội

Nhìn một cách tổng quát, mọi xã hội đều có những quan niệm và mục tiêu khác nhau trong nhu cầu giáo dục đào tạo để thỏa mãn các đòi hỏi của hệ thống xã hội. Mọi vấn đề đều tùy thuộc vào bản chất và vào các mục tiêu của các chế độ chính trị được áp đặt lên xã hội. Các ví dụ điển hình nêu ra sau đây ở Việt Nam cho ta thấy rõ vấn đề về này.

Dưới thời thuộc địa, người chủ đất nước là tầng lớp thực dân bóc lột ngoại bang, hệ thống giáo dục trong thời kỳ này chỉ có một mục đích đào tạo một lớp người cộng tác bản xứ làm trung gian giữa người thực dân và người dân bị trị, bù vào sự thiếu hụt về nhân số của lớp người thực dân. Các thành phần được đào tạo trong hệ thống này rất bị giới hạn về nhân số và chỉ được sử dụng trong mục tiêu khai thác tài nguyên của thuộc địa. Vì vậy phần đông những người Việt Nam được đào tạo trong các trường đại học ở Pháp chỉ đóng những vai trò phụ thuộc khi trở về Việt Nam, không được sử dụng xứng đáng với trình độ chuyên môn đã được đào tạo.

Trong chế độ cộng sản trước thời kỳ

đổi mới, người chủ tuyệt đối xã hội là đảng cộng sản, hệ thống giáo dục hoàn toàn dành riêng cho các tầng lớp đảng viên và các cộng sự viên đặc lực của họ, với mục đích đào tạo một lớp người không ngần ngại phục tùng các mệnh lệnh và bảo vệ quyền lực tuyệt đối của Đảng. Con người trước tiên phải "hồng" (trung thành tuyệt đối với Đảng) trước khi trở thành "chuyên" (được đào tạo về chuyên môn và trao cho một trách nhiệm trong hệ thống xã hội). Tất cả mọi thành viên khác của xã hội đều bị gạt ra ngoài hệ thống giáo dục do Đảng chi phối. Quan niệm "hồng trước, chuyên sau" nêu ra trên đây tuy rất gần với quan niệm "tiên học lễ, hậu học văn" thường được nhắc đến trong các tập quán của người Việt Nam nhưng khi được áp dụng vào trường hợp của một chế độ độc quyền toàn trị như ở Việt Nam thì trở thành hoàn toàn sai trái vì bản chất và nền tảng của chế độ này đã hoàn toàn sai lạc. Người cộng sản đã bóp méo hoàn toàn ý nghĩa "đạo đức con người" của chữ "hồng".

Trong chế độ độc tài đảng trị hiện nay ở Việt Nam, đảng cầm quyền, vẫn ẩn núp dưới danh nghĩa của đảng cộng sản, tuy đã nổi lộng một phần nào sự kiểm soát trên hệ thống giáo dục hiện nay, cho phép song hành các cơ sở giáo dục do tư nhân phụ trách, nhưng họ đã vô hiệu hóa hệ thống này bằng cách tách rời hệ thống giáo dục chính thức ra khỏi các tiêu chuẩn tuyển chọn nhân lực lãnh đạo xã hội cho bộ máy chính quyền. Trước đây, tất cả các sản phẩm do các trường đại học đào tạo đều được Đảng phân phối vào các bộ máy chính quyền, mặc dầu vẫn luôn luôn dựa trên nguyên tắc "hồng trước, chuyên sau". Nói một cách khác, giáo dục ở Việt Nam trong chế độ cộng sản trước thời *đổi mới* vẫn có một chức năng giúp cho mỗi cá nhân có cơ hội được thăng tiến trong guồng máy lãnh đạo xã hội. Ngày nay tuy "hồng" không còn là một tiêu chuẩn tuyệt đối cho việc thi tuyển vào các đại học chính thức, nhưng các đại học chỉ chú trọng vào việc đào tạo trên các lãnh vực chuyên môn kỹ thuật và chủ yếu là để cung cấp nhân lực cho các đòi hỏi của các

xí nghiệp tư nhân và ngoại quốc. Ngày nay, muốn được thăng tiến vào bộ máy chính quyền lãnh đạo xã hội thì trước tiên phải đi qua con đường bí mật "phấn đấu làm đối tượng Đảng" và phải được "kết nạp làm đảng viên". Như vậy, cũng như trong bộ máy chính quyền, tuy trên danh nghĩa chỉ có một hệ thống giáo dục nhưng trên thực tế thì có hai hệ thống khác nhau: một hệ thống công khai đặt căn bản trên đào tạo kỹ thuật chủ yếu để phục vụ cho các hãng ngoại quốc, một hệ thống "bí mật" qua hệ thống Đảng, dựa trên sự trung thành tuyệt đối đối với tập đoàn nắm quyền trong Đảng.

Trong cả ba trường hợp, ta có thể phân biệt rõ ràng các vai trò "chủ nhân" và "nô bộc" trong cách cấu tạo các thành phần của xã hội. Văn hóa trong các xã hội này là một loại văn hóa nô dịch, con người bắt buộc phải hành sự như một cái máy, biểu đầu làm đầy. Hệ thống giáo dục chỉ đóng một vai trò phụ họa, từng phục cho lớp chủ nhân trục lợi và con người mất hết các ý thức về trách nhiệm trong mọi hành động.

Nói một cách khác, các vấn đề căn bản về giáo dục không thể nêu ra được khi ta không đặt một cách rõ rệt nền tảng và bản chất chính trị của xã hội. Các mục tiêu và thực chất của các hệ thống giáo dục luôn luôn phụ thuộc vào bản chất của thể chế xã hội cũng như vào các hoạt động để duy trì sự tồn tại của xã hội đó.

Lịch sử nhân loại đang biến đổi không ngừng. Ngay cả trong các xã hội dân chủ, tự do tiến tiến nhất trên thế giới ngày nay, bản chất các chế độ chính trị cũng không có những giá trị tuyệt đối. Vì vậy, để đơn giản hóa các thảo luận và tránh các bàn cãi dông dài về khái niệm dân chủ tự do, chúng ta hãy tạm chấp nhận một cách đơn giản rằng: Trong một chế độ dân chủ tự do mà ta mong ước, sẽ không có những người chủ tuyệt đối đứng trên người dân, chà đạp lên cuộc sống của người khác. Mỗi người dân sẽ được tự do đề cử người đại diện của mình, trong những khoảng thời gian định kỳ đã giao ước trước và trên những lãnh vực nhất định, để quản trị các công việc bình thường trong xã hội, trong lợi ích của mỗi cá nhân cũng như trong lợi ích chung

cho toàn xã hội. Mọi sinh hoạt trong xã hội đều nhằm một mục tiêu duy nhất phục vụ cho lợi ích của đời sống của con người, dưới hình thức của mỗi cá thể cũng như của cả tập thể. Trong tinh thần trách nhiệm tương đối này, dầu ở vị trí nào đi nữa trong hệ thống, mỗi cá nhân vừa là chủ cũng như vừa là nô bộc, vừa làm việc cho chính tương lai của mình, vừa góp phần của mình vào công cuộc xây dựng chung.

Không giải phóng một cách toàn diện các ràng buộc cưỡng bức kiểu "chủ nhân và nô lệ" thì không thể tiến xa trong công cuộc xây dựng. Mọi cố gắng sẽ trở thành vô ích bởi vì mọi tiến bộ luôn luôn đòi hỏi một tinh thần trách nhiệm cao độ của mọi thành viên trong xã hội. Với cách giải thích sơ lược này, ta sẽ xem xét các lãnh vực sinh hoạt trong xã hội để xác định các mục tiêu của giáo dục.

2. Hai quan điểm về giáo dục

Khi tranh luận về vai trò của giáo dục, ta thường thấy hai thái độ tương phản lẫn nhau. Một bên cho rằng phải tách rời giáo dục ra khỏi mọi tranh luận về đấu tranh chính trị. Giáo dục phải độc lập với chính trị và hệ thống chính quyền không được can thiệp vào lãnh vực giáo dục. Một bên thì cho rằng giáo dục phải là công cụ và chịu sự lãnh đạo của người cầm quyền đại diện cho xã hội.

Quan điểm thứ nhất là phản ảnh của phần đông "quần chúng thầm lặng", trong các chế độ độc tài, nhìn chính trị trên khía cạnh xấu về tranh chấp quyền lực, gán ép cho danh từ chính trị một ý nghĩa tiêu cực quá chật hẹp như là các tranh chấp bạo lực giữa các đảng phái chính trị, giữa các khuynh hướng thù nghịch lẫn nhau để giành quyền kiểm soát và thống trị xã hội. Trong những hoàn cảnh nhất định, quan điểm này chỉ có thể được chấp nhận như là một vũ khí chống lại các chế độ độc tài nhưng, như sẽ được giải thích sau này, không thể là nền tảng tuyệt đối cho giáo dục trong các xã hội bình thường.

Ngược lại, quan điểm thứ hai lại thường là vũ khí của giới cầm quyền trong các chế độ chuyên chế độc quyền, muốn kiểm soát mọi sinh hoạt xã hội để bảo vệ quyền lực của mình. Do đó, khi được áp dụng trong các chế độ độc quyền thì quan điểm thứ hai cũng không thể được chấp nhận vì bản chất chính trị của chế độ đó đã sai ngay từ đầu. Quan điểm này chỉ đúng khi người cầm quyền lãnh đạo xã hội là đại diện thực sự của xã hội và khi xã hội đã

được xây dựng trên những nền tảng rõ ràng đã được mọi tầng lớp trong xã hội tự nguyện chấp nhận từ trước.

Trong các xã hội dân chủ tiến tiến hiện nay, khi các cơ cấu tổ chức và điều hành xã hội đã được hoàn chỉnh, với các nguyên tắc phân quyền rõ rệt, trong không gian cũng như trong thời gian, các tranh chấp để giành quyền lãnh đạo xã hội tuy vẫn còn nhưng phải dựa trên những căn bản đã được đa số tự nguyện chấp nhận từ trước, ngay cả giữa các khuynh hướng đối lập nhau. Danh từ chính trị phải được hiểu một cách rộng rãi như là tổng hợp của mọi sinh hoạt trong xã hội, trên mọi khía cạnh, mà chính yếu là tổ chức bộ máy chính quyền để quản trị các công việc bình thường trong xã hội, phát triển kinh tế... Vì vậy, tuy giáo dục phải được độc lập với quyền lợi trực tiếp của các khuynh hướng chính trị chống đối nhau nhưng phải được xem như là một "bộ phận" trong một "guồng máy" chung và phải được quan niệm và điều hành phù hợp với các nhu cầu chung của xã hội, phù hợp với các kế ước chung của xã hội đã được chấp nhận từ trước mà tượng trưng là hiến pháp của quốc gia.

Tách rời giáo dục với các môi trường và lãnh vực sinh hoạt khác của xã hội, kể cả lãnh vực lãnh đạo quyền lực, là một điều không thực tế, nếu không muốn nói là không tưởng. Thật vậy, trên thực tế, việc thực hiện mọi chương trình về giáo dục luôn luôn đòi hỏi các phương tiện vật chất phụ thuộc vào tình trạng của cơ cấu tổ chức chung trong xã hội, tùy thuộc vào thứ tự các ưu tiên về tài nguyên mà xã hội dành cho mỗi lãnh vực sinh hoạt. Dầu hệ thống giáo dục có được quan niệm một cách hoàn hảo nhưng nếu đi ngược lại với khuynh hướng lãnh đạo hiện hữu, chắc chắn hệ thống này cũng sẽ không có phương tiện để đi vào giai đoạn thực hiện.

Nói một cách khác, muốn có các thảo luận đúng đắn về giáo dục thì việc đầu tiên là phải đặt lại các thảo luận về bản chất chính trị của xã hội, xác định mô hình và mục tiêu của xã hội mà ta muốn xây dựng, xác định vai trò và chức năng của mỗi bộ phận trong guồng máy điều hành chung của xã hội. Trên căn bản này, vấn đề còn lại là sự phân công trách nhiệm cho mỗi bộ phận và điều này không thể được quan niệm như là một sự độc lập giữa các bộ phận trong hệ thống chung. Giáo dục phải được quan niệm như là một lãnh vực sinh hoạt trong một bối cảnh chung của một hệ thống bao gồm nhiều lãnh vực sinh hoạt

khác nhau nhưng liên quan mật thiết với nhau. Nhiệm vụ, nền tảng và các định hướng căn bản trong lãnh vực giáo dục đều tùy thuộc vào bối cảnh chung của cả hệ thống này.

3. Hai lãnh vực trong các sinh hoạt xã hội

Lịch sử nhân loại đã được nhắc đến kể từ khi dân số trong các xã hội loài người đạt được các con số đáng kể, con người không còn có thể sống cô lập như thời tiền sử, mà phải tụ họp lại dưới các hình thức xã hội. Sự sống còn của mỗi thành viên trong mọi xã hội đều có ảnh hưởng và có những liên hệ mật thiết với sự sống còn của các thành viên khác cũng như với sự tồn tại chung của cả tập thể loài người. Mục tiêu chính trong một xã hội dân chủ tự do mà ta hằng mong ước là bảo vệ sự sống còn và sự tiến hóa của xã hội. Xã hội không những được quan niệm như là một thực thể hiện hữu trong hiện tại mà còn phải được quan niệm như một khía cạnh tiến hóa, trường tồn. Giáo dục có một tầm quan trọng cho mọi hoạt động của con người trong xã hội và có sứ mạng phụ họa vào sự thực hiện mục tiêu chung nói trên.

Các sinh hoạt trong xã hội ngày càng trở nên phong phú và thay đổi không ngừng nhưng tựu trung, ta có thể phân biệt các sinh hoạt này dưới hai lãnh vực cơ bản: văn hóa và kỹ thuật.

Trước tiên, để có thể đương đầu với các khó khăn của cuộc sống tập thể, con người phải được chuẩn bị về mặt tâm lý để có thể tự tạo cho mình một lẽ sống, tìm cho mình một vị trí thích hợp trước sự biến hóa không ngừng của lịch sử nhân loại, trước sự bao la của xã hội cũng như của môi trường sinh sống đã có sẵn từ lâu xung quanh mình. Vì vậy, nếu không muốn sống ở ngoài lề của thời cuộc và bị xã hội đào thải, con người cần phải học hỏi các cơ chế của đời sống xã hội, học hỏi cách giao tiếp với các thành phần khác trong xã hội, tìm hiểu lịch sử tổ chức của xã hội cũng như lai lịch của chính môi trường của mình.

Đó là đối tượng căn bản của các sinh hoạt trên lãnh vực văn hóa (tâm lý hay tinh thần), chủ yếu là của các khoa học nhân văn, khoa học xã hội, khoa chính trị học... Từ các lãnh vực văn hóa này sẽ nảy sinh ra các nguyên tắc tổng quát về cơ cấu tổ chức xã hội, đặt nền tảng cho các cơ cấu tổ chức xã hội, điều hòa sự chung sống trong các xã hội loài người, thực hiện các mục tiêu chính yếu đã nêu ra trên đây là

bảo vệ sự sống còn và sự tiến hóa của xã hội.

Cùng cần nhấn mạnh thêm rằng khái niệm "văn hóa" được dùng ở đây, cũng như sẽ dùng sau này, có một ý nghĩa rất rộng: văn hóa bao gồm tất cả mọi vấn đề liên quan đến các mối tương quan giữa con người và môi trường sinh sống, giữa con người với con người, liên quan đến giá trị và phẩm chất tinh thần của con người... Vì vậy văn hóa phải bao gồm cả các sinh hoạt chính trị, trái với các quan niệm thường thấy, theo đó văn hóa và chính trị là hai lãnh vực sinh hoạt riêng biệt, độc lập với nhau và nhất là các sinh hoạt văn hóa phải ở ngoài các tranh luận chính trị.

Nhưng đời sống của con người luôn luôn bị gắn liền với các nhu cầu vật chất và sinh lý. Con người cũng cần phải có đầy đủ khả năng để tự cung cấp cho mình các nhu cầu cần thiết này, mặc dầu các khó khăn gặp phải trong thiên nhiên và trong môi trường sinh sống. Nói một cách khác, con người phải tìm hiểu thiên nhiên, tìm cách học hỏi các kỹ thuật bảo vệ môi trường để phục vụ cho lợi ích của chính mình, khai thác từ thiên nhiên các nguồn lợi cần thiết để cải thiện đời sống của mình và của xã hội. Đó là đối tượng căn bản của các sinh hoạt trên lãnh vực kỹ thuật (hay vật chất) của các khoa học chính xác, khoa học quản trị, của kinh tế học... Nhờ vào các sinh hoạt trong các lãnh vực này mà con người tìm hiểu được các qui luật biến hóa của vũ trụ, tìm cách bảo vệ và phát triển môi trường sinh sống, tạo ra các nguồn lợi vật chất dồi dào để cải tiến và duy trì được sự hiện hữu vật chất cụ thể của mình trong môi trường đó.

Để diễn tả một cách chính xác, ta có thể nói rằng văn hóa có đối tượng và mục tiêu là điều hòa các tương quan giữa các con người với nhau trong đời sống xã hội trong khi đó kỹ thuật là các phương pháp cho phép con người tạo ra các nguồn lợi vật chất để duy trì cuộc sống cụ thể trong môi trường sinh sống của mình.

Cả hai phương diện văn hóa và kỹ thuật nêu ra trên đây trong các sinh hoạt của đời sống xã hội luôn luôn đi song song với nhau, bổ khuyết cho nhau và đều có một mục tiêu chung là bảo tồn và cải tiến sự sống còn của xã hội loài người. Không thông hiểu được các lãnh vực tâm lý chính trị, xã hội loài người sẽ tự đào thải lẫn nhau và đi vào con đường tiêu vong vì các tranh chấp về quyền lợi và quyền lực. Không vận dụng được các khoa học tự

nhiên và các kỹ thuật phát triển kinh tế, tạo cho xã hội các nguồn lợi vật chất cần thiết cho cuộc sống, xã hội loài người cũng đi đến cùng một kết quả vì nghèo đói và bần cùng cũng sẽ dẫn tới sự tiêu vong.

Trong các tình trạng nghèo đói tột độ thì dĩ nhiên phương diện đời sống vật chất có một vị trí khẩn cấp đặc biệt, đi trước các đòi hỏi về tâm lý. Nhưng, trong một viễn ảnh lâu dài, các vấn đề văn hóa, tâm lý và chính trị lại là nền tảng và cơ sở của sự sinh tồn của xã hội loài người, tạo các điều kiện thuận lợi cho sự tiến hóa trong xã hội và giúp con người nhận thức được các trách nhiệm của mình và làm cho xã hội loài người tìm được hòa bình, ổn định và là tiền đề phát triển phong phú các nguồn lợi kinh tế.

Trong văn hóa cổ truyền, tục ngữ Việt Nam có câu: "Tiên học lễ, hậu học văn" tuy không nêu lên cụ thể các phân tách trên trong các sinh hoạt của các xã hội loài người nhưng vẫn luôn luôn đặt một ưu tiên đặc biệt trong việc đào tạo văn hóa, đào tạo đạo đức và cách cư xử của con người đối với đồng loại, trước khi đi vào các đào tạo chuyên môn. Trong tương lai, chúng ta sẽ không hiểu câu nói trên một cách cứng nhắc, chỉ đào tạo kỹ thuật chuyên môn cho con người một khi đã hoàn thành việc đào tạo văn hóa, đạo đức. Chúng ta chỉ muốn nhấn mạnh rằng, trong quá trình đào tạo con người, đào tạo văn hóa có một tầm quan trọng và một ưu tiên hàng đầu.

Trên thực tế, công việc đào tạo con người trên hai lãnh vực văn hóa và kỹ thuật luôn luôn đi song song với nhau, trong mỗi thời kỳ đào tạo và ngay từ lúc ban đầu, tương tự như các trẻ con, ngay từ thời mới bước chân vào cửa nhà trường, vừa học phải biết tôn trọng người bạn cùng lớp của mình (đào tạo trên phương diện văn hóa), vừa học cách dùng chữ, đặt câu... (đào tạo trên phương diện kỹ thuật) để diễn tả ngôn ngữ của mình...

Nhìn một cách cụ thể thì các sinh hoạt tâm lý và chính trị thường được phản ảnh qua các cơ cấu tổ chức trong xã hội và đặc biệt là các bộ phận trong guồng máy nhà nước trong khi các sinh hoạt phát triển kinh tế luôn luôn đi đôi với các phát triển về khoa học kỹ thuật.

Lịch sử nhân loại cũng đã chứng minh rằng nếu không đặt được nền tảng chính trị cho xã hội thì không giải quyết được một vấn đề nào cả. Văn hóa chính trị xác định vị trí của mỗi cá nhân trong tổng thể của xã hội, đưa ra những qui luật để thành lập các cơ cấu tổ chức điều hành xã hội và

là điều kiện tiên quyết cần thiết để thúc đẩy các phát triển kinh tế. Đó cũng là những lý do căn bản cho phép ta giải thích tình trạng đòai bại, đổ nát, hỗn độn, suy đồi trong xã hội Việt Nam ngày nay. Tiếc thay, sau biết bao ảo tưởng và gian dối, biết bao thế hệ của dân tộc đã và đang phải trả một giá chua cay, hy sinh cả mạng sống của mình cũng chỉ vì đã không đặt được một nền tảng xã hội đúng đắn.

4. Hai sứ mạng của giáo dục

Giáo dục là một lãnh vực sinh hoạt trong vô số các lãnh vực sinh hoạt khác trong xã hội. Vị trí và sứ mạng của giáo dục trong một xã hội tùy thuộc vào các nền tảng và cơ cấu tổ chức của xã hội, tùy thuộc vào các mục tiêu và các ưu tiên mà xã hội đó muốn đạt được, trong không gian cũng như trong thời gian, tùy theo cách cấu tạo của các tầng lớp trong xã hội, tùy theo các tài nguyên hiện hữu... Đó là một lãnh vực tùy thuộc vào nhiều thông số khác nhau. Vì vậy ta không thể xác định vai trò và sứ mạng của giáo dục một cách chung chung mà chỉ có thể xác định hay diễn tả một cách tương đối vai trò và sứ mạng của giáo dục trong một mô hình xã hội nhất định và trong những khoảng thời gian nhất định.

Trong một xã hội dân chủ tự do mà ta hằng mong ước, mọi sinh hoạt đều nhắm vào một mục tiêu chính yếu là bảo vệ sự sinh tồn và sự tiến hóa của xã hội. Giáo dục phải được quan niệm như là một lãnh vực sinh hoạt trong bối cảnh chung của một hệ thống bao gồm nhiều lãnh vực sinh hoạt khác nhau nhưng liên quan mật thiết với nhau. Cũng như các lãnh vực khác, nền tảng của giáo dục là các sinh hoạt xây dựng xã hội và giáo dục có sứ mạng phụ họa vào sự thực hiện các mục tiêu chung của xã hội. Vấn đề còn lại là xác định các vị trí hay các nhiệm vụ đặc thù của giáo dục trong công cuộc xây dựng chung này.

Trong một xã hội lý tưởng, giáo dục có hai nhiệm vụ cốt yếu: truyền đạt tư tưởng văn hóa và đào tạo kỹ thuật cho mỗi thành viên trong xã hội. Trước tiên, giáo dục có chức năng đào tạo văn hóa, giúp cho con người thấu hiểu được các cơ cấu tổ chức của xã hội, sửa soạn trên phương diện tinh thần cho mỗi thành viên trong xã hội nhận thức được vị trí của mình trong cơ cấu xã hội chung, giúp cho các thành viên trong xã hội hiểu rõ tinh thần trách nhiệm và quyền lợi, hiểu rõ các quy luật tự nhiên và hòa mình vào đời sống tập thể xã hội. Nhiệm vụ chính yếu thứ hai là chức năng

đào tạo kỹ thuật, tùy theo khả năng của mỗi người, giáo dục có nhiệm vụ truyền đạt và trang bị cho mỗi thành viên những kiến thức kỹ thuật chuyên môn căn bản, giúp cho mỗi thành viên tìm được các vị trí thích đáng của mình trong quá trình phân công lao động trong xã hội, vừa bảo đảm cuộc sống của chính mình, vừa góp phần vào công cuộc xây dựng chung.

Giáo dục có nhiệm vụ đào tạo cho xã hội những con người trưởng thành này và thường được xem như là một tiêu chuẩn đầu tiên cho sự thăng tiến của mỗi cá nhân trong guồng máy xây dựng xã hội. Muốn đạt được mục tiêu này, giáo dục phải ở trong tầm tay của mọi người và mỗi thành viên trong xã hội cần có được các cơ hội đồng đều để trau dồi các khả năng của mình qua hệ thống giáo dục. Đó là yếu tố căn bản duy nhất xác định giá trị của các hệ thống giáo dục cũng như của các thể chế chính trị được áp dụng.

Trong các xã hội tiên tiến, giáo dục có một vị trí ưu tiên hàng đầu trong tất cả mọi lãnh vực sinh hoạt và đặc biệt chú trọng đến các thế hệ trẻ, trước khi các thế hệ này va chạm với đời sống cụ thể, bởi vì các thế hệ này sẽ đi vào thực tế và nắm vận mệnh lãnh đạo xã hội trong tương lai.

Trong mục tiêu đó, giáo dục phải là phản ảnh của mọi lãnh vực sinh hoạt trong xã hội và phải luôn luôn theo dõi mọi biến chuyển trong xã hội, vừa trong lãnh vực văn hóa, tâm lý chính trị cũng như trong lãnh vực chuyên môn kỹ thuật. Tương lai của xã hội luôn luôn tùy thuộc vào các đầu tư đào tạo các thế hệ mới, trước tuổi trưởng thành và trước khi trở thành các động lực cốt yếu nắm giữ các guồng máy của xã hội. Không đầu tư đúng mức vào lãnh vực giáo dục thì các thế hệ nắm quyền xã hội mai sau sẽ không còn có đầy đủ khả năng, về văn hóa tư tưởng cũng như về kỹ thuật, để điều hành xã hội, xã hội sẽ luôn luôn ở trong tình trạng hỗn độn, bất ổn và nghèo đói bần cùng.

Trên nguyên tắc, trong các xã hội dân chủ tự do, giáo dục không có nhiệm vụ đào tạo ra những mẫu người nhất định để độc quyền nắm giữ quyền lực lãnh đạo xã hội. Các tầng lớp nắm quyền lực và đóng giữ các vai trò lãnh đạo trong những khoảng thời gian nhất định không bắt buộc phải là những sản phẩm trực tiếp của nền giáo dục. Nhưng giáo dục có thể giúp cho mỗi thành viên đạt được các vị trí này, nhờ vào các kiến thức và tinh thần trách nhiệm đã tích lũy được qua học vấn. Tập thể lãnh đạo xã hội chỉ tùy thuộc vào khả

năng thuyết phục của mỗi thành viên và sự tín nhiệm tự nguyện của các thành viên khác đối với họ.

Trong các xã hội cụ thể, vai trò và sự mạng của giáo dục thường phải được điều chỉnh tùy theo nền tảng và cơ cấu tổ chức của xã hội, tùy theo các ưu tiên mà xã hội đó muốn đạt được, tùy theo cách cấu tạo của các tầng lớp trong xã hội, tùy theo các tài nguyên hiện hữu...

5. Giáo dục trong các thể chế độc quyền

Như đã trình bày ở phần 1, văn hóa trong các chế độ tài là văn hóa nô dịch, chỉ nhằm đào tạo ra một lớp người phụ thuộc biết phục vụ quyền lợi của tầng lớp cầm quyền.

Giáo dục trong các chế độ độc tài chỉ chú trọng vào khía cạnh kỹ thuật, không đặt trọng tâm vào đa số quần chúng mà chỉ nhằm đào tạo một lớp chuyên viên kỹ thuật biết tuân theo các mệnh lệnh từ trên đưa xuống, mất hết tinh thần trách nhiệm. Hệ thống giáo dục không còn có chức năng đào tạo con người trong lãnh vực văn hóa cũng như không còn là thước đo cho sự thăng tiến của con người trong guồng máy lãnh đạo xã hội. Tập đoàn cầm quyền xã hội trở thành một tập hợp khép kín trong khung khổ một nhóm thiểu số hay trong giới hạn của một đảng bí mật, thường xuyên tranh chấp lẫn nhau.

Trong trường hợp của chế độ cộng sản Việt Nam, một yếu tố nghiêm trọng khác còn làm tăng hơn nữa sự căng thẳng trong các sinh hoạt xã hội. Đó là căn bệnh "hình thức" của bộ máy chính quyền ở mọi cấp bậc và ở trong mọi lãnh vực sinh hoạt, kể cả trong lãnh vực giáo dục. Căn bệnh này xuất phát từ các mưu đồ của Đảng, bên ngoài thì dùng mọi chiêu bài để đánh lừa dư luận, sẵn sàng tung ra mọi lời hứa hẹn cao đẹp che giấu bản chất độc tài của chế độ nhưng bên trong thì tìm cách tiêu diệt mọi tầng lớp chống đối.

Vì vậy mà mọi cơ quan trong guồng máy chính quyền từ trước đến nay vẫn được tổ chức song song với nhau thành hai bộ phận khác nhau. Một bên là bộ phận của Đảng, hành động trong vòng bí mật, không bao giờ công khai trước dư luận nhưng thực sự thay mặt Đảng để làm tất cả các chức năng của hệ thống chính quyền. Các bộ phận của Đảng làm việc theo hệ thống hàng dọc, từ trên cao xuống trong hệ thống Đảng. Một bên là một bộ phận chính thức bên ngoài, gọi là bộ phận chính quyền chính thức, có thể có những thành phần ở ngoài Đảng tham dự, với các chức

vụ chuyên môn hay tượng trưng đứng đầu cơ quan nhưng thực sự không có một quyền hành nào cả và làm việc dưới mệnh lệnh trực tiếp của các đại diện (không công khai) của bộ phận của Đảng.

Mục tiêu của Đảng là tạo một lớp sơn hình thức dân chủ bên ngoài để đánh lừa dư luận và vô hiệu hóa bộ phận chính quyền chính thức. Đảng cộng sản đã tước bỏ vai trò cơ bản đào tạo văn hóa ra khỏi các chức năng của giáo dục, hoạt động như một băng đảng bí mật, nắm quyền lựa chọn các thành phần mới để bổ sung vào mọi cơ cấu chính quyền, giới hạn trong tầng lớp đảng viên hay trong các cộng sự viên đặc lực của Đảng. Các lớp người khả nghi đối với chế độ hoàn toàn bị gạt ra ngoài hệ thống quyền lực.

Sự song hành này của hai bộ phận trong guồng máy chính quyền đã làm cho guồng máy chính quyền ngày càng nặng nề và tạo một bầu không khí tranh chấp thường xuyên, giữa những lớp người có khả năng chuyên môn nhưng không có thực quyền và tầng lớp đảng viên, được đào tạo chặt chẽ trong hệ thống Đảng qua lý thuyết đấu tranh bạo lực lỗi thời và được đào tạo một cách tượng trưng trên lãnh vực chuyên môn kỹ thuật. Dầu có nhiều khả năng vượt bậc, các thành phần ở ngoài Đảng cũng không thể len lỏi vào các vị trí chủ yếu của hệ thống quyền lực, cũng lắm là được thăng tiến vào các chức vụ điều hành chuyên môn hay làm bình phong quảng cáo cho Đảng.

Trong khoảng thời gian gần đây, với khẩu hiệu *đổi mới*, sự lựa chọn các lớp người trẻ để được đào tạo chuyên môn tuy đã được nói lỏng nhưng bộ máy chính quyền vẫn luôn luôn khép kín và, trên thực tế, cũng chỉ có các tầng lớp con cháu của đảng viên và cộng tác viên của Đảng mới có đầy đủ các phương tiện vật chất để được thâm nhập vào hệ thống giáo dục và đào tạo hiện hành.

Trên các căn bản mâu thuẫn trên, liệu hệ thống giáo dục hiện tại có làm tròn nhiệm vụ đào tạo của mọi nền giáo dục là giúp cho con người thấu hiểu được các cơ cấu của xã hội, sửa soạn trên phương diện tinh thần cũng như về kỹ thuật cho các thế hệ mới, sửa soạn cho các thế hệ này có đầy đủ khả năng và tinh thần trách nhiệm để tham dự việc quản trị xã hội tương lai hay không? Trả lời cho câu hỏi này có thể tìm thấy qua các hiện tượng bi đát và mâu thuẫn lẫn nhau đang tiếp tục diễn ra trong thực tế của xã hội hiện nay ở Việt Nam.

Tôn Thất Long

Thuốc thử màu tâm lí dân tộc ?

Đặng Ứng Hà

1 Nghi đến đất nước chúng ta, dù là người trong nước hay ở hải ngoại, ai ai cũng mơ ước đến một hình mẫu xã hội dân chủ tự do, trong đó mọi người công dân không phân biệt thành phần xã hội, đều có quyền đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Sức bật của một xã hội trong thời phát triển công nghiệp hậu hiện đại là nhờ ở sự phát triển không bị kìm hãm của trí sáng tạo của xã hội đó. Xã hội dân chủ phương Tây - mà các nhà lí luận mác-xít vẫn bị thử gọi là xã hội dân chủ tư sản - đã giải quyết tương đối ổn thỏa nhất bài toán mà thế giới hiện đại vẫn đang đặt ra cho mình: cân bằng được sự *sáng tạo* và sự phát triển *ổn định* của xã hội. Cách mạng trong ổn định xã hội? Khái niệm như thế khó có thể chấp nhận được trong một nào trạng xã hội hãy còn đứng lại ở trình độ cho rằng cách mạng phải là sự phủ định một thế ổn định cũ. Cách mạng phải có nghĩa là hủy diệt! Nhân danh cách mạng, có khi người ta đã say máu hủy diệt một xã hội đã được bồi đắp nên qua một quá trình lịch sử gian khổ.

Trong một xã hội như thế, nghi khác những lối mòn tư duy của xã hội có thể bị lên án là "duy ý chí" chứ chẳng vừa! Nhưng mà, dù có bị quy chụp bao nhiêu chiếc mũ "duy ý chí" lên đầu, những con người cách mạng thật sự của xã hội hậu hiện đại bây giờ phải là những con người dám nghi thoát ra ngoài những khuôn mòn tư duy của xã hội đã bị đông cứng đã sáng tạo! Những kẻ đã đồng lõa với thủ phạm của sự suy kiệt xã hội Việt Nam hiện đại, có tư cách gì để đem chiếc mũ "duy ý chí" chụp lên đầu ai? Chụp mũ kiểu nào thì cũng là hành động chụp mũ - một hành động gian trá, phi dân chủ. Hãy cứ thành khẩn chơi trò chơi dân chủ, để thấy là dân tộc Việt chúng ta còn phải học nhiều, làm nhiều mới có thể xây dựng đất nước ngày mai phồn vinh và tự do.

Trong một bài viết gần đây, ông Nguyễn Gia Kiểng lại một lần nữa thảo luận về một vấn đề lớn đối với ai quan tâm đến vận động dân chủ thật sự cho đất nước chứ không phải kiểu "doi moi" cà rốt và cây gậy kiểu cộng sản. Nói về tình cảnh rời rạc thờ ơ đối với số phận đất nước, ông đặt một câu hỏi: "...*tại sao có đồng thuận [về hướng đi tới cho đất nước ngày mai] rồi mà cuộc vận động dân chủ vẫn chưa khởi sắc, đồng bào trong và ngoài nước vẫn chưa hưởng ứng ở mức độ chờ đợi?*". Ông đưa câu trả lời là "...*đó là vì chúng ta*

dụng phải một bức tường tâm lí kiên cố do lịch sử và văn hóa để lại". Tác giả cho rằng cách tôn vinh anh hùng của người mình [trong những loại anh hùng vô biên, hung bạo, độc đoán] phản ảnh hệ giá trị dân tộc mình ôm ấp bao lâu nay. Sau đó, ông đề nghị "*thay đổi biểu tượng [anh hùng] là thay đổi các giá trị nền tảng của xã hội, là thay đổi cách ứng xử, và cuối cùng thay đổi một số phận của một dân tộc*". Đó là luận điểm chính của bài "*Một vấn đề lịch sử*" (Thông Luận 108, 10-97, tr.14-18):

2 Trước hết, cần ghi nhận là bất cứ nỗ lực nào giúp chúng ta nhìn lại chính mình cũng là một công phu đáng quý và đáng phát huy. Trước nay cũng đã có nhiều cố gắng nhìn lại bản sắc dân tộc. Thời thế càng nhiều nhượng lại càng thấy xuất hiện nhiều bản kiểm thảo về bản sắc văn hóa dân tộc. Tựu trung có mấy khuynh hướng trái ngược nhau trong việc đánh giá bản sắc dân tộc:

1. Khuynh hướng *tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc*. Người xưa không giấu niềm tự hào về cái "Nam quốc sơn hà", hay "Thiên Nam", "Đại Nam", "Đại Việt". Chẳng thế mà chúng ta đã vươn dậy từ tình cảnh mất nước, bị thôn tính và đồng hóa cả nghìn năm mà dân tộc vẫn không mất. Thật vậy, lịch sử các dân tộc châu Á đã cho thấy sức mạnh thôn tính của văn hóa Hán tộc ra sao. Nhưng sức mạnh ấy vẫn không làm tiêu ma dân tộc Việt. Từ niềm tự hào dân tộc này đến ý thức ngạo nghễ về tộc Việt là hậu duệ của Thần Nông và đế Nghiêu đế Thuấn cũng là một bước ngắn.

2. Khuynh hướng *phủ định những hào quang về một thời hoàng kim của dân tộc Việt*. Dân tộc chúng ta chỉ là một phông ảnh mờ nhạt của những văn hóa ngoại lai, chứ không thể hiện được những cá tính tự hào của một dân tộc có bản lĩnh văn hóa dân tộc riêng. Sự kém cỏi này biểu hiện ra ở hai mặt tưởng như đối lập nhau nhưng thật sự chỉ là hai mặt của một đồng xu mà thôi: sự nhai lại những khuôn vàng thước ngọc có sẵn (thái độ mà Cao Bá Quát gọi nhạo là trò "*nhai văn nhá chữ*"), và tâm thế choáng ngợp trước những hào quang ngoại lai, sẵn sàng "theo mối hoàn toàn theo mối không chút do dự". Nói cách khác, khuynh hướng thứ hai này xem dân tộc chúng ta chỉ là một dân tộc hời hợt, nhẹ dạ.

Hai khuynh hướng đánh giá bản sắc dân tộc vừa kể đều tồn tại liên tục và bền

bỉ trong suốt dọc dài lịch sử dân tộc, mãi cho đến cả thế kỉ XX này. Tất nhiên là trong cuộc tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, giữa hai khuynh hướng đánh giá trên không thể tránh được những mâu thuẫn kịch liệt. Tuy nhiên, khuynh hướng đề cao niềm tự hào dân tộc nhiều khi không đủ sức lôi cuốn quần chúng, chỉ vì những đề quyết về một dân tộc Việt "vĩ đại", "vàng son", "huy hoàng" đã tỏ ra lớn quá kích thước của một dân tộc rách rưới nghèo nàn hiện nay. Thiếu những biện giải xác đáng, những đề quyết to lớn kia lắm khi cũng chỉ là những cách che giấu hoặc lẫn trốn thứ mặc cảm yếu kém của dân tộc mà thôi. Có lẽ cũng vì thế mà dân chúng chỉ tin được vào những gì gần gũi có thể nắm bắt được, cho nên dễ tin theo những lời phủ dụ của những người theo khuynh hướng thứ nhì hơn.

Trong tình cảnh như thế, khuynh hướng thứ nhì lại tăng thêm sức hấp dẫn. Những người theo khuynh hướng này có thể là vì thật sự không tự mãn với những hào quang giả dối mà người ta tự khoát cho dân tộc. Nhưng cũng có người đã từng đem bán rao dân tộc một cách tàn nhẫn. Khi cần kéo dân tộc ra khỏi vỏ tự hào hành tiến thì người ta nhân danh cái thế giới đại đồng để đưa dân tộc vào tình cảnh lang thang, rách rưới. Khi cần dùng chiêu bài dân tộc để tiến công những quan điểm tiến bộ khác, thì những kẻ thóa mạ dân tộc hôm qua lại cũng có thể không ngưng miệng để tán tụng dân tộc, như thể họ là những kẻ duy nhất yêu dân tộc này, ngoài ra đều là những kẻ phi dân tộc hết cả. Chẳng nói thì ai cũng thấy người cộng sản Việt Nam là những người triệt để theo khuynh hướng bán rao dân tộc này trong suốt 67 năm nay. Dân tộc chỉ là một chiêu bài chính trị để họ đạt mục đích củng cố địa vị độc quyền lãnh đạo đất nước vĩnh viễn. Thế thôi. Giản lược lịch sử bốn nghìn năm xuống còn hai kỉ nguyên (kỉ nguyên Hùng Vương và kỉ nguyên của "*bác-cháu-ta*") là hành vi đơn giản hóa lịch sử quá đáng. Có thể nào là thái độ trân trọng dân tộc được ư?

Suy cho cùng thì hình như cả hai quan niệm trên đều biểu hiện cho hai mặt của tâm lí dân tộc mà thôi. Sự cân bằng của hai mặt tâm lí tiêu cực và tích cực đã làm nên cái đà sống cho dân tộc qua những thăng và trầm của lịch sử. Nếu cần gan đục khơi trong cho lịch sử thì thiết tưởng cần có những lối tiếp cận lịch sử một cách

trung thực, và nên gạt lọc và loại bỏ những cách đánh giá tiêu cực cũng như những quan tếu về bản sắc dân tộc.

Trong ý hướng gạt đục khơi trong bản sắc dân tộc, ông Nguyễn Gia Kiểng có nói đến "gánh nặng tâm lý do lịch sử và văn hóa" và "giá trị nền tảng". Đây là những khái niệm then chốt của bài viết, nhưng lại là những khái niệm khá trừu tượng, ít khi thấy bàn đến trong các thiên chính luận của các nhà hoạt động xã hội ở xứ mình. Đường như chuyện phản tỉnh về chính tâm lý dân tộc mình cho đến nay vẫn thường là việc riêng của những "nhà nghiên cứu", "nhà văn hóa" - những người "quen nói mà không làm". Ngoại giả, nhà hoạt động chính trị cứ làm mà không cần nói, không cần bận tâm về những cái "tại sao" rắc rối. Trong số hiếm hoi những nhà hoạt động mà quan tâm đến những vấn đề "tại sao" đó, có Phan Bội Châu. Trong thiên chính luận *Cao Đẳng Quốc Dân*, nhà cách mạng tiền bối Phan Bội Châu đã rút tía bài học kinh nghiệm hoạt động của ông để nêu lên mười tính tẻ bạc của người mình. Đó là: tính ỷ lại, lòng giả dối, thói nhút nhát, tham lợi riêng, đua những việc hư danh vô vị, không thực lòng yêu nước, không biết nghĩa hợp quần, mê tin cổ hủ, không biết đường kính tế, không thương nòi giống. Cùng suy ngẫm về những vấn đề này, một nhà hoạt động cùng thế hệ là Phan Châu Trinh lại cho rằng vấn đề dân trí thấp hèn của người mình là nguyên ủy của mọi tâm lý tiêu cực thường thấy trong xã hội.

Đến nay, đã tròn gần một thế kỉ rồi vẫn không có thêm nhiều những câu trả lời cho câu hỏi "tại sao" trên đây. Đường như đã trở thành một thói quen thường thấy, là những con người hoạt động chính trị-xã hội hôm nay ít bận tâm để đặt cho mình những câu hỏi căn cơ về chính việc hoạt động chính trị-xã hội, để từ đó có thể rút những bài học kinh nghiệm, tu tiến hơn nữa những hoạt động của mình. Điểm lại diễn tiến của các phong trào quốc gia, có thể thấy là rất thiếu những cuộc kiểm thảo về cái gọi là "chủ nghĩa quốc gia" ngoài một thiên chính luận của Nghiêm Xuân Hồng từ cách nay đã bốn mươi năm. Thử đọc bất cứ một cương lĩnh hoạt động của rất đông tổ chức gọi là đấu tranh, rất hiếm khi thấy những dấu hiệu của những suy tưởng sâu sắc về lẽ hoạt động của tổ chức. Để có một cuộc Cách mạng 1789, đã không thiếu những đầu tư về tư tưởng, về những giá trị căn bản mới cho xã hội. Những diễn tiến bi hùng của cuộc Cách mạng từ năm 1789 chỉ là kết quả của những suy ngẫm trước đó. Những cuộc cách mạng khác trong lịch sử cũng như thế, không có ngoại lệ. Tại nước chúng ta,

từng có nhiều cuộc nổi dậy trong lịch sử không dựa trên cơ sở tư tưởng sâu sắc, thì chỉ là những cuộc nổi dậy mà thôi, không có tác động nào đối với xã hội, và chẳng còn dư vang nào trong lịch sử.

Thử đặt một câu hỏi về cơ sở chung của mọi hoạt động chính trị của những người không cộng sản hiện nay là gì, câu trả lời sẽ đến ngay đầu môi, không mấy khó khăn: "*chống cộng*". Chống cộng là gì, tại sao là chống cộng và chống cộng như thế nào, thì suốt hai thập niên trở lại đây câu trả lời hãy còn mơ hồ nếu không nói là còn sơ sài quá. Quan sát cách ứng xử của một số khá đông những tổ chức gọi là chống cộng hiện nay, có thể nhận ra một quan niệm khá phổ biến trong sinh hoạt chính trị xưa nay, là sự đối lập chính thống và tà ngụy. Ngày xưa ở cương vị chính thống là vua, ngược lại là giặc. Hoàn cảnh đất nước hiện nay có nhiều nét tương đồng với thời buổi li loạn nhiều nhượng cùng cực ở thế kỉ XVIII, trong đó không có tiêu chuẩn đôn giản để phân rõ thế chính-tà. Cho đến người ta tha hồ văng bùn lên mặt nhau, và ai cũng có thể vô ngục tự nhận mình là kẻ nắm được chính nghĩa. Ngày nay, người quốc gia và cộng sản cùng tranh giành nhau cái thế chính-ngụy đó. Dựa trên những sách báo và những cương lĩnh chính trị của một số tổ chức hoạt động chính trị, có thể nhận ra một quan niệm thường thấy là: 1. Người quốc gia chống cộng vì cộng sản thôn tính miền Nam, áp đặt chế độ cộng sản lên nửa nước tự do. Vậy thì chống cộng để dựng lại miền Nam Việt Nam của người quốc gia. 2. Cũng có thể có quan niệm chống cộng là vì chế độ cộng sản tàn ác đã hủy hoại cả nước Việt Nam. Vậy thì chống cộng là để dựng lại một Quốc Gia Việt Nam của người quốc gia. Nói khác đi, chống cộng là để hủy diệt chế độ chính trị đã dung túng người cộng sản ở cương vị chính thống của kẻ lãnh đạo đất nước.

Vin vào thành công trong việc thống nhất đất nước, người cộng sản muốn giành độc quyền lãnh đạo vĩnh viễn trên toàn đất nước. Nhưng thực tế Việt Nam sau năm 1975 cho thấy là hiển nhiên người cộng sản cai quản đất nước thật là tồi tệ. Từ một quốc gia được thế giới kính trọng, Việt Nam đã rơi xuống vị trí một trong số ít nước tồi tệ nhất thế giới. Giá như trong một nước mà ý thức công dân, ý thức cộng đồng cao, thì đảng cộng sản đã phải rút lui khỏi vai trò độc quyền lãnh đạo từ lâu rồi. Nhưng người cộng sản không thoát khỏi lòng tham muốn quyền lực. Họ dùng đến bạo lực trấn áp để giữ được vai trò lãnh đạo đất nước. Thế là sao? Một người bình thường, thờ ơ với đất nước đến đâu thì cũng phải thấy như thế là phi dân chủ, là

lạc hậu so với nhịp tiến bộ chính trị thế giới. Đến những năm cuối thế kỉ này xảy ra sự kiện có ý nghĩa, là những người cộng sản trung kiên một đời đấu tranh cho lí tưởng cộng sản, nay cũng phải tự vấn về sự bất xứng giữa lí tưởng và thực tiễn xã hội. Họ cũng dần dần nhận ra sự lỗ bịch của tham vọng độc quyền lãnh đạo, và sự lỗ bịch của chính cơ chế tổ chức chính quyền trong chế độ cộng sản. Những người hoạt động xã hội, không phân biệt tại hải ngoại hay quốc nội đang ra sức vận động cho dân chủ, không khỏi xót xa về sự bất động của khối đại quần chúng hiện nay trước một tình thế đã hiển nhiên là chín muồi cho một cuộc đổi đời của đất nước. Tại sao?

Những người hoạt động cho dân chủ hiện nay đều đồng thanh phủ nhận ý muốn độc quyền tư thế chính thống của người cộng sản. Thái độ đấu tranh xóa bỏ bất cứ chủ nghĩa độc quyền nào, là bắt nguồn sâu xa từ xu thế chung của các tư trào ở cuối thế kỉ XX: tư tưởng đa nguyên. Chống cộng do vậy không phải là hủy diệt con người cộng sản, mà là chống thái độ sai lầm của người cộng sản là muốn vĩnh viễn độc quyền lãnh đạo đất nước nhưng lại thiếu hiểu biết về quản lí xã hội để giúp nó phát triển phồn vinh. Vậy thì chống cộng là để xây dựng một chế độ chính trị dân chủ đa nguyên, trong đó mọi trí tuệ, mọi khả năng của công dân đều được tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Lí tưởng dân chủ đa nguyên hiện nay đang là thứ thời thượng chính trị mà rất nhiều tổ chức hoạt động chính trị đều tự thấy là cần phải ghi nó vào trong cương lĩnh hoạt động cho mình.

Nhưng thực tế hoạt động tại hải ngoại cho thấy hiện tượng nghịch lí là: có một số tổ chức hoạt động cùng giường cao lí tưởng dân chủ đa nguyên nhưng lại không chấp nhận nhau được, mà chỉ muốn triệt tiêu bạn đồng hành. Vì một lẽ giản dị: không phải nói rằng "đa nguyên" là chúng ta có dân chủ! Muốn đa nguyên còn cần phải có những điều kiện khác nữa: hòa giải hòa hợp dân tộc, và bất bạo động. Đó là những điều kiện cần và đủ cho một hành trình dân chủ. Phải chăng sự kiện thiếu vắng hòa giải hòa hợp và quá nhiều bạo động (bằng mồm và bằng hành vi côn đồ) trong xã hội Việt Nam hiện nay, hơn một lần chứng thật cho cái gọi là "gánh nặng tâm lý do lịch sử và văn hóa để lại"? Gánh nặng tâm lý do lịch sử và văn hóa ở đây đối lập hẳn thái độ dân chủ, kính trọng và chấp nhận những khác biệt, và chấp nhận sự đa dạng của hoạt động xã hội. Cái gánh nặng đó là gì? Nguyễn Gia Kiểng cho rằng đó là vì xã hội chúng ta chọn sai những giá trị nền tảng, chẳng hạn như dân

tộc chúng ta tôn vinh cái ác, sự hung bạo của bọn vô biên là giá trị, là anh hùng. Vì thế cho nên số phận dân tộc chúng ta không nhắc đầu lên được khỏi cái ách độc tài. Theo mạch suy luận đó, tác giả cho rằng người mình còn tôn vinh những kẻ vô biên, hung bạo và độc đoán là những anh hùng, thì ngày ấy đảng cộng sản vẫn không thể bị phủ nhận vai trò độc tôn của nó.

Nguyễn Gia Kiểng cho rằng tại vì dân tộc chúng ta đã chọn sai những giá trị nền tảng cho nên phải chịu số phận ù lì như vậy. Nếu quả những tính cách trên là những giá trị nền tảng của người Việt thì danh mục này còn có thể ghi thêm nhiều nữa chứ không phải chỉ có thế. Tâm lý thờ ơ, ỷ lại, tâm lý sợ hãi kẻ quyền thế... chẳng hạn. Và cả mười tính cách được ghi lại trong thiên chính luận tám can của cụ Phan nữa. Rồi đến cái dân trí thấp hèn mà Phan Chu Trinh cho rằng là nguyên do của tình cảnh mất nước, và ông đã suốt một đời hoạt động để phấn đấu nâng cao dân trí. Danh mục có thể kéo dài thêm nữa. Mà nếu thế thì có lẽ ba tính cách trên chưa đủ bao quát hết những tính cách của người mình. Tất cả những tính cách nói trên lại phản ảnh sự thiếu ý thức dân chủ trong cộng đồng dân tộc chúng ta, vì gánh nặng của tâm lý gia trưởng, của hệ tư tưởng phong kiến đã bắt rễ sâu cả ngàn năm.

Tâm lý tôn vinh bạo lực (vô biên, hung bạo, độc đoán) không hẳn là những yếu tố của hệ giá trị nền tảng mà dân tộc chúng ta chấp nhận trong quá khứ. Đó chẳng qua chỉ là những biểu hiện của trình độ văn hóa của cộng đồng trong điều kiện dân trí như thế nào đó mà có. Xã hội phương Đông và phương Tây đều có tâm lý này cả, chẳng phải riêng của ai. Vấn đề là tại sao phương Tây có thể từ bỏ tâm lý của một thời phong kiến để tiến lên dân chủ, mà nước chúng ta thì cứ mãi chấp nhận hết ách độc tài quân phiệt lại đến độc tài cộng sản? Điều này nói lên một sự thật là những giá trị căn bản mà một cộng đồng chấp nhận phản ảnh những nét tâm lý của cộng đồng đó trong một số điều kiện văn hóa nhất định.

3 Thay đổi biểu tượng anh hùng là thay đổi các giá trị nền tảng của xã hội, là thay đổi cách ứng xử, và cuối cùng thay đổi số phận của một dân tộc. Đề quyết như thế có vẻ hấp dẫn trên lý thuyết, nhưng có thể sẽ là một công phu dài lâu và mệt mỏi trên thực tế. Bởi lẽ rằng thay đổi được một biểu tượng anh hùng là thay đổi một nếp nghĩ chứ không đơn giản như là thay đổi một nhãn hiệu! Đã nói đến thay đổi một lẽ thói tư duy là nói đến kết quả của công phu giáo dục, một công phu dài lâu. Tôi

ngờ rằng quan điểm của Phan Châu Trinh cho đến hôm nay, đã gần tròn một thế kỷ rồi, vẫn còn nguyên giá trị. Thời đại nào mà dân trí chỉ mở bùng một "rừng hoa vạn thọ" như Phan Khôi lo ngại, thì thời đó không thể nói là dân trí cao lên được. Khi con dân còn ngoan ngoãn chấp nhận tuyên truyền của thông tấn nhà nước, rằng một người vận động cho dân chủ như Đoàn Viết Hoạt chỉ là kẻ cuồng si, một kẻ phá hoại ổn định xã hội, thì làm sao mà dân trí gọi là cao được! Tuyên truyền như thế là bóp méo sự kiện. Bóp méo sự thật là vũ khí của độc tài, ngu dân.

Cái mà cụ Phan gọi là dân trí thấp hèn có lẽ cần phải được hiểu rộng rãi hơn là sự học vấn. Chúng ta biết rằng phong trào duy tân ở đầu thế kỷ XX đã mãnh liệt tiến công vào nạn mù chữ. Nhưng chính các nhà yêu nước thời đó không dừng lại ở chuyện dạy học chữ quốc ngữ, hoặc cổ vũ cho cái học từ chương khoa bảng, mà chính các cụ đã xem là cái học mất nước. Vậy thì thế nào là dân trí cao, theo quan niệm của nhà yêu nước họ Phan và các sĩ phu cùng thế hệ? Phan Châu Trinh "mỏi gót lông trâu" đi hô hào dân chúng quan tâm hơn nữa đến đất nước chính là vì ông và các đồng chí tin tưởng rằng đó chính là những diễn tập cho cuộc nâng cao dân trí. "Nâng cao dân trí" chính là cái học mà mỗi công dân được tập rèn thái độ suy nghĩ theo đòi sinh hoạt xã hội, và sẵn sàng đóng góp tiếng nói và khả năng của mình vào sinh hoạt xã hội trong tư cách một công dân.

Để có thể đo lường được mức cao thấp của dân trí người mình, hãy thử xem lại những hoạt động giáo dục phổ thông và đại chúng: nhà trường và thông tấn dành được bao nhiêu giờ trong suốt thời biểu làm việc trong một ngày để khuyến khích, gợi ý cho công dân quan tâm suy nghĩ đến một sự việc xảy ra trong ngày? Chúng ta thường chê bai giáo dục ngày xưa và thời Pháp thuộc là giáo dục từ chương. Đồng ý. Nhưng làm thế nào để chấm dứt thứ giáo dục từ chương? Giáo dục của các chế độ cộng hòa ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XX có thực sự thoát khỏi cái học từ chương chưa? Giả thử giáo dục những thời kỳ trước đây mà làm được việc ấy rồi thì có lẽ chúng ta không phải chịu đựng một chế độ độc tài gia đình trị, một chế độ độc tài quân phiệt tồi tệ, và một chế độ cộng sản còn tàn tệ hơn, trên đất nước ngày hôm nay.

Hiện nay, mặt trận dân chủ Việt Nam chưa thành hình, công cuộc vận động dân chủ chưa khởi sắc, là vì những giá trị nền tảng của xã hội vẫn là những giá trị cũ kỹ đã bị vượt bỏ. Nhưng làm thế nào để thay đổi những giá trị đó? Thiết tưởng, không

thể chuyển biến một cộng đồng chỉ bằng thuyết phục thay đổi một tư duy. Ngón từ lấm khi chưa đủ. Còn phải biến cái biết bằng lời thành việc làm nữa. Có thể rằng phương hướng cho giải pháp thì đã có, trong đó có thành quả suy tưởng của diễn đàn Thông Luận bao lâu nay. Nhưng giải pháp cho bài toán xã hội là một cái gì khác nằm ngoài những lí giải, những tranh biện ngôn từ.

Đến đây thiết tưởng cũng không là thừa để nhắc lại lần nữa bài học kinh nghiệm xác đáng về lí luận cách mạng của người vô sản: cuộc cách mạng xã hội chỉ có thể xảy ra khi có đủ ba yếu tố: tình thế cách mạng, lực lượng cách mạng và thời cơ cách mạng. Những người dân chủ đã nói nhiều, quá nhiều, cho quần chúng về cái tình thế cách mạng - về cái "đêm trước của cách mạng dân chủ đa nguyên". Cái đêm trước của cách mạng ấy là nổi bất bình của quần chúng về cuộc đời tù túng hiện tại, và đã có lúc người ta cảm thấy ngột ngạt, không thể chấp nhận sống như thế mãi được nữa. Nói cách khác, tình thế cách mạng đã chín muồi. Nhưng nếu những người dân chủ cứ "nói" mãi, cứ "tiến hai lùi một" mãi về những tranh luận tư biện về cách mạng, thì... sẽ tốt thôi. Vì đảng cộng sản sẽ vẫn cứ ngồi đó, sẽ vẫn tiếp tục tàn phá hủy hoại những giá trị nền tảng còn sót lại của đất nước. Và những biểu tượng của phong trào dân chủ sẽ vẫn bị khóa kín sau cửa nhà tù cộng sản.

Thực tiễn Việt Nam đã diễn tiến như thế. Có lúc, lòng dân đã tức nước vỡ bờ. Và chính quyền cộng sản đã phải tạo ra cái gọi là một sự "cởi trói" mà họ gọi bằng một mĩ từ là cuộc "đổi mới". Chủ đích của sự nói lỏng dây trói chỉ là để điều chỉnh việc cai quản chính trị, tạo một chiếc van xì hơi cho tình thế cách mạng. Khi tình thế nghẹt thở đã dịu xuống, thì cũng là lúc giới cầm quyền "xiết" trở lại. Thời cơ cách mạng đã đi qua. Vì những người dân chủ hãy còn bận bịu những việc khác!

Có tìm đúng thuốc thử màu thì cái màu nhợt nhạt của tâm lý dân tộc vẫn chưa có thể thay đổi được. Và dân tộc vẫn cứ tiếp tục chọn sai những giá trị căn bản cho nó. Vấn đề cốt tử vẫn phải là thay đổi tâm lý đó. Nhưng đó lại là phần việc lâu dài của một phong trào dân chủ bền bỉ và có tổ chức. Đó cũng còn là phần việc lâu dài hơn của giáo dục đại chúng. Thông Luận hãy nên tự hào là mình đang góp phần mình vào việc thay đổi tâm lý đó, bằng thái độ thẳng thắn, không sợ hãi, không tránh né những vấn đề chính yếu của thời đại mình đang sống. Hành trình dân chủ như thế sẽ còn là một hành trình không thể ngày một ngày hai được.

Đặng Úng Hà

Những câu hỏi chung quanh một vấn đề lịch sử

Nghiêm Y

Tim hiểu lịch sử với thái độ đứng đắn sẽ cho ta những bài học quý giá cho hoạt động xã hội bây giờ và mai sau. Vì lịch sử là chính trị của thời đã qua, và chính trị hôm nay là lịch sử cho mai sau mà thôi. Không riêng gì sử gia, mà chắc ai ai trong chúng ta cũng muốn tiếp cận lịch sử một cách trung thực. Bóp méo lịch sử chỉ là biểu hiện của một tình trạng chính trị xã hội kém cỏi, trong đó địa vị người công dân hãy còn mỏng manh như con ong cái kiến. Một bài viết gần đây trên *Thông Luận* đã gợi ý cho một cuộc thảo luận chung quanh một nhân vật lịch sử: Quang Trung. Thật ra, bài viết "Một vấn đề lịch sử" của Nguyễn Gia Kiểng đặt ra một vấn đề khác. Nhưng để minh họa cho luận điểm của mình, tác giả đã nêu ra trường hợp Quang Trung mà ông ta cho là biểu tượng điển hình của tính cách vô biên, hung bạo và độc đoán" (1).

Nhìn lại một vấn đề lịch sử như vấn đề Quang Trung, ông Nguyễn Gia Kiểng dựa trên hai cơ sở tư liệu: một phần là sử liệu, phần khác là dựa trên suy diễn riêng. Khi dẫn sử liệu, tác giả thường dựa trên một nguồn tài liệu trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí (HLNTC)* hay thư từ của giáo sĩ phương tây. Suy diễn riêng thì thường dựa trên kí ức. Chỉ chừng ấy cơ sở tài liệu thì lập luận của tác giả trong bài vừa kể không tránh được sự sơ lược đối với một nhân vật lịch sử của một thời đại phức tạp.

Trước hết, chẳng phải đợi đến khi ông NGK nhìn lại vấn đề, hình ảnh Quang Trung mới hiện ra với dáng vẻ khác. Người anh hùng dân tộc này đã không ngừng tái hiện qua thời gian với những hình ảnh khác nhau, tùy theo quan điểm khác nhau của người sau. Chỉ riêng điều này cũng đã nói lên tính cách lớn lao của một nhân vật lịch sử khiến cho tầm áo nào cũng trở thành chật chội đối với con người này.

Tương cùng nên nhắc đến ở đây là: chung quanh vấn đề Quang Trung, văn học hiện đại tỏ ra đã thoáng hơn các sử quan. Hình ảnh Quang Trung tái hiện trong Nguyễn Huy Thiệp và Nguyễn Mộng Giác dường như gần gũi với cuộc đời hơn, và tất nhiên cũng phản ánh những khác biệt quan điểm người đời sau hơn. Tuy nhiên, văn học có những nguyên lí xây dựng nhân vật riêng, rất khác biệt với những nguyên tắc tái hiện nhân vật lịch sử. Cách nhìn lịch sử trong văn học vẫn có thể chấp nhận được theo nghĩa rằng chúng

là một cách nhìn đời riêng của nhà văn, hoặc giả chỉ xem nhân vật lịch sử là một hình tượng văn học (nghĩa là sản phẩm của hư cấu) để biểu tượng cho một thông điệp văn học nào đó. Do vậy, nhân vật của tác phẩm văn học không thể dùng để tái hiện nhân vật lịch sử, mà chỉ nên dựa vào sử liệu mà thôi. Đến đây thì có một khó khăn: các nguồn sử liệu khác nhau, các quan điểm viết sử khác nhau sẽ cho ta hình ảnh khác nhau về một nhân vật lịch sử.

Mà nói gì hậu thế! Ngay người đương thời còn ghi lại hình ảnh rất khác nhau về người anh hùng này. Quang Trung xuất hiện trong một tác phẩm kí sự lịch sử đương thời là *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* hay trong tài liệu thư từ của giáo sĩ phương tây, thật là khác nhau; do đó không thể dựa trên một nguồn tài liệu duy nhất để tái hiện nhân vật của thời kì lịch sử này. Người sau thường hay trích dẫn *HLNTC*, xem như một nguồn tư liệu có thẩm quyền về thời kỳ này. Tuy nhiên, chỉ riêng một *HLNTC* cũng đã cho hai ba hình ảnh Quang Trung khác nhau rồi: ở bảy hồi đầu, ông xuất hiện như là một người ở xứ ngoài đến đất của vua Lê. Ông chỉ là một kẻ "dịch", một mối đe dọa đối với nhà chúa. Giọng văn của tác giả mấy hồi này không tránh khỏi sự thần phục ông là người thông minh, quyết đoán, và cầm quân lệnh rất nghiêm. Nhưng nói chung thì tác giả phần chính này vẫn giữ một giọng văn, một thái độ quan sát bằng một nhân vật lịch sử của thời thế lúc bấy giờ; cho nên Nguyễn Huệ cũng biết hoài nghi, biết bông đùa, và cũng hi nộ ái ố như bao người. Thời thế khi ông kéo quân ra Bắc Hà lần đầu là thời nhiều nhượng bộ, vua thì ươn hèn, chúa cũng bạc nhược, triều đình xiêu vẹo hết cả.

Đến những hồi sau của *HLNTC*, hình ảnh Quang Trung càng trở nên sáng chói. Giọng văn càng sáng khoái, rõ là giọng tán tụng một anh hùng của thời tao loạn, đã nổi lên như một biểu tượng tự hào của một đất nước đã kiệt quệ vì chiến tranh, phân hóa, tham nhũng, hối lộ, giá trị suy đồi. Hình ảnh ấy lại càng được lưu dấu bền chặt trong lòng người qua những tác phẩm văn học đương thời, như *Ai Tư Văn*, văn tế của triều thần, thơ văn của các quan chức nổi tiếng văn học... Xem thế thì những hình ảnh đẹp đẽ nhất về Quang Trung đã được chính người đương thời nói lên cả rồi, chứ không hẳn là người sau lợi dụng được hình ảnh Quang Trung mà ông

trở nên anh hùng! Tuyệt đối không phải thế. Người sau nếu có lợi dụng hào quang có sẵn của người anh hùng chỉ là để làm hào quang của họ. Hào quang đó chỉ là hào quang giả tạo.

Nhưng hình ảnh sáng chói của Quang Trung trong *HLNTC* tắt rất sớm. Mấy chương cuối cùng của sách này đã nói đến "Nguy" Tây, đối lập với quân "hoàng triều". Sự quay chiều giọng văn này là do thái độ chính trị của tác giả mấy chương sách đó. Khi chấp bút viết nối mấy chương này, người con cháu trong họ Ngô Thì đã không đứng trên lập trường chính trị của người đi trước ông là Ngô Thì Chí. Đã qua rồi thời ngang dọc của một ông tướng anh hùng. Lúc bấy giờ hình ảnh Nguyễn Ánh đã lớn lên như một nhà chính trị có những ưu thế rõ rệt, một người của thời thế, của hi vọng mới.

Xem thế thì khó mà tìm được một hình ảnh chân thực của Quang Trung trong bộ kí sự lịch sử tiểu thuyết hóa này. Khó, chẳng phải vì ba bốn bản dịch từ ba bốn bản sao khác nhau đâu. Khác biệt đó chỉ là tiểu tiết. Khó, là vì tất cả các bản phiên dịch khác nhau đều chỉ là để trình bày một sử liệu có giá trị, nhưng chúng chỉ là một nguồn tài liệu trong nhiều nguồn khác nhau, phản ánh một quan điểm nào đó (đúng hơn, phải nói là ba quan điểm khác nhau - như đoạn trên vừa phân tích). Cho nên muốn tìm hiểu cục diện xã hội chính trị của thời kì này, thiết tưởng nguồn tư liệu phong phú sống động trong *HLNTC* chưa hẳn đã là một nguồn tư liệu khách quan trọn vẹn.

Và cũng là điều hiển nhiên khi chúng ta tìm đến những tư liệu khác, như là những ý kiến nhận xét về phong trào Tây Sơn của các thương nhân phương tây, những lá thư của các giáo sĩ đương thời - những người chứng, người quan sát viên của một thời nhiều nhượng bộ. Hình ảnh Tây Sơn trong mắt những người này là "những tên cướp", "những kẻ soán đoạt", "tên bạo chúa", "những kẻ phản loạn"... Nhưng chính những người bằng quan này cũng thừa nhận rằng đó là những tên cướp nhân từ, chỉ cướp của kẻ giàu và tham những hối lộ để chia cho dân nghèo (2). Qua nguồn tư liệu này, người sau biết thêm những khía cạnh khác của một lực lượng chính trị đương thời. Họ là lực lượng sấm sét của một thời rệu rã khắp nơi. Hiển nhiên là không thể có một cái nhìn khách quan trọn vẹn về Quang Trung

từ nguồn tài liệu này. Vì, nói chung, đa số những người chúng ta không tham gia trực tiếp vào những biến động chính trị của hai miền phân tranh lúc ấy. Họ chỉ là những kẻ bên lề mà thôi. Cho nên, chỉ riêng nguồn tư liệu này thôi cũng lại chưa thể phản ánh đúng và đủ diện mạo của một thời kỳ, hay của một người như Quang Trung.

Muốn tiếp cận những hình ảnh bao quát và trung thực về thời kỳ lịch sử này, thiết tưởng còn phải tìm tư liệu từ các sách sử của người đương thời nữa: sách vở do cựu thần nhà Lê viết ra, chính sử và dã sử thời Tây Sơn, cùng với nguồn văn liệu của Nam Hà và sử quan nhà Nguyễn về sau này nữa. Cũng trong nhóm sử liệu này, cần thêm vào tài liệu từ *Thanh Sử*. Có điều cần chú ý là những sử quan này không thoát khỏi thái độ chính trị của cá nhân, của chế độ mình phục vụ. Cho nên Quang Trung có thể trở thành "Ngụy Tây" một tên "nhập khẩu" ("ăn cướp"). Nhưng các sử liệu nhà Nguyễn vẫn có thể là những tấm gương phản ánh chừng mức nào đó những sự kiện của thời lịch sử. Nói như thế là để đề chừng về một hiện tượng quen thuộc trong sách sử cũ: triều đại sau không tiếc cơ hội để thóa mạ triều trước trong các sách chính sử. Mà mối thù giữa Tây Sơn và Nguyễn Gia Miêu thì đã trở thành điển hình cho những vết nhơ của thời loạn phong kiến. Oán thù đến mức đào mã người đã quá cố, thì cũng dễ hiểu tại sao những trận đòn thù chữ nghĩa trong các sách sử thật là trầm trọng. Cho nên nguồn sử liệu từ các chính sử chỉ có giá trị trong chừng mức mà nó có thể cung cấp sự kiện cho đời sau phối kiểm.

Tổng hợp sử liệu như thế thì có thể về lại diện mạo Quang Trung trong một bối cảnh xã hội bấy giờ, là một thời nhiều nhương cùng cực. Ông như một ánh chớp xẹt ngang qua lịch sử của thời đầu thương đố. Sự nghiệp chính trị của ông chưa đủ dài để công luận có thể phê phán ông điều gì với tư cách là một nhà chính trị. Sự nghiệp chủ yếu của ông vẫn chỉ là một nhà tướng vừa bắt đầu bước vào lãnh đạo chính trị. Những quyết định nhanh nhạy, sáng tạo của một nhà chính trị gốc nhà binh này đã hé cho thấy một tầng lớp trưởng giả phong kiến cũ lúc ấy đã tàn tạ không thể chối cãi. Chính trị của Quang Trung hãy còn quá ngắn ngủi, và tất nhiên là vẫn bị quy định bởi những hạn chế của thời đại. Nhưng ông là một nhà chính trị mới nổi, và tỏ ra có nhiều đức tính của một nhà chính trị giỏi: chịu học hỏi để tiến bộ, biết lắng nghe người khác, và có thể cũng có lí tưởng xã hội.

Một vài đề quyết khác trong bài "Một vấn đề lịch sử" đã dựa trên suy luận riêng của tác giả. Chẳng hạn ý kiến của ông về

quân số Quang Trung đánh quân Thanh cũng như nguyên nhân quân Thanh sang nước ta, là những ý kiến khác hẳn những tài liệu sử khác. Đúng hay sai, chỉ có thể kiểm lại từ các nguồn sử liệu khác nhau mới dứt khoát được. Ý kiến cho rằng Nguyễn Huệ tàn ác là nhắc lại một nhận xét của người chúng đương thời. Tuy nhiên, nói cho công bằng thì trong buổi loạn li cùng độ ấy, có ông tướng nào nhân ái, có lực lượng nào nhân từ? Sách vở ghi rành rành về thành tích chém giết của mọi phe phái chứ có riêng ông nào! Trong một thời thế đó cứ nhì nhằng như mấy ông triều thần chúa Trịnh và vua Lê thì có ai coi ra gì? Bảo rằng mấy ông vô biên kia tàn ác cũng được, nhưng chắc cũng không sai là mấy nếu bảo rằng họ là những con người của những guồng máy sắt thép mà nếu không tiên hạ thủ thì chính họ sẽ nát thây.

Bảo rằng vì ghét nhà Nguyễn mà Trần Trọng Kim ngợi ca triều đại Tây Sơn có lẽ chỉ nên xem là giả thuyết để tìm hiểu thêm. Trong một hoàn cảnh nghiên cứu sử học còn sơ sài như ở xứ mình thời buổi duy tân đầu mùa, Trần Trọng Kim đã làm hết sức của mình để xem xét các triều đại lịch sử khác nhau. Đặc biệt là triều đại Tây Sơn ngắn ngủi đã được nhìn nhận một cách nghiêm túc và công tâm, ít ra cũng là thoát khỏi ảnh hưởng của các sử quan nhà Nguyễn. Điều đó càng có ý nghĩa hơn khi tác giả là người sống trong thời kỳ vua nhà Nguyễn còn đang trị vì. Công tâm của một sử gia như Trần Trọng Kim là xét rộng rãi hơn, từ cách nhìn vấn đề, từ thái độ cân nhắc sử liệu. Thái độ ấy hẳn nhiên là vượt khỏi định kiến của một trí thức Bắc Hà đối với triều nhà Nguyễn.

Quyển Lịch sử nội chiến ở Việt Nam 1771-1802 của Tạ Chí Đại Trường (3) có lẽ là quyển sử duy nhất ở nửa thế kỉ XX đã đặt lại vị thế của phong trào Tây Sơn trong lịch sử, và qua đó gián tiếp nói về hào quang có giới hạn của anh hùng Quang Trung. Tác giả của nó đã ném đủ chũa cay của thân phận một sử gia độc lập. Nhưng thái độ đối chứng sử liệu nghiêm túc, cốt dựa trên những sự kiện xác đáng, tác giả đã góp phần xứng đáng trong kho sách lịch sử nghiêm túc của thời chúng ta. Ngoài một vài sử gia hiếm hoi như Trần Trọng Kim và những người sau như Tạ Chí Đại Trường, có sử gia nào đã thật lấy đức công bình để viết về một thời phức tạp của lịch sử? Phần lớn nhà viết sử của mình chỉ là những sử quan ăn lương của ai đó mà viết sử cho đẹp lòng người phát lương. Cho nên muốn đọc sử đúng của mình thì - như đã nói - còn phải biết đối chứng sử liệu đã. Chẳng thể tin hết được mọi chữ mọi câu trong sách cũ.

Trần Trọng Kim hay Tạ Chí Đại

Trường viết về Quang Trung đã giữ vững được thế đứng độc lập của sử gia mà các sử quan khó có được. Không hề giản lược quá đáng, cũng chẳng tỏ vẻ hay bóp méo lịch sử để chiều lòng "lãnh đạo", đối với sử gia độc lập đúng nghĩa, sử là sự trước đã. Sau đó mới là ý nghĩa của sự. Nhưng sử không thể là sử của người viết sử, muốn đổi trắng thay đen gì cũng được.

Trở lại ý kiến của Nguyễn Gia Kiểng về vấn đề Quang Trung, vượt lên khỏi những luận cứ có thể còn đang tranh cãi, vẫn có thể nổi lên một ý lớn là ông *đặt dấu hỏi về bản chất chế độ quân chính điển hình* trong lịch sử nước ta. Ba tính cách mà Nguyễn Gia Kiểng cho là biểu hiện của tính cách anh hùng của Quang Trung (vô biên, hung bạo, độc đoán) có thể xem là tính cách chung của một thời kỳ lịch sử mà giới nhà binh được trọng vọng, chẳng kể họ là thuộc hàng ngu Tây Sơn, hay Trịnh và Nguyễn. Thời thế loạn lạc suốt ba trăm năm ròng rã, thì anh hùng phải là người trưởng thành trong chiến tranh thời. Điều đáng nói là sau hai trăm năm, dường như chế độ độc tài (theo kiểu phát xít, quân sự hay đảng trị) vẫn còn được dân tộc chúng ta chấp nhận như một cơ chế chính trị không thể thay thế! Tâm lí chuộng sức mạnh vô biên đã ăn sâu trong tâm thức dân tộc rồi chăng?

Phong trào nổi dậy Tây Sơn ra đời sau hai trăm năm li loạn, tưởng không thể đòi hỏi họ phải làm những sứ giả hòa bình bằng biện pháp hòa bình, vì thời thế chưa có đủ những yếu tố phù hợp với nào trạng và căn cơ của một dân tộc đã quen với phân hóa, loạn li, nhiều nhương. Đòi hỏi dân chủ, hòa giải trong tình thế đất nước cách nay hai trăm năm có thể là một đòi hỏi không chính đáng, "phi lịch sử". Đặt một việc trong bối cảnh của nó có thể giúp ta nhận đúng được lịch sử "như nó là" hơn. Vậy thì tính cách vô biên là tính cách chung của thời kì đó. Một chế độ như thế sẽ dẫn quốc gia đi đến đâu? Dường như tác giả bài "Một vấn đề lịch sử" muốn giả định rằng nó sẽ tất yếu dẫn đến những phiêu lưu quân sự để sẽ kết bằng sự sa lầy hoặc thậm chí phá sản. Nhưng lịch sử đã diễn ra như chúng ta đã biết. Chế độ quân chính đã chấm dứt rất nhanh bằng chiến thắng của Nguyễn Ánh. *Nếu* (xin nhắc lại, chỉ là *nếu*) nó không kết thúc như vậy thì những trí thức nổi tiếng đương thời như Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ich, Nguyễn Thiếp... có phương lược nào để chuyển biến nó không? Dựa trên một số tài liệu rải rác chúng ta có thể tin rằng họ có thể thay đổi được tình thế, nếu không hơn thì cũng phải như triều đình Gia Long sau đó. Vì tất cả thế hệ nho sĩ đó đều chung một ý thức hệ đương thời mà thôi.

Xem thế thì không chừng sự kiện

Những lần Tết đến

Những ai đã từng sống trên đất nước Việt Nam, đã từng sum họp gia đình để đón Tết, thì dù ở trên đất nước nào ở ngoài Việt Nam cũng không khỏi thấy lòng xao xuyến mỗi lần Tết đến.

Tôi nhớ ngày nào, vào những năm đầu của thập niên 60, mỗi lần Tết đến là lòng tôi ấm áp và rộn vui, vì nắng xuân và vì những nụ cười, tiếng nói, ánh mắt của những người thân trong gia đình, của những người dân quê mùa chất phác. Quê tôi nghèo lắm, ai cũng làm lụng quần quật cả năm mà ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Nhưng những ngày cuối năm thì người nào cũng hớn hờ dọn dẹp nhà cửa, sửa soạn áo quần để đón năm mới. Nhiều nhà góp nếp, góp đậu chung nhau nấu bánh chưng, bánh tét; góp bột góp đường chung nhau làm mứt làm bánh. Những gia đình khá hơn thì sơn phết lại nhà cửa, có được cành mai, vài chậu hoa hay vài cây cảnh. Mọi người vui vẻ, thân mật và cổ vũ; họ cười nói ồn ào, vồn vã chuyện trò với tấm lòng phơi phới. Hầu như ai cũng từ già năm cũ với ít nhiều mân nguyện. Họ đã qua được một năm cơ cực và đã sống được thêm một tuổi, nên họ mừng tuổi nhau. Họ cũng đón năm mới với nhiều hy vọng. Hình như càng nghèo thì càng hy vọng, và có lý do để hy vọng. Dù sao mỗi năm đời sống cũng khá hơn một chút, con cái cũng được học hành hơn

họ trước đây, chắc sẽ có tương lai. Họ tin tưởng và chúc lành nhau. Tâm hồn họ tươi sáng như hoa mai, như nắng sớm. Vui vẻ, ấm cúng, hạnh phúc như... ba ngày Tết.

Vào giữa thập niên 60 thì chiến tranh lan rộng tới nhiều vùng quê. Dân làng tôi từ đó sống trong lo sợ phập phồng: bom đạn, chết chóc đe dọa khắp thôn xóm. Vì nghèo nên họ đành bám lấy ruộng vườn để sinh sống, phó thác sinh mạng của mình và gia đình cho may rủi. Sau những lần "mấy ông" về làng bắt bỏ một số người, bắt một số đàn ông và thanh, thiếu niên đi "học tập" thì nhiều gia đình đành phải phân ly: đàn ông và thanh, thiếu niên ra thành phố, phần đông là Huế và Đà Nẵng, để lánh nạn; người già, đàn bà, thiếu nữ, trẻ em ở lại quê. Nhưng vào mỗi cuối năm họp nhiều gia đình vẫn cố gắng tụ tập sum họp để cùng nhau đón Tết. Trong những lần đó, trong nhà rộn những tiếng cười nói, những khuôn mặt như rạng rỡ hẳn lên, những lo âu như theo năm cũ ra đi nhường chỗ cho niềm tin của năm mới. Những ngày đầu năm mọi người thăm hỏi nhau, cùng nhau chia sẻ ngọt bùi và chúc nhau những lời chúc tốt lành. Họ tin tưởng vào lời chúc của mình và của người. Niềm hy vọng ẩn dấu trong lòng chợt lóe sáng như nắng xuân. Tết là thương yêu và hy vọng. Trong thời chiến ngày Tết vẫn đầm ấm và tin yêu.

Nhưng từ cuối tháng 4-1975 thì những ngày Tết không còn vui nữa. Người dân không những cơ cực, nghèo khổ mà còn mất luôn cả tự do và hy vọng. Năm nay hầu như không còn ai háo hức đón Tết. Một anh bạn vừa ở Việt Nam sang nói rằng Tết năm nay ở Sài Gòn buồn lắm. Chỉ còn mấy ngày nữa là Tết mà chẳng có ai sửa soạn gì cả. Hàng hóa ế ẩm, nhiều món hàng xuống giá, chỉ bằng 1/3 năm ngoái, mà chẳng có mấy người mua. Một số thân hữu cũng cho biết ở Hà Nội không khí Tết rất ảm đạm. Chợ Đồng Xuân thiếu vắng hoa đào, không phải vì thiếu hoa mà vì thiếu người mua hoa chưng Tết. Còn ở hải ngoại thì có cố gắng thế nào cũng không thể che lấp khoảng trống của tâm hồn mỗi khi Tết đến. Nhưng buồn và khổ hơn cả là những tù nhân lương tâm đang bị đày đọa trong lao tù và những người thân yêu, chí hữu, bạn bè của họ.

Hôm qua nhận được thư của chị Thức, đầu thư chị tâm sự: "Mỗi năm cứ đến ngày Tết là chị buồn nhiều, vì đây là lúc gia đình sum họp theo truyền thống dân tộc Việt Nam thì anh Hoạt lại phải bị cô lập nơi biệt giam xa xôi rét mướt...". Có nỗi

buồn nào hơn là nỗi buồn của người vợ thương nhớ chồng bị giam cầm nghiệt ngã trong những lần Tết đến. Và nỗi buồn đó đã kéo dài trên hai mươi năm.

Ngoài chị Thức còn có biết bao nhiêu người khác, như chị Tâm Vấn, người bạn đời của anh Nguyễn Đan Quế, các bà Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, chị Thanh Tú, vợ của anh Phạm Văn Thành... Và còn biết bao nhiêu người mẹ, người cha, người con, những anh chị em, chí hữu, bạn bè... của những tù nhân chính trị. Cả một thành phần dân tộc đón xuân với một nỗi niềm cay đắng.

Tết là lúc chúng ta thăm hỏi nhau và cùng nhau chia sẻ những nỗi niềm, dù là rất cay đắng. Tết cũng là lúc để tưởng nhớ đến nhau, đến cả những người mà chúng ta chưa một lần gặp mặt, những tù nhân lương tâm, những người đã và đang hy sinh đời mình để mang lại những mùa xuân tươi đẹp cho Việt Nam, cho mỗi chúng ta. Đó là Đoàn Viết Hoạt và các chí hữu trong nhóm Diễn Đàn Tự Do, là Nguyễn Đan Quế và các chí hữu trong Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ và Cao Trào Nhân Bản, là Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái và các chí hữu trong Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc & Xây Dựng Dân Chủ, là Thượng Tọa Thích Quảng Độ và các Đại Đức Trí Siêu, Tuệ Sỹ, là Phạm Văn Thành và rất nhiều người khác. Chúng ta cùng nhau thắp một nén hương lòng để tưởng nhớ những người đã chết trong tù hay ngay sau khi ra khỏi tù. Họ đã chết vì tương lai và danh dự của Việt Nam, vì tương lai và danh dự của chúng ta.

Chúng ta cũng không quên những chiến sĩ dân chủ, dù thoát vòng lao lý, nhưng luôn luôn bị đe dọa và bị khống chế bởi chính quyền hiện tại. Có những người mà chúng ta biết như Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tiểu Dao Bảo Cự, như ông Nguyễn Ngọc Lan, linh mục Chân Tín, như Nguyễn Hộ, Nguyễn Văn Trấn, Lê Hồng Hà, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến... Nhưng cũng có rất nhiều người khác mà chúng ta không biết, đã và đang hoạt động âm thầm cho tự do dân chủ trên khắp đất nước Việt Nam.

Tết cũng là lúc để chúng ta nhìn vào tương lai với nhiều hy vọng. Với hy vọng mà những chiến sĩ dân chủ vẫn tiếp tục bền bỉ đấu tranh. Với hy vọng mà dân tộc ta đã vượt qua rất nhiều thử thách trong quá khứ. Sau hai mươi năm mòn mỏi tranh đấu cùng chồng, niềm hy vọng vẫn còn nhen nhúm trong lòng chị Thức, cũng như trong lòng của rất nhiều người khác: "Chị mong Tết này ông cốp làm mạnh để sớm có thay đổi". Chúng ta cùng nhau chia sẻ niềm hy vọng đó.

Võ Xuân Minh

Trang 27

Quang Trung có lẽ phức tạp hơn những gì được phác họa trong bài viết "Một vấn đề lịch sử". Mặc dù vậy, câu hỏi lớn vẫn còn đó: một chế độ độc tài quân chính có thể nào là giải pháp cho phát triển, cho dân chủ được không? Câu trả lời sẽ là không, và sẽ tất yếu dẫn đến một vấn đề khá lớn tiếp sau đó: đâu là mô hình cơ chế chính trị khả dĩ tạo điều kiện cho mọi công dân cùng cống hiến khả năng mình cho xã hội, và chế tài những mưu đồ của những cá nhân và tập thể muốn nổi lên làm những anh hùng vô biên mà ta thấy nhan nhản ở những xứ lạc hậu! Và như vậy thì những luận điểm chính của bài viết "Một vấn đề lịch sử" có lẽ vẫn đáng để bàn bạc thêm. Vì đó mới là vấn đề chính đối với chúng ta ngày nay.

Nghiêm Y

(1) Xem: Nguyễn Gia Kiểng, "Một vấn đề lịch sử", Thông Luận số 108 (7.1997), tr. 14-18.

(2) Theo thư viết ngày 12.2.1774 của Jumilia? Xem BSEI, tr.XV, 1940, p.74.

(3) Do nxb Văn Sử Học (Sài Gòn) xb năm 1973, và nxb. An Tiêm (California) tái bản năm 1991).

Tạp ghi...

Hàng trăm ngàn tín đồ Phật giáo Hồng Kông xuống đường diễu hành trong yên lặng và cầu siêu cho linh hồn một triệu rưỡi con gà bị sát hại để phòng ngừa một bệnh dịch. Người phương Tây cười và họ làm. Sự kiện hàng trăm ngàn con bò, hàng triệu con heo và con gà bị sát hại chỉ để tránh một mối nguy cho con người một lần nữa nhắc nhở sự tàn bạo của loài người đối với các sinh vật kém thông minh hơn mình. Sự kính trọng loài vật có ích cho chính loài người bởi vì sự tàn ác với loài vật chuẩn bị sự tàn ác giữa con người với nhau.

Đuổi nhà. Vài ngàn người cầm dùi trên một khoảng đất thuộc căn cứ Long Bình từ nhiều năm nay. Chính quyền làm ngơ vì họ phần lớn là dân "miền Bắc xã hội chủ nghĩa" vào Nam lập nghiệp để chạy trốn sự nghèo khổ nơi quê hương cũ. Nhiều người từng là sĩ quan, bộ đội, hoặc thuộc diện "gia đình liệt sĩ". Họ không có hộ khẩu và căn cước, sống không chính quyền, tự quản lẫn nhau, tự giải quyết những vấn đề của đời sống hằng ngày. Không trường học, không nhà thương, con cái sinh ra không có khai sinh. Những công dân vô thừa nhận.

Gần mười ngàn gia đình sống trên những nhà sàn ven kinh Nhiều Lộc ngay giữa Sài Gòn. Họ gồm nhiều thành phần, những người từ lâu đã sống vật vờ bên bờ kinh nhìn cuộc sống thành phố như những người ngoài cuộc, những người đã từ nông thôn đến đây để tránh chiến tranh từ một phần tư thế kỷ trước, những người mới đến đây vì không có một nơi trú ngụ nào khác. Nhiều người trong họ cũng không có giấy tờ hợp lệ bởi vì nhà nước không muốn có họ.

Nếu những khoảng đất họ chiếm không có giá trị kinh tế để nhà nước quyết định "giải tỏa" thì có lẽ ít ai biết đến họ. Chính nhờ những biến động do các vụ đuổi nhà này mà chúng ta khám phá ra sự hiện hữu những đồng bào sống ngoài lề xã hội và ngoài vòng pháp luật vì bị nhà nước coi như một "lượng không đáng kể". Họ sẽ đi đâu trong một đất nước từ lâu rồi không phải là của họ nữa? Đây trước hết là một vấn đề của đạo đức chính quyền và của lương tâm dân tộc.

Việt Nam năm nay hầu như không có Tết. Hà Nội và Sài Gòn không có tiếng pháo, nhưng cũng thiếu cả cành đào, cành mai, và thiếu cả những tiếng cười. Không

phải vì mọi người đã nghèo đi, mức sống năm nay dù có phần sút giảm vẫn hơn năm hay mười năm về trước. Người ta không ăn Tết không phải vì thiếu tiền mà vì thiếu lạc quan. Việt Nam tiếp tục lừng thừng đi sâu vào bế tắc trong khi nhà cầm quyền nhất định không chịu đổi hướng đi. Trước mặt chỉ là một sự lo âu, không ai còn lòng dạ nào để ăn Tết. Chúc đất nước gì đây? Sự phục hồi niềm tin, và những thay đổi lớn.

Bạo lực và khủng bố tại Algeria đã lên tới tột độ của sự man rợ. Từ đầu mùa lễ Ramadan đã có hơn một ngàn người dân vô tội bị thảm sát bằng cách ghê rợn nhất: cắt cổ. Mục đích của bọn khủng bố là để gây xúc động trong dư luận phương Tây mà họ căm thù. Thật là bi đát khi phải phạm những tội ác với chính đồng bào mình để mong đợi một sự mũi lòng của người nước ngoài. Không có sự thú nhận thua kém nào thê thảm hơn. Cuộc chiến Algeria đã làm trên một trăm ngàn người thiệt mạng, nó đã bùng lên khi tập đoàn tướng lãnh với sự hỗ trợ của Pháp, và một phần nào đó của phương Tây, trắng trợn chặn đứng tiến trình dân chủ hóa vì lo sợ lực lượng Hồi giáo quá khích chống dân chủ sẽ đắc thắng. Người ta đã bóp chết dân chủ với lý do bảo vệ dân chủ. Nhưng cái chính quyền "cứu nguy dân chủ" của đám tướng lãnh cũng tỏ ra rất gian trá và thô bạo. Vòng lẩn tránh của đàn áp và khủng bố của Algeria không có lối ra. Vấn đề thực sự của Algeria thực ra là Hồi giáo. Kinh Coran đã thành hình từ 14 thế kỷ nay và chưa hề được tu chính để thích nghi với một thế giới đã hoàn toàn thay đổi. Nhưng kinh Coran không thể xét lại được bởi vì nó là lời nói của chính thượng đế Allah, nghĩa là chân lý tuyệt đối và vĩnh cửu. Nhưng chân lý vĩnh cửu không thể thay đổi, và do đó phải chết..

Bill Clinton lại lặn dận vì chuyện trai gái. Lần này những phiền phức của ông có vẻ cụ thể và nghiêm trọng hơn. Nhưng đầu hậu vận thế nào thì Clinton cũng đã mở ra một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên của những quốc trưởng bình thường như mọi công dân. Không nên buồn vì chức vụ tổng thống bị hạ giá. Quyền lực chính trị chỉ có chức năng quản lý quyền lợi của xã hội, người cầm quyền chính trị không cần và cũng không nên là người được kính trọng nhất nước, càng không nên được tôn sùng. Điều đáng sợ

nhất là người cầm quyền tưởng mình có quyền chỉ huy cả trí tuệ và tâm hồn của người dân, tưởng mình có vai trò đứng trên và suy nghĩ cho cả dân tộc, chọn lựa những gì người dân được biết, được nghe và được nói. Chính trị không phải là tất cả, nó chỉ thực hiện một đồng thuận mà cộng đồng quốc gia đã chọn lựa với sự hướng dẫn của các nhà tư tưởng.

Nước Pháp đang tranh cãi sôi nổi về tuần lễ 35 giờ làm việc, nghĩa là giảm 10% số giờ làm việc hiện nay. Một cuộc tranh cãi kỳ cục, pha trộn khách quan, chủ quan, tình cảm, lý trí và sự giả dối. Giảm số giờ làm việc là một khuynh hướng tự nhiên, từ đầu thế kỷ 20 đến nay số giờ làm việc đã giảm gần một nửa. Điều khác biệt là từ trước đến nay các biện pháp giảm giờ làm việc đều được biểu quyết trong một bối cảnh kinh tế tăng trưởng khiến người ta thấy cần phải chia sẻ thành quả của những cố gắng. Lần này biện pháp giảm giờ làm việc được đưa ra trong một bối cảnh kinh tế suy thoái, nhằm mục đích giảm bớt số người thất nghiệp và phát triển kinh tế. Khẩu hiệu sau cùng là "đất nước đang gặp khó khăn, chúng ta hãy cố gắng, hãy làm ít hơn và lãnh lương như trước". Căm dộ dân chủ xã hội vẫn còn quá lớn, nó vẫn còn khả năng đem lại thắng lợi trong những cuộc bầu cử. Dân Pháp chia làm hai phe nghiêng ngửa trong cuộc tranh cãi ngộ nghĩnh này. Họ đang chứng tỏ những dân tộc có văn hóa cao chưa chắc đã là những dân tộc trưởng thành.

Vấn chuyện nước Pháp. Thủ tướng Jospin nói bậy về lịch sử. Bị đá kích dữ dội, ông phải xin lỗi. Jospin rất được kính trọng về kiến thức, sai lầm này chắc chắn sẽ làm uy tín của ông sút giảm, nhưng ông đã tỏ ra lương thiện và can đảm. Dám nhìn nhận sai lầm là dấu hiệu của những trí tuệ lớn và đẹp. Tôi đã từng nghe ông Chirac nói đến "mùi hôi" của những di dân sang Pháp, tôi đã từng nghe ông Chirac nói tại thủ đô của một nước độc tài Châu Phi rằng dân chủ đa nguyên là một xa xỉ phẩm đối với các nước nghèo, và tôi chưa hề nghe ông nhận lỗi. Dầu sao ông Chirac còn đề cập tới các tù nhân chính trị với chính quyền Việt Nam, điều mà chưa một chính phủ hay một nhà lãnh đạo Châu Á nào làm.

Nguyễn Gia Kiểng

Thống Luận 112 - Tháng 02.98

THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

ASEAN sắp đổi tinh thần

Hà Nội đã rất hân hoan được gia nhập ASEAN. Ngoài những triển vọng mậu dịch, ASEAN còn là một chỗ dựa ý thức hệ bởi vì cho tới nay tinh thần chung của ASEAN là "Châu Á có những đặc tính riêng, không thể áp đặt cho các nước Châu Á những giá trị của phương Tây như dân chủ và nhân quyền". Thật là thoải mái cho chế độ cộng sản Việt Nam. Nhưng một biến cố đột ngột xảy ra tại hội nghị các nước ASEAN hồi tháng 12-1997 tại Manila, kỷ niệm 30 năm thành lập tổ chức này. Thái Lan đưa ra đề nghị ASEAN chấp nhận mục tiêu "xây dựng một xã hội cởi mở, nhân bản, dân chủ và nhân quyền" như một đồng thuận của tổ chức.

Đề nghị của Thái Lan đã được sự ủng hộ nồng nhiệt của Philippines, và được một thái độ trung lập có thiện cảm của Indonesia, trong khi Việt Nam, Mã Lai, Singapore và Brunei bác bỏ, coi đây là một vấn đề nội bộ của mỗi nước. Đề nghị của Thái Lan cuối cùng đã không được thông qua. Nhưng đây là một biến cố quan trọng chứng tỏ tâm lý trong vùng và tin thần của ASEAN đang thay đổi lớn.

Hà Nội chẳng bao lâu nữa sẽ nhận thấy ASEAN không còn là một đồng minh mà trở thành một nhức nhối cho chính sách độc tài đảng trị.

Trung Quốc lại lấn đất

Bộ ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng ngày 23-1-1998 tố cáo Trung Quốc đã xây một con đê dọc theo một con sông trên biên giới Việt Trung lấn sâu vào 8 m trong lãnh thổ Việt Nam tại huyện Đồng Mô, Quảng Ninh. Con số 8 m có thể là khiêm nhường nhưng vì là bờ sông nên có tầm quan trọng đặc biệt. Bộ ngoại giao Việt Nam cho hay phía Việt Nam đã rất kiên nhẫn trong vụ vi phạm lãnh thổ này.

Ngược lại Trung Quốc cho rằng Việt Nam đã vu cáo họ. Họ giải thích rằng vì Việt Nam xây một đập ở hạ lưu sông nên họ phải đắp đê ngăn nước bảo vệ hoa màu. Trung Quốc cáo buộc Việt Nam đã ngăn cản công trình của họ và cho biết sẵn sàng giải quyết vấn đề qua hiệp thương hữu nghị. Nhưng hiệp thương hữu nghị ở chỗ nào khi họ lấn qua lãnh thổ Việt Nam?

Tiếp tục căng thẳng vì nhà đất

Trong cuộc họp báo ngày 15-1-1998, phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam,

bà Phan Thanh Thủy đã xác nhận có lộn xộn về nhà đất tại Long Bình. Theo bà Thủy, một số "phần tử xấu" đã bị bắt giữ.

Bà Thủy cho hay những người này đã xây nhà bất hợp pháp trên một khu đất thuộc quân đội.

Đây là một vụ xuyên tạc trắng trợn của chính quyền cộng sản. Sự thực là từ hơn 10 năm nay, một số đồng bào miền Bắc đã di dân vào Nam tránh sự nghèo khổ tại cố hương. Họ phần lớn là bộ đội giải ngũ. Chính quyền cộng sản đã làm nơ để mặc họ sinh sống tại đó. Số người định cư tại đây lên rất đông. Không có con số chính xác nào về dân số ở khu này vì chính quyền không kiểm tra, không đặt cơ quan hành chính. Đồng bào ở đây tự giải quyết với nhau những vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Họ không có hộ khẩu, không có giấy chứng minh nhân dân (tức thẻ căn cước) và con cái sinh ra không có giấy khai sinh. Vì đất ở Long Bình ngày càng đắt giá nên chính quyền đã quyết định giải tỏa để chiếm khu đất này và đã gặp sự chống đối.

1. Vấn đề nhà đất cùng có triển vọng trở nên căng thẳng ngay tại trung tâm Sài Gòn. Hiện có khoảng mười ngàn gia đình sống bên bờ kinh Nhiều Lợc, chính quyền thành phố Sài Gòn quyết định giải tỏa kinh Nhiều Lợc vì lý do vệ sinh và thẩm mỹ. Lý do này chính đáng vì kinh Nhiều Lợc bị cắt ngang nên nước không lưu thông, rác rưởi và mùi hôi thối đã lên tới độ không chịu đựng được nữa. Nhưng cách giải quyết của chính quyền lại rất tùy tiện: mỗi gia đình, bất kể số người là bao nhiêu được cấp 40 triệu đồng (3.000 USD) và muốn đi đâu thì đi, hoặc có thể mua một căn hộ ở một chung cư rất xa trung tâm Sài Gòn. Ở đây đồng bào cũng phản đối vì 40 triệu đồng không giải quyết được vấn đề nhà ở. Phần đông đồng bào ở đây là những người cư trú hợp pháp và thấy cần được đối xử công bằng hơn. Hàng ngày vẫn có khoảng từ 50 đến 70 gia đình đến trụ sở Ủy Ban Nhà Đất Sài Gòn khiếu nại.

Vụ kinh Nhiều Lợc có cơ nổ lớn nếu chính quyền không giải quyết hợp tình hợp lý.

Đầu tư suy sụp

Theo tin của hãng thông tấn Pháp AFP, chính quyền Việt Nam đã thu hồi 74 giấy phép đầu tư trong năm 1997, nâng tổng số dự án đầu tư bị bãi bỏ từ 1988 lên

con số 366, tương đương với gần 3 tỷ USD. Ba nguyên nhân chính đưa đến những quyết định thu hồi giấy phép đầu tư là: phía nước ngoài không tháo khoán tiền đầu tư như đã cam kết, phá sản, và xung đột giữa người đầu tư nước ngoài và bên đối tác (partenaire, partner) Việt Nam. Gần đây, đầu năm 1998, nguyên nhân thứ ba này đã đưa đến sự sụp đổ của công ty Phương Đông, chi nhánh của công ty Procter & Gamble (P&G).

Công ty P&G đã bỏ ra 34 triệu USD và cho biết không thể tiếp tục hợp tác với phía đối tác Việt Nam là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư nữa. Họ đề nghị hoặc phía Việt Nam mua lại phần hùn của họ, hoặc bán lại cho họ phần hùn của mình. Phía Việt Nam đã từ chối cả hai đề nghị trên. Việc một bộ đứng ra kinh doanh là một trong những điều quái đản có lẽ chỉ có ở Việt Nam. Trị giá tổng cộng của các dự án đầu tư năm 1997 là 4,4 tỷ USD, bằng một nửa con số của năm 1996 (8,7 tỷ USD). Đây là một sự suy sụp trầm trọng.

Cùng nên biết là chỉ có khoảng 1/3 số vốn đầu tư cam kết được thực hiện mà thôi.

Ngoại giao lỗ mạng

Lợi là một cựu đại úy quân đội cộng sản, có công "vượt Trường Sơn giải phóng miền Nam". Suýt chết nhiều lần và còn mang nhiều vết thương nhẹ. Đảng đền ơn đáp nghĩa bằng cách cho hai vợ chồng Lợi sang làm lao nô ở Tiệp Khắc. Lợi dụng lúc bức tường Bá Linh sụp đổ, vợ chồng Lợi sang Pháp và được đồng hương ở đây giúp đỡ làm những công việc vụn vặt để sinh sống. May cho họ, họ sinh con tại Pháp và nhờ đứa con có quyền ở lại Pháp vì sinh tại đây, sau gần mười năm vất vả họ được hợp thức hóa. Nhưng còn một thủ tục: họ phải trình một chứng chỉ quốc tịch Việt Nam. Họ lên sứ quán Việt Nam tại Pháp và cuộc tiếp xúc cuối cùng với chính quyền diễn ra một cách cực kỳ tồi tệ. Một nhân viên bộ ngoại giao cầm micro nói lớn cho mọi người nghe: "Đồ phản bội tổ quốc còn vẻ mặt tới đây, v.v...". Một chính quyền đã làm dân bỏ chạy mà chưa biết xấu hổ còn dám ăn nói thô bỉ như thế sao? Vợ chồng Lợi còn niềm vui nào khi nghĩ đến quê hương cũ?

Tại sao có thái độ lỗ mạng vô lý như vậy? Lợi giải thích: "Chúng nó làm nhục như vậy để buộc chúng tôi phải đi qua trung gian, để chúng nó ăn tiền. Chỉ cần đưa tiền cho trung gian làm xong ngay".

Ông Trần Độ lên tiếng

Sau một thời gian im lặng vì lý do sức khỏe, ông Trần Độ lại vừa lên tiếng trong một tham luận tựa đề "Tình hình đất nước và vai trò của đảng cộng sản. Bản tham luận dài 13 trang đánh máy đưa ra những phân tích về tình thế và khẳng định yêu cầu dân chủ hóa.

Hai ý chính của ông Trần Độ là:

- Đảng Cộng sản theo hiến pháp có vai trò lãnh đạo nhà nước nhưng lại không do dân bầu ra như vậy là một nghịch lý không chấp nhận được.

- Tình hình đang thay đổi, sự bất mãn và chống đối của dân chúng lên cao, Đảng Cộng sản sẽ phải dân chủ hóa, nếu không sẽ phải chịu giải pháp đàn áp để rồi sụp đổ thảm khốc.

Cùng với bài tham luận, ông Trần Độ đưa ra hai đề nghị cụ thể: một là ban hành một bộ luật về tự do tư tưởng và báo chí, hai là đề nghị một thể thức bầu cử tự do.

Ông Trần Độ năm nay 75 tuổi, là một cựu trung tướng và phó chủ tịch quốc hội. Ông cũng đã từng là trưởng ban văn nghệ Trung ương đảng. Ông bị cho về nghỉ hưu vì ông bị đứt một mạch máu nhỏ ở não đưa tới tình trạng gần như tê liệt chân hai năm nay. Gần đây ông đã hồi phục. Đầu tháng 12-1995 ông Trần Độ lên Đà Lạt thăm Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc và Bảo Cự và về Hà Nội cùng với Hà Sĩ Phu. Ngay sau đó, Hà Sĩ Phu bị bắt và bị kết án một năm tù.

Thông Luận sẽ phản ánh những ý kiến của ông Trần Độ trong số tới.

Tiếp theo trang 4:

Cương lĩnh chính trị của đổi lập dân chủ Trung Quốc

b) Về Tây Tạng. Trong lịch sử, Tây Tạng đã có một địa vị độc lập cao độ đối với Trung Quốc. Trước năm 1950, Trung Quốc chỉ có một ảnh hưởng giới hạn về chủ quyền ở Tây Tạng. Cựu chính phủ Tây Tạng đã công khai tuyên bố là họ sẽ không tìm một giải pháp độc lập toàn diện. Như thế, thiết lập một hệ thống "tự trị toàn diện" được cộng đồng quốc tế công nhận có thể cho phép Tây Tạng có một sự ổn định trường kỳ vừa chú ý tới quyền lợi mỗi bên.

Vì Đức Đạt Lai Lạt Ma là người lãnh tụ tối cao của xã hội Tây Tạng và vị này vẫn còn có uy tín không thể chối cãi của dân tộc Tây Tạng, cho nên chính quyền trung ương nên bắt đầu một cuộc đối thoại chính trị với cựu chính phủ Tây Tạng dưới sự chỉ đạo của Đức Đạt Lai Lạt Ma trên nền tảng một "tự trị trọn vẹn". Một nền "tự trị trọn vẹn" cần phải chú ý tới những nguyên tố chủ yếu sau : vấn đề ngoại giao và quốc tế có thể do chính quyền trung ương đảm nhiệm.

Trên phương diện lập pháp, hành chính, tư pháp, tôn giáo, văn hóa v.v. Tây Tạng phải được hưởng thụ một nền tự trị thực sự. Những người lãnh đạo chủ yếu phải được thông qua một sự tuyển chọn trực tiếp bằng phổ thông đầu phiếu một cách dân chủ.

c) Về Đài Loan. Sự cải thiện thực sự quan hệ của hai chế độ giữa hai bờ eo biển cần phải có sự thay đổi căn bản của lục địa. Cần phải giữ một thái độ bình thường không can thiệp vào sinh hoạt của Đài Loan khi những sinh hoạt này không trái ngược với luật quốc tế hay quy ước quốc tế. Phải có thái độ tôn trọng và chấp nhận Đài Loan giải quyết sinh hoạt chính trị theo luật pháp của họ. Điều tối thiểu phải tôn trọng để cải thiện quan hệ giữa hai bên là cấm chỉ mọi hăm dọa xâm lược quân sự có thể làm hại đến lợi ích chung và làm hư hại đến quan hệ quốc tế.

Kết luận

Sự ổn định trì trệ của Liên Xô cũ trong thời kỳ Brejnev do cách dùng bạo lực, để áp chế ở trong nước và tìm kiếm những vùng ảnh hưởng bên ngoài không phải là một mô hình cho Trung Quốc hôm nay. Cũng không thể theo mô hình lỗi thời của các nước Đông Âu trong những thập niên 60,70,80, chỉ đơn thuần dựa vào phát triển kinh tế trong tham nhũng nhưng lại giả điếc về dân chủ. Chúng tôi tin chắc rằng sự khôi phục danh dự toàn bộ về sự kiện Thiên An Môn (4-6-1989) là một mốc quan trọng để thực hiện công lý chính trị và công lý tư pháp. Sự khôi phục này cũng sẽ đáp lại sự chờ đợi đã lâu của cộng đồng quốc tế. Cuối cùng chúng tôi cũng tin chắc rằng với những tư tưởng dân chủ, chúng tôi sẽ kiên trì chủ trương và khuyến khích sự biến đổi sâu sắc và lịch sử của Trung Quốc. Chúng tôi là biểu tượng chân chính của sức mạnh và ngày mai xán lạn cho thế hệ sắp bước vào ngưỡng cửa thế kỷ 21.

Nguyễn Phi Phụng

Nhà văn Mai Thảo từ trần

Nhà văn Mai Thảo đã từ trần hồi 3 giờ sáng, giờ Cali, ngày 10 tháng 1 năm 1998 tại quận Cam, California, Hoa Kỳ, sau một thời gian dài trọng bệnh. Lễ an táng đã được cử hành ngày 17 tháng 1 năm 1998 tại Westminter Memorial Park, California.

Mai Thảo tên thật là Nguyễn Đăng Quý, sinh ngày 8 tháng 6 năm 1927 tại làng Quần Phương Hạ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Ngay từ năm 1946, Mai Thảo đã làm báo, viết văn tại Hà Nội. Ông di cư vào Nam năm 1954 và vượt biển tị nạn tại Hoa Kỳ năm 1978.

Từ 1956 đến 1975, tại miền Nam, ông lần lượt chủ trương các tạp chí Sáng Tạo, Nghệ Thuật, Văn. Sang Hoa Kỳ, ông tục bản tờ Văn từ 1982 đến 1996, vì tình trạng sức khỏe, ông trao lại tờ Văn cho Nguyễn Xuân Hoàng. Mai Thảo là tác giả của trên 50 tác phẩm truyện ngắn, tùy bút, truyện dài. Tên tuổi Mai Thảo gắn liền với nhóm Sáng Tạo, có ảnh hưởng sâu xa vào từng lớp thanh niên trí thức và mở đường cho một suy tưởng mới, trong sự thay đổi bút pháp và tìm đến những thao thức nội tại con người.

Ngay từ tập truyện ngắn đầu tay Đêm Giã Từ Hà Nội, Mai Thảo đã xác định một bút pháp độc đáo, mở rộng suy tưởng. Tác phẩm cuối cùng của Mai Thảo, tập thơ Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền có thể xem là cô đọng những suy nghĩ của một đời người trong lòng những câu thơ vừa hiện sinh, vừa thiên vị.

Mai Thảo là một trong những khuôn mặt văn nghệ hiếm hoi mà nhân cách nghệ sĩ và phong thái tự do không chỉ tiềm ẩn trong văn chương mà còn thể hiện trong cung cách sống, trong tình bạn và tình người. Mai Thảo nói: Tôi không biết. Chính ở chỗ không biết ấy mà Mai Thảo phát xuất điểm khởi hành và ông nói đến hôm nay, bây giờ như một địa điểm khởi hành của sáng tạo.

Thụy Khuê

Nghề tổ

LTS: *Hàn Sĩ là bút hiệu của một nhà khoa học Việt Nam viết cho một người bạn trong ban biên tập Thông Luận. Ban biên tập thấy nên chia sẻ cùng độc giả.*

Lúc tôi còn nhỏ mẹ tôi thường đe tôi: "Nếu không học hành tử tế thì sau này chỉ có đi hót cút thôi con ạ". Hình ảnh người gánh phân suốt ngày lang thang trong cái thị trấn nghèo quê tôi làm tôi rùng mình. Cái tương lai có mùi khó ngửi này chẳng quyến rũ nổi ai.

Nhưng mẹ tôi lầm. Thời tôi lớn, đây là một nghề hái ra tiền. Ít nhất thì cũng hơn hẳn cái sự kiếm ăn với tấm bằng phó tiến sĩ vật lý của tôi. Anh biết đấy, Viện Khoa Học của tôi cạnh làng Cổ Nhuế, tôi có đủ sở cứ để khẳng định với anh điều đó. Làng này sống bằng nghề hót cút, có đền thờ Thành Hoàng làng hẳn hoi, mà Thành Hoàng làng Cổ Nhuế là một vị hót cút chính hiệu. Trong đền, người ta thờ đôi quang và chiếc đòn gánh cùng hai mảnh xương trâu, tất cả đều được sơn son thiếp vàng. Những dụng cụ đáng được đặt lên bàn thờ lắm, bởi vì với chiếc áo tơi lá khoác hờ, với đôi quang gánh nặng mùi trên vai và hai mảnh xương trâu cầm tay, người làng Cổ Nhuế đã đời này qua đời khác, ngày lại ngày, làm sạch cho thủ đô Hà Nội gần hai triệu dân.

Vua Lê Thánh Tông từng ban cho làng này câu đối:

Khoác tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ

Vung hai thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian.

Anh đừng so sánh Cổ Nhuế với cái làng Phương Lưu, cạnh trường Đại học Đường Thủy của anh, ở Hải Phòng. So sánh như thế là hạ nhục làng Cổ Nhuế của tôi đấy. Ngoài cái vinh quang của nghề hót cút (lao động là quang vinh), làng Cổ Nhuế còn là quê hương của một đại tướng lừng danh là đại tướng Văn Tiến Dũng, cũng có một tổ tiên vinh quang như các vị đồng hương gồng gánh của ông. Hơn nữa, làng Phương Lưu của anh tuy hót cút thật, nhưng chủ yếu sống bằng nghề đạo chích, chứ đâu có được "tôn chỉ, mục đích" như dân Cổ Nhuế.

Thanh niên Cổ Nhuế ta thề

Chưa đầy hai sọt chưa về quê hương.

Nhưng không phải dân làng Cổ Nhuế lúc nào cũng được hưởng cái vinh quang của lao động đâu anh ạ. Kể từ những năm hợp tác hóa ò ạt vào cuối thập niên 50, nghề hót cút đã phải chịu nhiều cay đắng. Người ta ngăn cấm những người nông dân đi hót cút, coi như họ là những người lười lao động, "bỏ việc đồng áng" để đi...

buôn cút. Người làng Cổ Nhuế tôn trọng pháp luật của Đảng dành ngôi nhà mà tiếc rẻ những bãi... đơn côi, không người chăm sóc. Chỉ mãi tới cuối năm 1986, sau Đại hội Đổi Mới của Đảng, đất đai được chia ra để cho các gia đình nông dân tự canh tác, nghề trồng rau ở ngoại thành Hà Nội sống lại, người Cổ Nhuế mới lại được phép đi... hót cút và... buôn cút. Rau củ của xứ ta ngon là nhờ phân bắc, các cụ lão nông tri điền dạy thế. Phân hóa học, cho dù là sản phẩm của trí tuệ văn minh, chỉ cho những thứ rau xanh tươi đấy, mà nhạt thếch.

Đổi Mới và Cởi Trói do nguyên tổng bí thư Nguyễn Văn Linh khởi xướng theo mẫu công khai (glasnost) của nguyên tổng bí thư Gorbachốp bên Liên Xô có mặt trái của nó. Trước đây ai muốn đi hót cút thì hót, nhưng từ ngày người người đi hót, nhà nhà đi hót, thì theo quy luật "người khôn của hiểm", dân Cổ Nhuế đã chiến đấu ngoan cường để giành lấy địa vị đứng đầu ngành... cút của Việt Nam. Không biết đại tướng đồng hương có can thiệp vào chuyện này hay không, nhưng theo một quy định của ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, dân ngoại thành không được phép tự do hót cút và lấy cút nữa. Trước đây, ngoài những bãi cút vô tổ chức, vô kỷ luật mà bất cứ ai cũng có thể hót, người đi lấy cút có thể đến làm vệ sinh cho các nhà xí hai ngàn ở các thành phố để thu về cho mình số cút kiếm được. Bây giờ người nông dân ngoại thành bắt buộc phải mua phân tại chợ Cổ Nhuế, một chợ đặc biệt, tự cổ chí kim, từ Đông sang Tây đều không có, được thành lập năm 1989. Giá cả tùy thuộc chất lượng (nói sau).

Dân ngoại thành bây giờ trở thành người đi lấy phân thuê cho Cổ Nhuế. Họ được phân chia địa bàn hoạt động, theo lịch sắp xếp, mang "sản phẩm" đến chợ, nhưng không phải để họ tự bán. Họ chỉ được nhận phần trăm tiền bán, mà giá do thanh niên Cổ Nhuế quyết. Chồng lại ư? Mất việc ngay. Đội hậu bị hàng ngàn người muốn "xung phong" thay chân kiếm cút (xã hội hiện đại, lượng cút hót ít lắm, nay phải kiếm, tức là đi làm vệ sinh để lấy cút ở các hố xí, như đã nói ở trên). Đi kiếm cút hơn hẳn làm thương nghiệp, đừng nói gì tới nông nghiệp. Một lần, tôi hỏi một anh Cổ Nhuế giá cả như thế chắc các anh chóng giàu lắm. Anh ta đáp:

- Anh giai ơi, trông thế thôi, chứ kiếm

được hai sọt thì cũng ăn mẹ nó hết một sọt rồi còn gì (!).

Đúng là họ cũng phải chi nhiều: nào là công an, nào chủ nhà, ăn uống đêm hôm phục chờ phân...

Cuối năm 1989 trong chợ phân xuất hiện phân giả. Người ta dùng đất sét tuốn qua ống nứa, già nhỏ thân chuối trộn với nghệ bôi bên ngoài và cho tất cả lẫn vào phân thật. Đó là bí quyết. Phân giả gây ra sự náo loạn cho chợ phân khiến cho thanh niên Cổ Nhuế phải cử ra một bộ phận kiểm tra "chất lượng" trước khi giao hàng.

Anh còn nhớ dốc Bưởi chạy về Viện Khoa Học tôi không? "Trạm kiểm tra" được lập ngay tại đó, hoạt động từ tờ mờ sáng đến gần trưa. Mùi uest khí từ tay các "kiểm tra viên" thọc thẳng vào sọt phân tìm "của giả". Nhờ sự lành nghề và cương quyết, sau đó vài tuần, nhiều đứa làm cút giả đã bị cắt giấy phép.

Tại chợ, cút được chia thành 4 loại:

- Hạng 1 (first class) là phân lấy từ khu Ba Đình, nơi có nhiều gia đình quan chức và dân giàu có nên cút được coi là "nạc" (tiếng nhà nghề chỉ rằng cục phân rắn, chất lượng cao).

- Hạng 2: từ khu Hoàn Kiếm, nơi có nhiều dân buôn bán, nhiều nhà hàng, khách sạn.

- Hạng 3: từ khu Hai Bà Trưng và Đống Đa, nơi đa số dân cư là người lao động xài nhiều rau nên phân "mỡ" (nhiều nước, lỏng bông).

- Hạng 4: từ ngoại thành, loại này xanh lợt vì "nguồn nguyên liệu" thuần túy là rau muống. Bà con nông dân làm gì có thịt mà ăn?

Có một lần tại chợ xuất hiện sọt phân đề chữ "Phân ngoại 100%". Dân chúng không hiểu tại sao có bọn dám qua mặt hải quan nhập lậu "phân ngoại" về xài. Về sau chủ nhân giải thích: phân lấy từ bể "phốt" (fosse septique) của Sứ quán nước ngoài thì không phải là phân "ngoại" còn là phân gì?

Đây là những điều tai nghe mắt thấy, tôi ghi lại gửi cho anh để có dịp anh kể cho bà con xa nước nghe chơi. Cho biết ở quê hương ta có cái gì mà người ta hoàn toàn không có, có tiền cũng không có.

Tôi đảm bảo đây là sự thật "chăm phân chăm".

Hàn Sĩ

Trang 31

Thư độc giả:

Chú ý nhiều hơn đến lời cảnh giác

Tôi đã thích thú theo dõi cuộc tranh luận - đúng là tranh không phải thảo hay hội luận - về nhân vật Nguyễn Huệ và trận chiến thắng quân Thanh. Ông Nguyễn Gia Kiểng, tuy không nhận là sử gia, ít nhất đã có công nghiên cứu rồi phân tích vai nổi bật của triều Tây Sơn căn cứ ở chứng tích do nhiều nguồn gốc mà ông viện dẫn minh bạch để tiện đối chiếu. Phương pháp này thông thường đến thành đương nhiên trong ngành sử học Âu Mỹ, nhưng chưa mấy khi sử dụng để soạn những bộ sử quốc ngữ, trước tiên là cuốn Việt Nam Sử Lược, từng là sách giáo khoa trung học một thời đáng kể (*). Nhiều thế hệ học sinh và người đọc nói chung chỉ thấy lời thuật giải theo nhận định riêng của tác giả đối với nhiều dữ kiện có phần mù mờ, nhưng được trình bày như sự thực lịch sử, không có nghi vấn nào cả.

Giá trị sử liệu và luận cứ của ông Nguyễn Gia Kiểng về chiến thắng Đống Đa chắc chắn sẽ được cân nhắc kỹ lưỡng do sự đóng góp của các bậc thức giả và sử gia, lần lượt đăng tải trên Thông Luận và trên nhiều báo Việt ngữ. Đáng tiếc rằng đồng thời cũng phát hiện ít lời công kích nặng chất phỉ báng xuất phát từ thành kiến cá nhân, không đem lại những gì công luận và chính tác giả đề tài chờ đợi. Hiện tượng nhằm chán ấy hy vọng chỉ là tàn dư của thái độ thiếu đúng đắn, chưa chấp nhận rằng đối thoại nghiêm chỉnh và thẳng thắn là nền tảng đời sống của xã hội dân chủ mà chúng ta đang xây dựng.

Sau cùng, tôi nghĩ trọng tâm của đề tài không ở tư cách Nguyễn Huệ hoặc tầm vóc chiến công của ông ta, tuy rằng kham phá những dữ kiện chính xác liên quan tới ông không phải là không bổ ích. Tiếp theo sự nghiên cứu và phân tích sử liệu, cuộc thảo luận nên chú ý nhiều hơn đến lời cảnh giác của ông Nguyễn Gia Kiểng về nguyên tắc bạo lực và quyền lực độc đoán có thể che dấu dưới hình ảnh một thần tượng cận kim hay lịch sử do một chế độ chủ tâm tạo dựng làm bình phong. Dù thần tượng chung cuộc bị lật trần mặt nạ và sụp đổ thảm hại - như Hồ Chí Minh - sự tác hại cho đất nước và quốc dân thực không có cách nào bù đắp nổi.

Nghiêm Văn Thạch (Lognes)

(*) Gần đây mới có bộ sử Việt Nam do

ông Hoàng Cơ Thụy biên soạn, còn đang phát hành từng tập, liệt kê đầy đủ sách và tài liệu tham khảo, lại ghi rõ phần nào là ý kiến hay nhận định của tác giả. Điều đáng ghi chú nữa là ông Hoàng Cơ Thụy, cũng như ông Nguyễn Gia Kiểng, chỉ nhận định là người đọc sử mà thôi.

Tư duy mới lạ, sáng tạo

"Qua một người bạn, tôi đã được coi vài số báo Thông Luận. Mới tiếp cận, tôi đã nhận ra tờ báo của những trí thức có tâm huyết. Với hàng loạt các chuyên đề được đề cập, báo Thông Luận đã nắm bắt và giải quyết nhiều vấn đề bức xúc của đất nước. Đặc biệt, qua một số bài viết của kỹ sư Nguyễn Gia Kiểng, ông đã gây rất nhiều sự chú ý cho người đọc với những tư duy mới lạ, sáng tạo và mạnh bạo. Tất nhiên một vài quan điểm và sự đánh giá của ông chưa được sự nhất trí của một số độc giả, trong đó có tôi. Dù sao đi nữa tôi vẫn nhìn ông bằng con mắt kính trọng - một con người bản lĩnh và có nhiệt tâm đối với đất nước.

Với sự trân trọng của mình, tôi đã đặt mua báo *Thông Luận*...".

Phạm Văn Xuân (Saarburg)

~~~~~

## Thông báo

**Liên minh Dân chủ Việt Nam  
Câu lạc bộ Thân hữu Thông Luận**

Kính mời quý vị tham dự buổi thảo luận với chủ đề **Việt Nam 1998:**

- Phe cộng sản bảo thủ sẽ đưa Việt Nam đi về đâu ?
- Nổi dậy ở Hồ Nai và ở Thái Bình
- Á châu bị phá sản tiền tệ, Việt Nam sẽ trả giá đến đâu ?
- Giáo dục Việt Nam đang phá sản ?

**tổ chức vào chủ nhật 22-3-1998  
từ 15g đến 18 g  
tại hội trường d'Aragnan  
Auberge de jeunesse  
80 rue Vitruve 75020 Paris**

Métro : Porte de Bagnolet hay  
Porte de Montreuil  
(đường Vitruve một chiều, dựng vào  
số 175 đại lộ Davout hội trường nằm  
cách đại lộ Davout 200 thước)

## Mục lục

1. Lê Khả Phiêu sẽ làm gì ?  
**Thông Luận**
2. Cải tổ kinh tế và sỏi nổi  
chánh trị ở Nam Dương  
**Diệp Tường Bảo**
3. Cương lĩnh chính trị của đối lập  
dân chủ Trung Quốc  
**Nguyễn Phi Phụng dịch**
5. Nói chuyện với nhà báo **Bùi Tín**
7. Nếu duy trì chuyên chế ...  
**Tôn Thất Thiện**
9. Nhân dịp Tết, bàn về chữ "lẽ"  
**Trần Thanh Hiệp**
13. Gây lại niềm tin  
**Nguyễn Hữu Thống**
15. Ngậm ngùi với ngành  
giáo dục Việt Nam  
**Trần Ngọc Sơn**
18. Những nguyên tắc  
nền tảng của giáo dục  
**Tôn Thất Long**
22. Thuốc thử màu tâm lí dân tộc  
**Đặng Úng Hà**
25. Những câu hỏi chung quanh  
một vấn đề lịch sử  
**Nghiêm Y**
27. Những lần Tết đến  
**Võ Xuân Minh**
28. Tạp ghi  
**Nguyễn Gia Kiểng**
29. Tin tức thời sự
31. Nghề tổ  
**Hàn Sĩ**
32. Thư độc giả

## Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

**Ban biên tập**